

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : VIỆT NAM HỌC (VĂN HÓA DU LỊCH)

Sinh viên : Phạm Quang Huy

Giảng viên hướng dẫn: ThS Lê Thành Công

HẢI PHÒNG – 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

**TÌM HIỂU THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP KHAI THÁC
PHÁT TRIỂN DU LỊCH ĐỐI VỚI CHÙA AN PHÚ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC (VĂN HÓA DU LỊCH)**

**Sinh viên : Phạm Quang Huy
Giảng viên hướng dẫn: ThS Lê Thành Công**

HẢI PHÒNG – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Quang Huy

Mã SV: 1512601010

Lớp : VH1901

Ngành: Việt Nam học (Văn hóa du lịch)

Tên đề tài: Tìm hiểu thực trạng và đề xuất giải pháp khai thác phát triển du lịch đối với chùa An Phú

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Tìm hiểu về quá trình du nhập của Phật Giáo vào Việt Nam và vào thành phố Gia Định.
- Giới thiệu về chùa An Phú từ lịch sử hình thành, giá trị kiến trúc, giá trị nghệ thuật, giá trị tâm linh.
- Trình bày mùa lễ Phật đản và Vu lan tại chùa An Phú
- Thông qua nghiên cứu khảo sát, tiếp cận thực tế đã đặt ra những nhiệm vụ cần thiết là phải nắm rõ tình hình , di vật văn hóa, kiến trúc, cảnh quan trong khuôn viên chùa cũng như là những thực trạng về việc bảo tồn các loại di sản trong chùa và những yếu tố tác động bên ngoài.
- Từ đó đưa ra các giải pháp thực tiễn để bảo tồn và phát huy di sản văn hóa.
- Đề xuất giải pháp phát triển du lịch đối với chùa An Phú, quận 8, Thành Phố Hồ Chí Minh

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- Các tài liệu về chùa An Phú

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

- Chùa An Phú

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Lê Thành Công

Học hàm, học vị : ThS

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Tìm hiểu thực trạng và đề xuất giải pháp khai thác phát triển du lịch đối với chùa An Phú

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 20 tháng 03 năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 12 tháng 06 năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Phạm Quang Huy

Lê Thành Công

Hải Phòng, ngày 10 tháng 06 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: ThS. Lê Thành Công
Đơn vị công tác: Trường Đại học Quản lý và công nghệ Hải Phòng
Họ và tên sinh viên: Phạm Quang Huy Chuyên ngành: Văn hóa du lịch
Đề tài tốt nghiệp: Tìm hiểu thực trạng và đề xuất giải pháp khai thác phát triển du lịch đối với chùa An Phú

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu đề phục vụ nội dung nghiên cứu.
- Có ý thức kỷ luật tốt, chăm chỉ, chịu khó học hỏi.
- Hoàn thành đề tài đúng thời hạn.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

-
- Đề tài đáp ứng yêu cầu đề ra về lý luận và thực tiễn, đạt chất lượng tốt của khóa luận tốt nghiệp đại học ngành Việt Nam học (Văn hóa du lịch)
-

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 10 tháng 06 năm 2019
Giảng viên hướng dẫn

ThS. Lê Thành Công

| | |
|---|-----------|
| PHẦN MỞ ĐẦU | 1 |
| CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ DI SẢN VĂN HÓA PHẬT GIÁO VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH | 4 |
| 1.1 Khái quát về Di sản văn hóa Phật giáo | 4 |
| <i>1.1.1. Quá trình Phật Giáo du nhập vào Việt Nam</i> | 4 |
| <i>1.1.2. Khái niệm Di sản Văn hóa Phật giáo</i> | 15 |
| <i>1.1.3. Vai trò của Di sản Văn hóa Phật giáo</i> | 16 |
| <i>1.1.4. Ý nghĩa của Di sản Văn hóa Phật giáo</i> | 18 |
| <i>1.2. Giá trị di sản Văn hóa Phật giáo với phát triển du lịch</i> | 22 |
| <i>1.3. Một vài sản phẩm du lịch gắn với Di sản văn hóa Phật giáo</i> | 26 |
| <i>1.4. Tiểu kết</i> | 29 |
| CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KHAI THÁC PHÁT TRIỂN ĐỐI VỚI CHÙA AN PHÚ | 31 |
| <i>2.1. Tổng quan về chùa An Phú</i> | 32 |
| <i>2.1.1. Lịch sử hình thành</i> | 33 |
| <i>2.1.2. Kiến Trúc</i> | 39 |
| <i>2.1.3. Các tác phẩm nghệ thuật trong chùa</i> | 32 |
| <i>2.1.4. Lễ hội Phật giáo tại chùa An Phú</i> | 48 |
| <i>2.2. Thực trạng khai thác phát triển du lịch đối với chùa An Phú những năm gần đây</i> | 56 |
| <i>2.2.1. Khai thác trong dịp lễ hội</i> | 56 |
| <i>2.2.2. Khai thác ngoài dịp lễ hội</i> | 57 |
| <i>2.3. Đánh giá nhận xét</i> | 61 |
| <i>2.4. Tiểu kết</i> | 63 |
| Chương 3. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP KHAI THÁC HIỆU QUẢ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VỚI CHÙA AN PHÚ | 64 |
| <i>3.1 Giải pháp đối chùa An Phú</i> | 64 |
| <i>3.1.1 Định hướng phát triển du lịch của Thành Phố Hồ Chí Minh</i> | 67 |
| <i>3.1.2 Giải pháp bảo tồn quy hoạch không gian kiến trúc</i> | 69 |
| <i>3.1.3 Bổ sung các gian hàng trưng bày và hoạt động hỗ trợ</i> | 71 |
| <i>3.2. Giải pháp khai thác lễ hội chùa An Phú</i> | 71 |
| <i>3.3. Các giải pháp khác</i> | 72 |
| <i>3.3 Tiểu kết</i> | 74 |
| KẾT LUẬN | 76 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 78 |

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ngày nay cùng với sự phát triển nhanh chóng của xã hội, du lịch đã trở thành nhu cầu không thể thiếu trong đời sống của con người. Hoạt động du lịch đang được phát triển một cách mạnh mẽ, trở thành một ngành kinh tế quan trọng ở tất cả các quốc gia. Du lịch không chỉ giúp con người nghỉ ngơi, giải trí mà còn giúp con người thỏa mãn nhu cầu to lớn về mặt tinh thần. Mỗi quốc gia, mỗi dân tộc, mỗi tỉnh thành đều có những đực trưng về mặt tự nhiên, lịch sử, văn hóa có tiềm năng thu hút khách du lịch. Thông qua việc phát triển du lịch, sự hiểu biết và mối quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc ngày càng được mở rộng vì nền hòa bình và tình hữu nghị trên thế giới. Do đó, vượt ra khỏi phạm vi cá nhân du lịch và phổ biến với mục tiêu không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho con người, củng cố hòa bình và tăng cường tình hữu nghị giữa các dân tộc.

Trong những năm gần đây, hoạt động du lịch ở nước ta trở nên hết sức đa dạng, phong phú với nhiều loại hình hấp dẫn. Một trong những loại hình được quan tâm, phát triển mạnh nhất là du lịch văn tâm linh. Loại hình du lịch đã và đang đáp ứng được nhu cầu tham quan, giải trí, khơi gợi lòng ham hiểu biết và mang ý nghĩa giáo dục rất cao. Không những chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng, hiện nay ở Việt Nam loại hình du lịch này còn được coi là một trong những nền tảng phát triển của ngành du lịch bao gồm đình, chùa, đền, miếu....

Hầu hết đều gắn liền với các sự kiện lịch sử, truyền thuyết, lễ hội, các nghi thức cầu cúng, các phong tục tập quán của cộng đồng, ... Qua đó, phản ánh cuộc sống chiến đấu, lao động của con người Việt Nam, không chỉ gắn liền với lịch sử dân tộc, các danh nhân văn hóa mà còn phản ánh khát vọng đời sống tâm linh của con người hướng tới chân – thiện – mỹ. Các di tích cũng chứa đựng các giá trị to lớn về kiến trúc, mỹ thuật, phản ánh giai đoạn lịch sử của đất nước và cùng với đó là những cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, có sức hút rất lớn đối với khách du lịch. Trong những năm gần đây, du lịch văn hóa với các tour theo các tuyến điểm du lịch được phân bố khắp chiều dài đất nước, theo vùng miền từ Bắc vào Nam.

Sài Gòn thuộc dải đất phía Nam – là một thành phố phát triển nhất, năng động nhất cũng là thành phố có tiềm năng du lịch phong phú.

Là một thành phố trẻ chỉ với 300 năm lịch sử, nhưng Thành phố Hồ Chí Minh đã xây dựng được không ít công trình kiến trúc và sở hữu một nền văn hóa đa dạng.

Các địa điểm du lịch của thành phố tương đối đa dạng. Bên cạnh những việc bảo tàng, công viên, nhà cổ, nhà thờ, trung tâm mua sắm, giải trí... còn đó những ngôi đình, miếu, chùa cổ kính... Một trong số đó là di tích tâm linh chùa An Phú tại Sài Gòn – Gia Định. Chùa có ý nghĩa lớn về nhiều mặt trong đời sống văn hóa-tâm lịch của người dân địa phương đang sống trên mảnh đất trẻ trung, sôi động này.

Chùa được sách kỷ lục Việt Nam ghi nhận là ngôi chùa được tạo tác từ nhiều mảnh sành nhất Việt Nam. Đây là điểm quan trọng, tạo nên bước tiến quan trọng cho du lịch văn hóa tâm linh ở Sài Gòn – Gia Định. Tuy nhiên những năm vừa qua du lịch Thành Phố Hồ Chí Minh vẫn chưa chú trọng nhiều đến khai thác hết tiềm năng phục vụ phát triển du lịch văn hóa – tâm linh cũng như chú trọng giữ gìn, bảo tồn do đó người viết quyết định chọn đề tài:

“Tìm hiểu thực trạng và đề xuất giải pháp khai thác phát triển du lịch đối với chùa An Phú, quận 8, Thành Phố Hồ Chí Minh” để làm đề tài khóa luận của mình

2. Mục đích, ý nghĩa của việc nghiên cứu

Mục đích của đề tài là tìm hiểu về chùa An Phú và lễ hội để phục vụ phát triển du lịch. Về mặt thực tiễn, mục đích của đề tài là tìm hiểu lịch sử, kiến trúc, cách bài trí, nghi lễ, tổ chức, nội dung và cách thức triển khai lễ hội, đánh giá tích cực, hạn chế, qua đó đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác lễ hội để phục vụ cho sự phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung một cách bền vững. Bên cạnh đó, việc phát triển loại hình lễ hội du lịch đang được tất cả các ban ngành, các cơ sở kinh doanh lễ hành quan tâm đầu tư, các cá nhân tìm hiểu và mong chờ những cải biến hấp dẫn. Song, việc thống kê, hệ thống các thông tin cung cấp về vấn đề này còn ít, đồng thời những thời liệu đó mới dừng lại ở chỗ cung cấp thông tin, ít tài liệu đề cập đến việc định hướng khai thác tài nguyên này cho hoạt động du lịch. Vì thế, với đề tài này, trên cơ sở vận dụng lý thuyết của du lịch học vào trong thực tiễn du lịch, người viết mong muốn đưa ra một cái nhìn về sản phẩm du lịch độc đáo này, từ đó đề xuất những định hướng cho việc phát triển du lịch của địa phương trong thời gian tới, tạo nên nét độc đáo, hấp dẫn cho du khách.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1 Đối tượng nghiên cứu : Đối tượng nghiên cứu là di tích lịch sử chùa An Phú

3.2 Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: Chùa An Phú, tại số 24, phường 10, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

Về thời gian: Thời gian nghiên cứu: từ tháng 4-5 năm 2019

4. Phương pháp nghiên cứu

Thu thập và xử lý thông tin: là phương pháp chính được sử dụng trong đề tài. Trên cơ sở thu thập thông tin tư liệu từ nhiều lĩnh vực, nhiều nguồn khác nhau có liên quan tới đề tài nghiên cứu, người viết sẽ xử lý, chọn lọc để có những kết luận cần thiết, có được tầm nhìn khái quát về vấn đề nghiên cứu.

Phương pháp thống kê, phân tích so sánh tổng hợp: Phương pháp này giúp định hướng, thống kê, phân tích để có cách nhìn tương quan, phát hiện ra các yếu tố và sự ảnh hưởng của yếu tố tới hoạt động du lịch trong đề tài nghiên cứu việc phân tích, so sánh, tổng hợp các thông tin và số liệu mang lại cho đề tài cơ sở trong việc thực hiện các mục tiêu dự báo, các chương trình phát triển, các định hướng, các chiến lược và giải pháp triển du lịch trong phạm vi nghiên cứu của đề tài.

5. Bộ cục của đề tài

Đề tài khóa luận gồm ngoài có phần mở đầu, kết luận và phụ lục thì nội dung chính bao gồm:

CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ DI SẢN VĂN HÓA PHẬT GIÁO VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KHAI THÁC PHÁT TRIỂN VỚI CHÙA AN PHÚ

CHƯƠNG 3. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP KHAI THÁC HIỆU QUẢ PHÁT TRIỂN DU LỊCH ĐỐI VỚI CHÙA AN PHÚ

CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ DI SẢN VĂN HÓA PHẬT GIÁO VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH

1.1 Khái quát về Phật Giáo Việt Nam

1.1.1 Quá trình Phật Giáo du nhập vào Việt Nam

Phật giáo từ Ấn Độ du nhập Việt Nam đã trên hai ngàn năm. Ngay từ rất sớm, Phật giáo đã được tiếp nhận và trở thành một tư tưởng chủ đạo trong nền văn hóa dân tộc, dĩ nhiên là sau khi đã bản địa hóa Phật giáo. Suốt hơn hai ngàn năm lịch sử, Phật giáo luôn đồng cam cộng khổ với vận mệnh thăng trầm của xứ sở, trong công cuộc chống ngoại xâm cũng như sự nghiệp dựng nước, mở mang bờ cõi, đánh bật âm mưu xâm lăng và nô dịch về văn hóa của thế lực phương Bắc trong nhiều giai đoạn.

Do vậy, lịch sử Phật giáo Việt Nam phải được trình bày như thế nào để phản ánh được sự thật sinh động và mối quan hệ mật thiết đó? Đây là một vấn đề không đơn giản, bởi những khó khăn nhất định, đặc biệt là về tư liệu, mà chúng ta gặp phải.

Hầu hết các sách Lịch sử Phật giáo Việt Nam trước đây đều cho rằng Phật giáo từ Ấn Độ truyền qua Trung quốc, rồi từ Trung Quốc mới du nhập vào Việt Nam từ thế kỷ I – II, đầu kỷ nguyên Dương lịch. Nhưng nếu nghiên cứu kỹ hơn về các sách cổ, các tài liệu xưa, các di tích lịch sử - văn hóa (đình chùa, đền miếu...) ở Việt Nam, và Đại Tạng Kinh của Phật giáo, chúng ta biết được là Phật giáo từ Ấn Độ đã du nhập thẳng vào Việt Nam ngay từ cuối thời Hùng Vương, vào khoảng thế kỷ III trước Dương lịch; sau khi hình thành và phát triển, mới có sự giao lưu giữa Phật giáo Việt Nam và Trung quốc vào khoảng thế kỷ II-III sau Dương lịch, với các Trung tâm Phật giáo nổi tiếng như Liên Lô (hay Luy Lô) ở Giao Châu (Việt Nam), cùng Lạc Dương và Bành Thành ở Trung quốc. Đồng thời chúng ta thấy được là Phật giáo Việt Nam có nhiều điểm khác biệt hẳn với Phật giáo Trung quốc, và có thời vượt hơn Phật giáo Trung quốc; chứ không phải là Phật giáo Việt Nam từ Trung quốc truyền sang, hay như thuộc truyền thừa của Phật giáo Trung quốc, như một số sách Lịch sử Phật giáo cũ đã viết.

Thời kì đầu: đạo Phật truyền vào Việt Nam

Dựa trên giả thiết đạo Phật bắt đầu truyền vào Việt Nam trong khoảng thế kỉ thứ ba đến thế kỉ thứ hai trước CN thì có thể nhận xét rằng đạo Phật đó có tính chất

nguyên thủy, hay Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ (Sarvastivada). Chữ "Buddha" được phiên âm trực tiếp sang tiếng Việt là "Bụt"; dân gian coi Bụt như một vị tiên hay xuất hiện để giúp đỡ người nghèo khổ, hiền lành. Nhiều nghiên cứu xác nhận đạo Phật được truyền trực tiếp vào Việt Nam, thời đó gồm Giao Chỉ ở phía bắc và Chăm pa ở phía nam, từ Ấn Độ theo đường biển chứ không phải từ Trung Hoa như một số quan niệm trước đây

Dưới thời A-dục vương trị vì tại Ấn Độ (từ năm 273 đến 232 trước CN), nhờ sự ủng hộ của nhà vua nên đạo Phật đã được truyền đi nhiều xứ sở bên ngoài Ấn Độ. Các thương nhân người Ấn theo đường biển đã đến Giao Chỉ buôn bán và mang theo đạo Phật mới mẻ đến xứ này. Sau đó đến lượt các tăng sĩ người Ấn tới đây truyền đạo, góp phần lập ra trung tâm đạo Phật tại Luy Lâu (nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam), một trong những trung tâm lớn nhất của đạo Phật tại phương Đông đầu Công nguyên cùng với hai trung tâm Lạc Dương và Bành Thành (nay thuộc Trung Quốc).

Còn theo Lĩnh Nam trích quái, truyện "Nhất Dạ Trạch" thì Chử Đồng Tử là Phật tử người Việt đầu tiên, theo học đạo với nhà sư Phật Quang.

Theo một số công trình nghiên cứu khác cho thấy Tây thiên thuộc tỉnh Vĩnh Phúc thì Phật giáo được truyền vào Việt Nam cũng từ Thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên. Trong Phật giáo thì Tây thiên tức là Tây Trúc, tức là nơi Phật giáo ra đời. Tây Thiên hay Tây trúc là chỉ nước Ấn độ và các nước phía Bắc Ấn độ nói đối với Đông độ (các nước phía Đông) tức là Trung Quốc và các nước lân cận. Ngọc phả Hùng vương cho thấy thời Hùng Vương thứ 7 (Chiêu Vương) trên núi Tam Đảo đã có chùa thờ phật. Theo bộ Sử liệu về đảo Sri Lanka (Dīpavaṃsa) thì năm 325 trước Công nguyên thì Đại hội kết tập Kinh điển lần thứ 3 diễn ra tại thành Pataliputra, nước Magadha do Hoàng đế A Dục (Ashoka; 325 TCN - 258 TCN) đề xướng bảo trợ và sau đó thì có một trong 9 đoàn hoằng pháp là đoàn thứ 8 do Sona và Uttara lãnh đạo đã đến Suvannabhūmi, có lẽ là gồm các nước Thái Lan, Myanmar và Việt Nam. Do vậy đoàn hoằng pháp của vua A Dục trong thời gian tương ứng với thời Hùng Vương và trùng hợp với câu chuyện ghi trong ngọc phả Hùng Vương, chuyện Chử Đồng Tử và thành Nê Lê, tháp vua A Dục ghi trong Giao Châu ký của Lưu Hân Kỳ và Thủy Kinh chú của Lê Đạo Nguyên.

Sách “Lĩnh Nam Trích Quái” của Trần Thế Pháp kể một số sự tích vào thời Hùng Vương, trong đó có truyện “Nhất Dạ Trạch” (Đằm Một Đêm) như sau:

Vào thời vua Hùng thứ Mười tám (vào khoảng thế kỷ III Trước Dương lịch), Chử Vi Vân ở làng Chử Xá, có con là Chử Đồng Tử. Hai cha con nhà nghèo, hiền

lành, sống bằng nghề đánh cá. Chẳng may, nhà bị cháy, gia đình chỉ còn có một chiếc khố vải, cha con phải thay nhau mà mặc; ai đi ra đường thì đóng khố. Lúc đó, Chử Vi Vân lại bị bệnh nặng, sắp chết, bảo con rằng: “Khi cha chết, con đào lỗ chôn, để chiếc khố lại mà mặc”. Sau khi cha mất, Chử Đồng Tử không nỡ làm như thế, nên cứ để nguyên cả chiếc khố mà chôn. Vì thế, hằng ngày, Chử Đồng Tử đi bắt cá với thân hình trần truồng, thấy người hay thuyền đi qua, phải lội xuống nước, che nửa thân người.

Lúc bấy giờ, vua Hùng không có con trai, chỉ có hai người con gái rất xinh đẹp là Tiên Dung và Ngọc Hoa. Công chúa Ngọc Hoa được gả cho Sơn Tinh, còn Tiên Dung không chịu lấy chồng, chỉ thích đi ngao du sơn thủy. Vua cũng chiều ý theo. Mỗi năm, vào tháng Hai, tháng Ba, công chúa Tiên Dung thường đi thuyền ra biển du ngoạn, vui chơi ngoài biển.

Một hôm, Tiên Dung đi thuyền dọc bờ biển thuộc làng Chử Xá, ghe thuyền cò xí, đàn sáo, chuông trống vang lừng. Bỗng công chúa ra lệnh dừng thuyền ở bờ biển, để công chúa lên bãi biển ngắm cảnh. Trong lúc đó, Chử Đồng Tử đang bắt cá ở bờ, thấy đoàn thuyền ghé vào bờ, sợ hãi, vội trốn vào đám lau sậy, moi cát phủ lên thân mình. Sau đó, công chúa lại cho cung nữ giăng màn trướng ở bãi biển để tắm, ngay nơi Chử Đồng Tử ẩn trốn. Tiên Dung cùng cung nữ tắm biển nô đùa vô tư, nước cuốn cát trôi; bất ngờ lộ nguyên thân mình Chử Đồng Tử! Sau giây phút bối rối, ngỡ ngàng, công chúa định tâm bình tĩnh lại, nghĩ rằng: Việc trớ trêu này xảy ra, âu cũng là do nhân duyên Tiên định, Tiên Dung nói rằng: Ta đã không thích lấy chồng, nay lại gặp chàng trong huyệt cát, có lẽ trời khiến như thế. Thôi, chàng hãy tắm rửa đi. Công chúa sai cung nữ lấy quần áo của quan theo hầu cho Đồng Tử mặc, mời lên thuyền dự tiệc. Chử Đồng Tử trình bày rõ hoàn cảnh đơn côi nghèo khó của mình. Tiên Dung thương xót, nhận làm vợ chồng. Đồng Tử có từ, Tiên Dung nói: Việc này là do trời tác hợp, có gì mà từ chối! Đồng Tử cảm động sự chân thật của Tiên Dung, nên nhận lời.

Những người theo hầu công chúa báo về triều, tâu với vua sự việc. Vua tức giận, không cho Tiên Dung trở về cung điện nữa.

Tiên Dung cùng Chử Đồng Tử lập phố xá để buôn bán, dần dần nơi này trở thành một ngôi chợ lớn là chợ Hà Lỗ, có cả thương nhân người nước ngoài đến buôn bán (chuyện An Tiêm cũng cho biết thời đó đã có buôn bán bằng đường biển). Một hôm, có một thương nhân đến rủ Chử Đồng Tử hùn vốn ra nước ngoài buôn bán. Chử Đồng Tử cùng lên thuyền đi buôn. Khi thuyền ghé lên bờ để lấy thêm nước và lương thực ở chân núi Quỳnh Viên, Chử Đồng Tử lên núi dạo chơi, ngắm cảnh. Gặp một am tranh trên núi, Đồng Tử ghé viếng, gặp sư Phật Quang đàm đạo.

Sư Phật Quang thuyết giảng Phật pháp, Đồng Tử nghe khế hợp và quyết định ở lại núi này để tu học. Nên Đồng Tử giao vàng cho người bạn đi buôn, dặn khi nào trở về thì ghé chở Đồng Tử về nước.

Năm sau, thuyền buôn đến rước, khi xuống núi, sư Phật Quang tặng cho Chử Đồng Tử một cây gậy và một chiếc nón lá, bảo rằng : Các việc “linh thông” có cả trong hai vật này.

Chử Đồng Tử về nhà, giảng giáo lý đạo Phật và những điều đã học với sư Phật Quang trên núi Quỳnh Viên cho Tiên Dung. Tiên Dung cũng ngộ được lý đạo, nên cả hai vợ chồng quyết định bỏ nghề buôn bán để lo tu hành giải thoát. Sau thời gian chí tâm nghiêm mật ẩn tu trên núi, Chử Đồng Tử và Tiên Dung đắc thành đạo pháp, xuống núi độ đời.

Một hôm, Đồng Tử và Tiên Dung đến giữa một cánh đồng vắng khi trời tối, hai người cắm cây gậy và úp nón lá trên đầu cây gậy, đọc chú, bỗng thấy hiện ra một tòa thành quách, có cả lầu đài, nhà cửa, với ngọc ngà châu báu, tướng sĩ trang nghiêm, cung nữ xiêm y rực rỡ.... Sáng ngày dân chúng địa phương trông thấy hết sức kinh ngạc, họ mang hoa quả, vật thực đến dâng và xin theo hầu, số người theo ngày càng đông.

Vua Hùng nghe tin vợ chồng Tiên Dung lập thành quách và quân lính, tưởng rằng Chử Đồng Tử muốn nổi lên chống lại triều đình, nên cử một đạo quân hùng hậu đến dẹp loạn. Đạo quân đến bãi Tự Nhiên bên bờ sông lớn, dừng lại nghỉ đêm, chuẩn bị sáng hôm sau vượt sông đánh dẹp. Dân chúng trong thành định dàn trận chống giữ. Nhưng Tiên Dung bảo rằng: Việc này là do Trời định, ta đâu dám chống lại cha. Dân chúng mới theo sợ hãi nên bỏ chạy, chỉ còn tướng sĩ và cung nữ cũ ở nguyên trong thành. Đến giữa đêm, mưa bão, giông gió, sấm chớp nổi lên, thuyền bè dinh trại của binh lính vua Hùng nghiêng ngã.... Sáng hôm sau mưa bão yên, dân chúng và quan binh triều đình không thấy thành quách cùng quân binh của Chử Đồng Tử ở đâu cả, đất ở ngay nơi thành cũ bị sụp xuống sâu thành một đầm lầy lớn. Dân chúng cho rằng Chử Đồng Tử và Tiên Dung bay lên trời, nên lập Miếu thờ; gọi đầm đó là “Đầm Một Đêm” (Nhất Dạ Trạch).

Trước đây, nhiều người cho rằng đó là chuyện thần thoại của người tu Tiên. Nhưng thật ra, nếu nghiên cứu kỹ, chúng ta biết được đây là chuyện có thật của người tu theo Mật tông trong Phật giáo.

Việc Chử Đồng Tử và Tiên Dung bay lên trời không phải là sự tưởng tượng, mà là một việc mà các vị tu hành Mật Tông có thể làm được ! Trong sách “Lục độ Tập kinh” do Khương Tăng Hội dịch Phạn – Hán, viết : “Hễ muốn lên trời, phải

qui y Tam bảo, hiểu bốn vô thường, dứt hết xan tham, nuôi chí thanh tịnh, liều mình cứu người, ban ơn khắp chúng sinh, đó là một. Thương xót chúng sinh, quên mình cứu người, lòng hằng biết đủ, không phải của mình không lấy, giữ trinh không dâm, giữ tín không lừa dối, rượu là độc dữ, khô nát đạo hiếu, tuân giữ mười lành, lấy chính dẫn bà con, đó là hai. Nhấn nhục chúng sanh, (...), đem ba ngôi báu mà dẫn dụ (...). Giữ đức lớn này, trước sau không lỗi, cầu làm vua pháp ba cõi, thì có thể lên trời khó gì.”

Việc sư Phật Quang trao cho Đồng Tử cây gậy, nón lá và bảo “Các việc linh thông đều ở trong hai vật này”, nhiều người cho rằng Chử Đồng Tử tu Tiên, chứ không phải tu theo Phật giáo. Thật ra, cây gậy và nón lá là hai pháp khí của các tăng sĩ Phật giáo tu theo Mật tông từ thời xưa cho đến ngày gần đây. Cây gậy là cây Tích trượng của các Thiên sư, hay là pháp khí của người tu theo Mật tông. Thiên sư Từ Đạo Hạnh dùng gậy đánh chết sư Đại Điền để trả thù cho cha; Bà Man Nương ở chùa Dâu (chùa Pháp Vân) dùng gậy cắm xuống đất rồi đọc chú làm cho nước phun ra để cứu dân chúng đang bị hạn hán.... Chiếc nón lá để che nắng, đồng thời là phương tiện để qua sông suối của các tăng sĩ thời xưa khi đi hành đạo, vì thời đó chưa có cầu và ít có bến đò như thời nay. Cho đến thế kỷ 20, các vị sư ở Nam Bộ, nhất là các ông Đạo của Bửu Sơn Kỳ Hương vẫn thường đứng trên nón lá để qua sông rạch.

Vào thời Hùng Vương, nước Văn Lang (Việt Nam) đã có phong tục tập quán và ngôn ngữ riêng của người Việt, khác với Trung Hoa. Người Việt thời Hùng Vương đã chịu ảnh hưởng sâu xa của Phật giáo Ấn Độ, đồng thời ngôn ngữ và văn minh Việt Nam thời xưa cũng đã có một số ảnh hưởng trong Đại Tạng Kinh Phật giáo.

Vào thời Nhà Triệu (207 TĐL – 111 TĐL), ở Việt Nam đã có chùa Phật rồi. Năm 111 trước Dương lịch, vua Hán sai hai tướng Dương Bộc và Lộ Bác Đức đem quân đánh Nam Việt, Tể tướng Lữ Gia và vua Triệu Thuật Dương thua trận, chạy trốn. Trong sách “Thiên Nam Ngữ lục” của Thiên sư Chân Nguyên (1647-1728), kể chuyện Tể tướng Lữ Gia lánh nạn đến núi Sài Sơn (hay núi Phật Tích ở tỉnh Hà Tây ngày nay), đã nhìn thấy “dấu tích của ngôi chùa Trúc Viên” hoang vắng :

“Gia bỏ cửa mốc nhà rêu,

Hang thần trật lối, hồn phiêu đường nào.

Nước nên thấy những đồng đao,

Cõi bờ tác đất vào châu Hán gia.

Non Sài tuyệt chẳng vào ra,
Thấy còn một dấu vườn là Trúc Viên,
Đi hiu ngoài cảnh thiên thiên,
Thuở trưa yên khóc, thuở đêm hạc sầu.”

Người VIỆT trồng hoa uất kim hương để cúng Phật (năm 100).

Trong sách “Bản Thảo Cương Mục” của Lý Thời Trân (1518-1593), mục Uất kim hương viết: “Sách Nam Châu dị vật chí của Dương Phù nói : Uất Kim hương đến từ nước Quyết Tân, người ta trồng để cúng Phật, vài ngày thì héo, sau đó giữ lại, màu nó vàng rộm, tương tự với nhụy hoa phù dung và sen non, có thể dùng để ướp rượu.” Qua các sách xưa, chúng ta biết rằng : Nam Châu, Nam Duệ, hay Giao Châu đều là tên địa phương, chỉ chung vùng đất Giao Chỉ, một vùng đất thuộc miền bắc Việt Nam ngày nay. Như vậy, trong sách “Nam Châu dị vật chí”, Dương Phù bảo rằng : Một bộ phận người Việt Nam (Giao Châu) đã theo đạo Phật, và họ đã biết trồng hoa Uất kim hương để cúng Phật, vào khoảng năm 100 sau Dương lịch.

Như vậy, Phật giáo được du nhập vào Việt nam vào thời Hùng Vương, hay vào thời vua A-dục, vào khoảng thế kỷ III trước Dương lịch. Sau thời gian hình thành trong vài thế kỷ, Phật giáo Việt Nam bắt đầu phát triển vào thế kỷ đầu của kỷ nguyên Dương lịch và đạt đỉnh cao với Trung tâm Phật giáo Liên Lôu (hay Luy Lôu) vào thế kỷ II – III.

Thời Đinh – Lê

Chùa Nhất Trụ ở khu di tích cố đô Hoa Lư, nơi có thạch kinh cổ nhất Việt Nam. Sau một nghìn năm Bắc Thuộc, năm 905 Giao Châu chính thức độc lập. Năm 968 Đinh Tiên Hoàng lên ngôi vua, lập ra nhà Đinh, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, mở ra thời kì độc lập và thống nhất phát triển lâu dài trong lịch sử Việt Nam. Đạo Phật thời này cũng không là ngoại lệ, đã phát triển đến đỉnh cao và tham dự vào nhiều sự kiện hệ trọng của đất nước. Khởi đầu là Đinh Tiên Hoàng với việc lập ra chức tăng thống cho thiền sư Khuông Việt - người đứng đầu Phật giáo của đất nước trong lịch sử.

Hoa Lư - Ninh Bình là kinh đô của Việt Nam dưới thời nhà Đinh (968-980) và nhà Tiền Lê (980-1009). Sau khi đã là kinh đô, Hoa Lư dần trở thành trung tâm Phật

giáo. Theo các thư tịch và dấu vết còn sót lại, vào thế kỷ 10, tại đây đã có khá nhiều chùa tháp. Ninh Bình cũng là quê hương của quốc sư triều Lý Nguyễn Minh Không, ông đã sáng lập ra ở quê hương mình khá nhiều chùa tháp như: chùa Bái Đính, chùa Địch Lộng, động chùa Am Tiên... Ở Việt Nam có 3 chùa động được mệnh danh là "Nam thiên đệ nhất động" là chùa Hương, chùa Bích Động, chùa Địch Lộng thì 2 trong số đó nằm ở Ninh Bình. Điều độc đáo ở đây là có khá nhiều chùa được xây dựng trong các hang núi đá vôi, dựa vào núi đá hoặc tận dụng hang núi đá làm chùa mà tiêu biểu là các động chùa: động Hoa Sơn, động Thiên Tôn, Bích Động, động Địch Lộng, chùa Bái Đính, Linh Cốc... Nhà Lý ra đời tiếp tục đưa đạo Phật lên hàng quốc đạo, nhiều triều vua nối tiếp nhau đã thực hiện rất nhiều Phật sự, không chỉ góp phần phát triển việc tu học mà còn qua đó phát triển một nền văn hóa riêng của Đại Việt khác biệt với Trung Hoa.

Một dấu ấn quan trọng thời này là việc khai sinh Thiền phái Thảo Đường. Tuy nhiên, vì khuynh hướng thiên trí thức và văn chương, thiền phái Thảo Đường không cảm rễ được trong quần chúng mà chỉ ảnh hưởng đến một số trí thức có khuynh hướng văn học. Thiền Uyển Tập Anh tuy có ghi lại tên họ 19 vị thuộc thiền phái Thảo Đường nhưng không thể ghi lại tiểu sử, niên đại các bài truyền thừa của mỗi vị.

Thời Lý

Đạo Phật thời nhà Lý có nhiều ảnh hưởng không chỉ với dân thường mà cả vua quan. Có chín trên 19 vị của Thiền phái Thảo Đường là cư sĩ mà phần lớn là vua quan, trong đó có ba vị vua là Lý Thánh Tông, Lý Anh Tông, và Lý Cao Tông. Rất nhiều thiền sư đời Lý tham gia chính sự mà không tham dự chính quyền.

Rất nhiều công trình chùa chiền, tượng tháp được xây dựng mà một trong số đó là An Nam Tứ Đại Khí gồm có: tháp Báo Thiên, chuông Quy Điền, đình Phổ Minh và tượng Quỳnh Lâm.

Về lối sống của người dân thời bấy giờ, học giả Hoàng Xuân Hãn viết trong tác phẩm "Lý Thường Kiệt": "Đời Lý có thể gọi là đời thuần nhất trong lịch sử nước ta. Đó chính là ảnh hưởng của đạo Phật". Còn Đại Việt Sử ký Toàn thư chép:

Năm 1065, vua Lý Thánh Tông, trong một phiên xử kiện ở điện Thiên Khánh, đã chỉ vào công chúa Động Thiên đứng hầu bên cạnh mà bảo ngục lại rằng: "Lòng ta yêu con ta, cũng như lòng cha mẹ dân yêu dân, dân không biết mà mắc vào hình pháp, ta rất lấy làm thương. Từ nay về sau, không cứ gì tội nặng nhẹ, đều nhất luật khoan giảm.

Mùa đông năm Ất mùi 1055, trời giá rét, vua đã bảo với các quan: "Trẫm ở trong cung nào lò sưởi ngự, nào áo lót cầu mà còn rét như thế này, nghĩ đến người tù giam trong ngục, khổ sở về gông cùm, chưa biết rõ ngay gian mà không được no bụng, áo không kín mình, gió rét khổ thân, hoặc có thể chết không nơi nương tựa, trẫm rất thương xót. Vậy hạ lệnh cho hữu ty phát chẩn chiếu và mỗi ngày cho ăn hai bữa cơm".

Thời nhà Trần

Chùa Hoa Yên trên núi Yên Tử, nơi khai sinh Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Nhà Trần lên nắm quyền tiếp tục kế thừa và phát triển thêm nền tảng xã hội đã có từ thời Lý trong đó có đạo Phật. Nét nổi bật nhất của đạo Phật thời kì này so với thời trước là sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, do người Việt sáng lập mà tổ sư chính là thái thượng hoàng Trần Nhân Tông, đạo hiệu Trúc Lâm đại sĩ.

Một điểm nổi bật khác là sách Thiền Uyển Tập Anh (hay Thiền Uyển Tập Anh Ngữ Lục), cổ thư xưa nhất còn giữ lại được đến nay viết về đạo Phật tại Việt Nam, đã được kết tập vào thời này. Đây là một tập sách nói về các vị thiền sư Việt Nam từ cuối thế kỷ thứ sáu đến thế kỷ thứ mười ba. Sách này bắt đầu được biên tập vào khoảng trước năm 1134 cho đến đầu thế kỷ thứ mười ba thì hoàn tất. Cũng cần nói thêm là không phải cổ thư đạo Phật thời Lý Trần nói chung là ít ỏi mà do chính sách cai trị của nhà Minh khi xâm lược Đại Việt đầu thế kỉ 15 nên phần lớn di sản thời này đã bị tịch thu và tận diệt.

Số lượng chùa chiền cũng như tăng sĩ tăng lên rất nhiều, có lẽ là nhiều nhất trong lịch sử Việt Nam nếu so với tương quan số dân ngày ấy. Các chùa cũng như tăng sĩ được nhiều ưu đãi lớn không chỉ từ phía vua quan nhà Trần mà còn từ nhân dân. Sách Truyền kỳ mạn lục của Nguyễn Dữ chép:

"Các chùa như Hoàng Giang, Đồng Cổ, An Sinh, Yên Tử, Phổ Minh, Ngọc Thanh... dựng lên nhan nhản khắp nơi; những người cắt tóc làm tăng ni nhiều bằng nửa dân số thường. Nhất là huyện Đông Triều, sự sùng thượng lại càng quá lắm: chùa chiền dựng lên, làng lớn có hơn mười chùa, làng nhỏ cũng chừng năm, sáu: ngoài bao bằng lũy, trong tô vàng son..." . Sự ưu ái quá mức dành cho giới xuất gia cho đến cuối thời nhà Trần đã tạo ra một số dấu hiệu khởi đầu cho sự suy thoái của đạo Phật sau này.

Từ thời Hậu Lê đến năm 1858

Đạo Phật như đã biết đạt đến cực thịnh vào thời nhà Trần rồi bắt đầu suy thoái vào thời nhà Hậu Lê, mà hai nguyên nhân chính phải kể ra là: nguyên nhân nội tại

trong chính đạo Phật, và nguyên nhân ngoại tại từ sự phát triển của Khổng giáo (hay Nho giáo).

Thứ nhất là nguyên nhân nội tại. Khi đạo Phật được vua chúa quý trọng thì các nhà quyền quý và trăm họ đều hướng vào. Chùa chiền càng nhiều thì nếp sống thanh quy càng khó bảo đảm được. Tăng chúng càng đông thì càng có nhiều phần tử bất hảo làm hại thanh danh tăng đoàn, sự kính trọng càng nhiều thì niềm kiêu hãnh càng thêm cao. Sự cúng dường càng hậu thì sự ỷ lại càng tăng. Đây là biểu hiện của sự suy thoái.

Thứ hai, nguyên nhân ngoại tại. Như đã biết, thời Lý Trần nhiều thiền sư tham dự chính sự và có tiếng nói quan trọng với vua quan. Vào cuối thế kỉ 14, Hồ Quý Ly vốn xuất thân Nho học trong quá trình tiếm quyền nhà Trần đã thực hiện một số biện pháp nhằm giảm ảnh hưởng của đạo Phật. Thêm nữa, nhiều nhà Nho vốn trọng từ chương, tự cho mình là độc tôn trí thức nên không ưa đạo Phật vốn trọng tinh thần bao dung. Chẳng hạn các đại thần Lê Quát, Trương Hán Siêu đã công khai chỉ trích đạo Phật.

Ngoài ra, việc nhà Minh xâm lược Đại Việt đầu thế kỉ 15 cùng chính sách tận diệt nền văn hóa độc lập của đất nước đã hủy diệt không chỉ truyền thống của đạo Phật tại Việt Nam mà là cả truyền thống dân tộc. Từ khi nhà Hậu Lê thành lập, và nhất là từ khi vua Lê Thánh Tông suy Khổng giáo làm quốc học thì đạo Phật chính thức suy thoái trong một thời gian kéo dài đến mấy trăm năm.

Thời chúa Nguyễn tại Đàng Trong

Doãn Quốc Công Nguyễn Hoàng (1558 - 1613) sau khi vào trấn thủ đất Thuận Hóa đã để ý đến việc lập chùa. Năm 1601, ông bắt đầu cho xây dựng chùa Thiên Mục ở xã Hà Khê, huyện Hương Trà (thuộc Huế ngày nay). Năm sau, vào ngày Vu Lan, ông đến chùa Thiên Mục lập trai đàn và làm lễ bố thí, lại cho dựng chùa Sùng Hóa trên nền một ngôi chùa cổ ở xã Triêm Ân, huyện Phú Vang. Năm 1607, cho lập chùa Bảo Châu ở Trà Kiệu, Quảng Nam. Năm 1609, lập chùa Kính Thiên ở Thuận Trạch, Quảng Bình. Sau khi ông dựng xong dinh Quảng Nam ở xã Cần Húc lại cho lập một ngôi chùa gần đó là chùa Long Hưng. Có thể ý chúa Nguyễn muốn lấy đạo Phật làm chỗ dựa tinh thần cho công trình lập quốc của dòng họ Nguyễn. Cho nên sau này, các chúa Nguyễn đều tỏ vẻ sùng đạo Phật. Còn nhân dân Đàng Trong cũng nghênh đón các vị du tăng Trung Quốc với một tấm lòng chân thật, mặn nồng. Trong thời đại chuyển tiếp giữa hai triều Minh Thanh, nhiều cao tăng Trung Hoa đã tới Đàng Trong hành hóa. Một phần quan trọng của những tổ đình hiện nay là do các thiền sư Trung Hoa sáng lập.

Chúa Nguyễn Phúc Chu (1675-1725) là một Phật tử pháp danh Hưng Long, còn có hiệu là Thiên Túng Đạo nhân do ngài Thạch Liêm, một danh tăng thuộc phái thiền Tào Động Trung Quốc đặt, và được xem là truyền thừa chánh tông đời thứ 30 của dòng thiền này. Bốn năm sau khi lên ngôi chúa, ông thọ Bồ tát giới và thường tự ví mình là Duy Ma Cật. Ông chủ trương lấy tinh thần Phật pháp định hướng cho đời sống dân tộc và có quan hệ mật thiết với sư Thạch Liêm. Ngài Thạch Liêm đã có lần trình bày với chúa quan điểm trị nước theo tinh thần Phật giáo, được giải thích qua ý nghĩa "traí giới" đối với một vị quân vương: "Traí giới là làm cho quốc gia từ trên xuống dưới được thanh lý chính tề, không một người nào không ngồi đúng chỗ, không một việc nào chẳng giải quyết được chính đáng. Làm được như thế mới là sự traí giới viên mãn của một ông vua". Chúa Nguyễn Phúc Chu đã cho xây dựng và trùng tu nhiều ngôi danh lam tại Thuận Hóa như trùng tu chùa Thúy Vân, chùa Linh Mục... Sai người sang Trung Quốc thỉnh bộ Đại tạng kinh, xây Tăng kinh lâu để bảo quản.

Dòng Lâm Tế, một nhánh Thiền nam tông quan trọng của tổ sư Lâm Tế Nghĩa Huyền (?-866) từ Trung Hoa truyền vào Việt Nam vào thế kỉ 17 rồi phát triển mạnh tại Đàng Trong. Từ thời điểm này trở đi xuất hiện nhiều cao tăng thuộc dòng này như các sư Viên Minh và Viên Khoan ở Quảng Trị, Minh Hoằng Tử Dung khai sơn chùa Từ Đàm, sư Giác Phong sáng lập chùa Báo Quốc tại Huế, sư Pháp Bảo lập chùa Chúc Thánh ở Quảng Nam, sư Nguyên Thiều sáng lập các chùa Thập Tháp Di Đà tại Bình Định, chùa Quốc Ân và Hà Trung tại Thuận Hóa (Huế), trong đó ngài Nguyên Thiều đã thành lập nên các dòng truyền thừa theo phả hệ Thập Tháp và Quốc Ân, ngài Pháp Bảo thành lập nên dòng truyền thừa hệ Chúc Thánh. Ngoài các dòng trên, tại Đàng Trong có một hệ truyền thừa ảnh hưởng rất sâu rộng cho đến hôm nay, đó là dòng Liễu Quán, do sư Liễu Quán thành lập.

Thời chúa Trịnh tại Đàng Ngoài

Như đã biết đạo Phật thời Hậu Lê không còn thịnh bằng thời Lý Trần. Khi đất nước chia hai thành Đàng Ngoài và Đàng Trong thì tại Đàng Ngoài đạo Phật không phổ biến như ở Đàng Trong. Vào thế kỉ 17, dòng Thiền Tào Động (do các ngài Tào Sơn Bản Tịch (840-901) và Động Sơn Lương Giới (807-869) sáng lập) từ Trung Hoa truyền vào Việt Nam và có nhiều ảnh hưởng tại Đàng Ngoài. Nhiều chùa ở Hà Nội như chùa Trấn Quốc, Hàm Long, Hòe Nhai... đến nay vẫn được xem là truyền thừa của dòng thiền này

100 năm nhiều biến cố

Năm 1858, quân Pháp tấn công Đà Nẵng mở đầu gần 100 năm Việt Nam bị thực dân đô hộ. Chính quyền thực dân đã dùng nhiều phương kế nhằm tiêu diệt truyền thống lịch sử và văn hóa Việt Nam. Đạo Phật lúc này đứng trước nguy cơ mất còn do chính sách hủy diệt có hệ thống của người Pháp. Đến giữa thế kỉ 20, tuy đất nước bị chia hai nhưng nhìn chung chính sách của hai thể chế cầm quyền rất khác nhau này với đạo Phật cũng không tích cực hơn thời Pháp thuộc được bao nhiêu.

Sau năm 1954 đến năm 1976

Tại miền nam, sự phát triển của Phật giáo chỉ lam hai thời kỳ dưới Chính quyền Việt Nam Cộng Hoà. Chính quyền VNCH đê nhất của tổng thống Ngô Đình Diệm kì thị đạo Phật một cách công khai và quyết liệt. Trong những năm cầm quyền, ông dùng quyền hạn của mình để đàn áp đạo Phật bằng nhiều cách khác nhau. Vì chính sách nhiều người cho là ưu đãi Thiên Chúa giáo của chính phủ Ngô Đình Diệm, Phật tử miền Nam Việt Nam đã xuống đường đông đảo ủng hộ Phật giáo ở Huế, Đà Nẵng và Sài Gòn. Đỉnh điểm là sự kiện nhà sư Thích Quảng Đức tự thiêu năm 1963 để phản đối sự kì thị này. Mặc dù vậy Phật giáo vẫn phát triển. Trong cuốn "Phật giáo tại Việt Nam", ông Mai Thọ Truyền cho biết lúc ông Diệm lên cầm quyền, số chùa tại miền Nam là 2206 cái. Dưới thời ông Diệm số chùa lên đến 4776 cái.

Từ năm 1976 đến nay

Từ năm 1976, chính quyền nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam tiếp tục thực hiện chính sách của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà hạn chế hoạt động tín ngưỡng với đạo Phật cũng như nhiều tôn giáo khác. Sau sự kiện 30/4/1975, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất và các phong trào Phật giáo khác ở miền Nam Việt Nam bị hạn chế hoạt động. Một loạt các hòa thượng có chức danh đi tị nạn, như Thích Nhất Hạnh, Thích Tâm Châu.

Năm 1981, nhằm thống nhất các hệ phái Phật giáo, sau ba năm vận động chính phủ cho thành lập một tổ chức mới mang tên Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) làm tổ chức duy nhất đại diện Phật giáo toàn quốc, là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, chịu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hàng ngũ giáo phẩm thiên tả trong Giáo hội ủng hộ đường lối này. Trưởng ban vận động Thống nhất Phật giáo Việt Nam là Hòa thượng Thích Trí Thủ, lúc đó là Viện trưởng Viện hóa đạo GHPGVNTN. Theo "Hồ sơ Thống nhất Phật giáo" của Đỗ Trung Hiếu, đảng viên cán bộ được Ban Tôn giáo chính phủ giao nhiệm vụ thực

hiện việc hợp nhất Phật giáo thì Giáo hội mới sẽ nằm dưới sự chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong những năm gần đây, đạo Phật và các tôn giáo khác đã được tự do phát triển hơn trước, thể hiện qua nhiều chùa chiền được trùng tu hoặc xây mới, nhiều sự kiện được tổ chức, cũng như số lượng khá lớn ấn phẩm về đạo Phật được xuất bản.

1.1.2 . Khái niệm Di sản Văn Hóa Phật giáo

Di sản văn hóa Phật giáo là tập hợp bao gồm các di tích chùa, tháp, tượng, chuông, pháp khí...của Phật giáo có giá trị lịch sử. Trong khi đó văn hóa Phật giáo Việt Nam được là nền văn hóa lấy giáo lý của Đức Phật làm trung tâm, xảy ra trên đất nước Việt Nam, cho con người Việt Nam, do con người Việt Nam tiếp nhận và biến đổi cho phù hợp với xã hội Việt Nam, trong lịch sử Việt Nam...nên gọi là văn hóa Phật giáo Việt Nam. Cụ thể, nếu ta lấy sự truyền bá Phật giáo vào Việt Nam cách đây 2.000 năm thì đồng nghĩa với ta có chừng ấy năm văn hóa Phật giáo Việt Nam. Như vậy, qua thời gian văn hóa Phật giáo đã thấm nhuần vào phong tục tập quán, lối sống hình thành tư tưởng tình cảm...của người Việt Nam. Tất cả những cái đó gọi là di sản văn hóa Phật giáo Việt Nam.

Nhà bác học nổi tiếng Albert Einstein đã nhận định “Nếu có một tôn giáo nào đó đương đầu được với các nhu cầu của khoa học hiện đại thì đó là Phật giáo. Phật giáo không cần xét lại quan điểm của mình để cập nhật hòa với những khám phá mới của khoa học; Phật giáo không cần từ bỏ quan điểm của mình để xu hướng theo khoa học, vì Phật giáo bao hàm cả khoa học cũng như vượt qua khoa học. Phật giáo là chiếc cầu nối liền tôn giáo và những tư tưởng khoa học. Cây cầu Phật giáo đã kích thích con người khám phá những tiềm năng lớn lao nằm sâu bên trong chính con người và trong môi trường sống xung quanh. Phật giáo vượt thời gian và mãi mãi có giá trị”. Chúng ta cũng có thể bổ sung thêm là, ngày nay, Phật giáo còn là cây cầu bắc ngang cuộc đời của các chúng sinh, dẫn dắt họ qua sông phiền não, khổ đau do tinh thần quá thiên về hưởng thụ vật chất, về tiêu thụ của xã hội hậu công nghiệp, sang đến bên bờ hạnh phúc và an lạc.

Quan điểm của Albert Einstein về Phật giáo chính là sự khẳng định vai trò và ý nghĩa của tôn giáo này trên tầm vĩ mô toàn nhân loại chứ không chỉ riêng đối với Việt Nam.

Thông điệp Phật đàn năm 2010 của Đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam – Thích Phổ Huệ đã nói rõ Tư tưởng giáo lý về hòa bình, từ bi, hi xả, vô ngã vị tha và tự giác ngộ đối với chính bản thân mỗi người vẫn là kim chỉ nam đối với người

con Phật trên con đường tu tập và phụng sự đạo pháp, dân tộc, đó cũng là tư tưởng phù hợp với tiến bộ xã hội.

Nội dung thông điệp của Pháp chủ hoàn toàn phù hợp với quan điểm và đường lối của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng. Trước hết, phải khẳng định rằng, Phật giáo có nhiều điểm phù hợp với mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh”. Mặt khác, thực tiễn cũng đã chứng minh, trong quá khứ và hiện tại, Phật giáo Việt Nam có khả năng thích ứng theo con đường “đồng hành cùng dân tộc”, sống “tốt đời, đẹp đạo”... Vấn đề cấp thiết đặt ra là phải xác định con đường ngắn nhất, thích hợp nhất để Phật giáo hòa nhập vào đời sống xã hội hiện đại của Việt Nam. Đảng ta chủ trương “đại đoàn kết dân tộc chủ yếu lấy mục tiêu chung đó làm điểm tương đồng, đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau, không trái với lợi ích chung của dân tộc, cùng nhau xóa bỏ định kiến, mặc cảm, hận thù, hướng tới tương lai, xây dựng tinh thần đoàn kết, cởi mở, tin cậy lẫn nhau, tất cả vì độc lập của Tổ quốc, tự do và hạnh phúc của nhân dân” (Lê Quang Vịnh, “Tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do không tín ngưỡng, tôn giáo”, Tạp chí Cộng sản, số 6, 3-2000, trang 11). Do đó, chúng ta cần nhận diện chính xác và phát huy những giá trị nổi trội trong di sản văn hóa Phật giáo, đặc biệt là giá trị đạo đức và giáo dục đạo đức để xây dựng nhân cách và bản lĩnh con người Việt Nam nói chung và người Phật tử nói riêng trong thời kỳ hội nhập quốc tế và giao lưu văn hóa

1.1.3. Vai trò của di sản văn hóa Phật giáo

Phật giáo du nhập vào Việt Nam rất sớm, với tinh thần “Từ bi – hỷ xả - vô ngã – vị tha”, năng động hóa bởi đạo lý Bát chính đạo, là điều giáo dục phổ biến đối với dân tộc ta, dân tộc thường xuyên bị những thế lực xâm lược đem theo sự thống trị đầy rẫy những cái ác bất nhân, gieo mầm bất nghĩa, trái đạo lý dân tộc. Bởi thế Phật giáo phương xa đến Việt Nam đã đương nhiên trở thành Phật giáo Việt Nam với tư tưởng yêu nước là chủ yếu. Tư tưởng yêu nước này được xác minh qua nhiều thế hệ, suốt dòng lịch sử tranh đấu giữ nước và dựng nước của dân tộc ta, phù hợp với tư tưởng “Chư ác mạc tác” và nghĩa vụ “Chúng thiện phụng hành” của giáo lý nhà Phật.

Phật giáo Việt Nam nhập thế

Từ các vị thiền sư Việt Nam đến không ít các vị vua, các anh hùng dân tộc Phật tử đã thấm nhuần tư tưởng yêu nước, trở thành mối quan hệ khăng khít giữa Phật giáo Việt Nam với lịch sử tư tưởng Việt Nam. Hơn nữa trong suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước, nhiều chùa chiền Phật giáo Việt Nam là cơ sở

bao che nuôi dưỡng cán bộ, chiến sĩ cách mạng, những Tăng, Ni, Phật tử nằm trong các đoàn thể cứu quốc, đoàn thể Phật giáo yêu nước, hòa mình vào các sinh hoạt cách mạng.

Phật giáo Việt Nam vừa là một học thuyết giải thoát về thuật sống lương thiện tốt đẹp cho con người Việt Nam, vừa là một học thuyết qua tinh thần Tứ ân có ơn với tổ quốc là trọng đại – đã thực sự góp phần trong việc hình thành nền tư tưởng Việt Nam, văn hóa dân tộc Việt Nam, trong đó tư tưởng yêu nước là chủ yếu.

Phật giáo đã có rất nhiều đóng góp to lớn cho nền tảng tư tưởng văn hóa Việt Nam. Trước hết Phật giáo đã đóng vai trò tích cực trong các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần làm phong phú thêm tâm hồn, đạo đức, hành vi cư xử của người Việt, làm phong phú thêm nền văn hóa dân tộc. Trước sự đòi hỏi của dân tộc, của tín đồ Phật giáo, Phật giáo Việt Nam đã đóng góp tích cực cho nền văn hóa nước nhà.

Dân tộc Việt Nam có cái duyên là đã được tiếp nhận đạo Phật, đạo Phật có cái duyên là tìm được chỗ đứng cho mình trong cộng đồng người Việt Nam. Cái cộng đồng dựa trên nền tảng kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc, với quan niệm làng xã cổ truyền, với tín ngưỡng đa thần đã tiếp nhận đạo Phật và cải biến nó cho ít nhiều phù hợp với cộng đồng ấy.

Cộng đồng người Việt tiếp nhận Phật giáo, đồng thời tiếp nhận những tư tưởng bình đẳng, bác ái, vô ngã, vô thường... ở đạo Phật, những tư tưởng này cùng với những tư tưởng cộng đồng cổ truyền đã làm cản trở cho quá trình phân hóa giai cấp, làm dịu những xung đột giai cấp trong xã hội. Trong thời gian tới, Phật giáo tồn tại và thậm chí tiếp tục phát triển mạnh ở Việt Nam. Phật giáo đóng góp phần tích cực của nó bằng cách tự làm trong sạch bản thân, xóa bỏ những yếu tố mê tín lỗi thời. Phật giáo góp phần cân bằng cuộc sống ngày càng quay cuồng với nhịp độ cao và Phật giáo góp phần hướng thiện cho con người.

Việc cải tiến nghi lễ, và hiện đại hóa là một xu hướng tất yếu, là điều cần thiết của đạo Phật, điều đó có từ trong lịch sử Phật giáo của Việt Nam. Đạo Phật còn có vai trò to lớn trong đời sống tình cảm, tâm linh của người Việt Nam, người dân của đất nước đã trải qua nhiều đau thương và đang còn nhiều khó khăn trong đời sống xã hội.

Xin mượn lời của cố giáo sư Trần Quốc Vượng trong (Mấy ý kiến về Phật giáo và văn hóa dân tộc – Mấy vấn đề Phật giáo và tư tưởng Việt Nam) để khẳng định

những giá trị văn hóa của đạo Phật “Đạo Phật có thể mất đi như mọi hiện tượng vô thường. Song cái tinh túy của văn hóa Phật giáo đã được dân tộc hóa và dân gian hóa thì mãi mãi trường tồn”.

Ngày nay để tiếp tục phát huy những giá trị tích cực của mình, Phật giáo phải biết tự giữ gìn, bồi đắp và đổi mới cho phù hợp với thời đại nhằm góp phần thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh” như trước đây đã từng đóng góp cho “quốc thái dân an”.

Trong điều kiện xã hội hiện nay, những di sản văn hóa của Phật giáo đang tiếp tục phát huy tác dụng, tạo nên sắc thái dân tộc, góp phần làm phong phú bản sắc văn hóa Việt Nam. Gần đây, nhiều tổ chức và cá nhân đã quyên góp, công đức tiền của để khôi phục, tôn tạo chùa chiền, xây cất tịnh xá, niệm Phật đường, đúc chuông, đắp tượng, dựng tháp... Ngoài ý nghĩa tâm linh, nhiều ngôi chùa đã trở thành những danh thắng nổi tiếng để du khách đến chiêm ngưỡng. Những giá trị văn hóa Phật giáo không chỉ tồn tại trong tư tưởng, mà còn đang hiện diện thông qua sự nỗ lực của hàng triệu tín đồ nhằm vươn tới một lẽ sống vì Tổ quốc giàu mạnh, nhân sinh hạnh phúc. Điều đó càng khẳng định được vị trí, vai trò của Phật giáo trong suốt quá trình đồng hành cùng dân tộc.

1.1.4. Ý nghĩa của di sản văn hóa Phật Giáo

Với lịch sử hơn 2000 năm du nhập, định hình, phát triển ở Việt Nam, Phật giáo đã lan truyền và thấm sâu vào đời sống xã hội, góp phần quan trọng trong đời sống tư tưởng, văn hóa, đạo đức, lối sống, ... tạo thành bản sắc văn hóa dân tộc. Qua quá trình hình thành và phát triển, văn hóa Phật giáo đã theo chiều dài lịch sử, kết tinh những giá trị văn hóa đặc sắc được truyền qua các thế hệ. Văn hóa Phật giáo là vấn đề hết sức sâu rộng, thông qua bốn lĩnh vực, đó là: Ngôn ngữ Phật giáo, pháp phục Phật giáo, kiến trúc Phật giáo, di sản Phật giáo là những lĩnh vực có vai trò và ý nghĩa rất quan trọng.

Trải qua thời gian cùng những biến đổi của tự nhiên và xã hội, con người đã hình thành những cộng đồng khác nhau, sự khác biệt đã tạo nên lối sống, bản sắc văn hóa riêng. Cũng chính từ sự khác biệt về văn hóa là cơ sở để nhận biết, phân biệt các nhóm người, các dân tộc, các quốc gia, ... qua ngôn ngữ, chữ viết, kiến trúc, sắc phục, lối sống, ... khác biệt đó chính là đặc trưng riêng về văn hóa. Tuy nhiên, qua quá trình phát triển của xã hội hiện đại làm cho khoảng cách và sự giao thoa dễ dàng hơn, tạo nên một xã hội có nhiều điểm tương đồng, thống nhất trong đa dạng. Quá trình hội nhập cũng làm cho văn hóa mất dần đi những nét riêng biệt. Đối với

Phật giáo Việt Nam là sự tiếp nối, kế thừa truyền thống lịch sử Phật giáo hơn hai nghìn năm qua. Văn hóa Phật giáo cũng qua đó mà tích lũy trong hệ thống hơn 17 ngàn ngôi chùa với rất nhiều kiến trúc, tượng pháp, đồ tế... Văn hóa Phật giáo phi vật thể được tích tụ, nối truyền thông qua các triều đại, tạo nên các tầng văn hóa Phật giáo khác nhau khá phong phú đến ngày nay.

Bên cạnh bề dày về lịch sử hình thành và phát triển hơn hai nghìn năm qua, trước bối cảnh toàn cầu hóa, đa dạng hóa về nhiều lĩnh vực, Phật giáo Việt Nam đang đứng trước một số vấn đề về văn hóa cần được quan tâm để văn hóa Phật giáo thực sự duy trì những nét riêng mang đậm những giá trị tinh thần trong lòng mỗi người dân Việt Nam.

Tại Hội thảo: “Văn hóa Phật giáo Việt Nam - Thống nhất trong đa dạng” do Ban Văn hóa - Ban Nghi lễ Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức mới đây tại Hà Nội, Ts. Bùi Hữu Dược, Vụ trưởng Vụ Phật giáo, Ban Tôn giáo Chính phủ đã nêu ra 3 vấn đề đáng được quan tâm, đó là về pháp phục; kiến trúc và ngôn ngữ của Phật giáo Việt Nam hiện nay, nội dung chỉ rõ:

Pháp phục: nếu chỉ ở trong nước không mấy người để ý về pháp phục của tu sĩ xuất gia Phật giáo (Bắc tông), nhưng vì sự giao lưu ngày càng rộng với Phật giáo quốc tế, khi đi ra nước ngoài, pháp phục Phật giáo Việt Nam dễ nhầm với pháp phục Phật giáo Trung Quốc. Một số vị xuất gia hiện nay, đã mặc y áo, đi giày vải giống các vị sư Đài Loan, Trung Quốc, càng làm cho vẻ bề ngoài sư Việt Nam giống sư Trung Quốc hơn. Đành rằng Phật giáo không chấp về hình tướng nhưng hình thức cũng phản ánh một phần nội dung.

Kiến trúc: ngày xưa, do điều kiện phương tiện có hạn chế, chùa Việt thường được xây dựng trong bố cục không gian vừa phải phù hợp với không gian làng quê. Kiến trúc, tượng pháp, đồ tế khí, câu đối...tùy thời, vừa kế thừa, vừa phát triển đã tạo nên những nét đặc trưng riêng khá điển hình như kiến trúc ở thời Lý, thời Trần, thời Lê, thời Nguyễn,... Ngày nay, trong điều kiện kinh tế phát triển, việc xây dựng chùa được quan tâm của nhiều người nhưng chùa được xây dựng theo cách riêng của mỗi nơi không có mẫu riêng của kiến trúc, tượng pháp cũng ít theo khuôn mẫu cụ thể. Sự đa dạng đang phong phú nhưng phong phú theo tính tự phát, không định hướng sẽ dẫn tới việc không tạo nên văn hóa Phật giáo đặc trưng Việt trong kiến trúc của một giai đoạn lịch sử. Một số chùa làm theo lối kiến trúc chùa nước ngoài như ở chùa Tây Thiên (Vĩnh Phúc), chùa Bái Đính (Ninh Bình); tượng pháp nhiều chùa cũng thỉnh từ nước ngoài hoặc làm theo nguyên mẫu tượng ở nước ngoài..., nhiều chùa xây mới nhưng không viết tên chùa bằng tiếng Việt,... “Cái đẹp” đó

đang làm cho chuẩn mực kiến trúc, điêu khắc, hội nhập Phật giáo Việt hiện nay đi theo hướng hòa nhập với văn hóa ngoại lai.

Ngôn ngữ: kinh điển giáo lý Phật giáo đã được Việt hóa khá nhiều nhưng hiện tại còn không ít vấn đề trong ngôn ngữ Phật giáo hiện nay. Phần nhiều kinh sách chữ Việt nhưng âm Hán, làm cho số đông người đọc, người tu ít hiểu, vì chưa được chuyên nghĩa cho dễ hiểu, hiểu đúng. Một số chùa xây mới nhưng sử dụng câu đối chữ Hán cho ra vẻ cổ kính. Văn số lại được viết bằng chữ Hán cho linh nghiệm,... Đành rằng, hội nhập là cơ hội tốt để học và vận dụng cái hay của quốc tế. Tuy nhiên, một số việc làm đã nêu do chưa hiểu tác hại, vô tình cổ súy cho hội nhập văn hóa, cái mà hàng ngàn năm trước cha ông ta đã biết để tránh xa sự đồng hóa thì nay một số người lại xiển dương xem đó như là một sự “hiểu biết”.

Nhiều học giả, nhà nghiên cứu, nhà tu hành cũng thấy đây là vấn đề cần phải khắc phục để văn hóa Phật giáo đúng với giá trị văn hóa hàng nghìn năm qua của dân tộc. Tuy nhiên, những tồn tại ấy cần có thời gian, sự quan tâm vào cuộc của các cấp, ngành, Giáo hội Phật giáo các cấp và đông đảo tăng ni, Phật tử. Thông qua những việc làm cụ thể của Giáo hội Phật giáo Việt Nam có thể phát động xu hướng Việt hóa kinh điển, nội dung triết lý Phật giáo, làm sao càng dễ đọc, dễ hiểu, phổ biến được nhiều người càng tốt. Đưa ra các quy định mới về việc trùng tu, xây mới chùa thì ngôn ngữ thể hiện như tên chùa, câu đối... nên dùng tiếng Việt để mọi người cùng đọc được và hiểu nội dung khi đến thăm chùa, lễ Phật. Hay đối với kiến trúc, gần đây nhiều nơi phấn đấu để đạt kỷ lục chùa to nhất, tượng Phật lớn nhất... nhưng xét thấy điều đó là không cần thiết. Thay vì thế, chúng ta có thể đưa ra những quy định, quy phạm, thống nhất về các kiểu dáng, khuôn mẫu điển hình cho các hệ phái, qua đó sử dụng họa tiết, hoa văn đặc trưng cho văn hóa vùng miền, thời kỳ lịch sử... để chùa là nơi lưu giữ hồn dân tộc. Nhiều người cho rằng, pháp phục của nhà tu hành khi chúng ta làm tương với các quốc gia lân cận, đó cũng chỉ là thói quen trong sinh hoạt hàng ngày nên cần thiết có thể tham khảo ý kiến xã hội, tổ chức các cuộc thi sáng tác mẫu cho phù hợp với người Việt, văn hóa và phong tục tập quán nhiều đời nay của chúng ta.

Có thể nói, loại hình di sản và việc nhận diện đặc trưng di sản văn hóa Phật giáo Việt Nam đóng vai trò, giá trị trong hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng và đời sống văn hóa xã hội nên việc duy trì, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Phật giáo là đặc biệt cần thiết.

Trong quá khứ, Phật giáo Việt Nam đã gắn chặt với dân tộc trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước, thông qua những việc làm quý báu, đẹp đẽ của đông đảo tăng, ni, phật tử. Đạo Phật ở Việt Nam mang màu sắc dân tộc Việt Nam rõ rệt. Có thể nói rằng, Phật giáo Việt Nam đã góp phần làm sáng ngời lý tưởng và trưởng thành cùng dân tộc. Với những ý nghĩa đó, việc nhìn nhận đúng giá trị di sản văn hóa Phật giáo, cũng như văn hóa Phật giáo nói chung là điều rất cần thiết. Đó cũng là cơ sở đánh giá giá trị, để bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp, mang đậm bản sắc của văn hóa Phật giáo hiện nay.

Hiện nay, Giáo hội Phật giáo Việt Nam có 17.376 cơ sở tự viện, trong đó có 99 cơ sở tự viện đại trùng tu từ khi thống nhất Phật giáo năm 1981 đến nay, 399 cơ sở được công nhận là di sản Văn hóa cấp quốc gia và hàng trăm cơ sở là di tích Văn hóa cấp tỉnh, thành. Do đó, vấn đề phân cấp quản lý cần thực hiện có khoa học, tránh tình trạng chồng chéo, cuối cùng không ai chịu trách nhiệm trong quá trình tu bổ, tài chính ngân sách chi phí cho công trình, đến hoang phế.

Trao đổi về vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Phật giáo, nhiều học giả, nhà nghiên cứu đã nhận định với vai trò là một hình thái ý thức xã hội, Phật giáo có ý nghĩa quan trọng trong đời sống tư tưởng, văn hóa, đạo đức, lối sống và góp phần hình thành đặc trưng, bản sắc văn hóa dân tộc. Văn hóa Phật giáo Việt Nam là một thành tố quan trọng trong chỉnh thể văn hóa dân tộc Việt Nam, giữ gìn và phát huy văn hóa dân tộc Việt Nam. Cũng tại Hội thảo: “Văn hóa Phật giáo Việt Nam, thống nhất trong đa dạng” được tổ chức gần đây, TS. Hòa thượng Thích Gia Quang, Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã nêu lên định hướng phát triển văn hóa Phật giáo Việt Nam, trong đó, nhấn mạnh từ pháp phục, ngôn ngữ đến kiến trúc, di sản của Phật giáo Việt Nam cần lấy yếu tố con người làm trung tâm. Do đó, muốn bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa Phật giáo rất cần có kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực bảo tồn di sản mà trước hết là cho tăng ni, phật tử. Những người thực hành đạo Phật chẳng những cần nắm vững giáo lý đạo Phật, biết cách hướng dẫn tu tập cho phật tử mà còn phải được đào tạo đủ năng lực làm lành mạnh hóa các sinh hoạt Phật giáo.

Phật giáo du nhập vào Việt Nam đã giao thoa và dung hòa với các tập tục địa phương, với các thần linh bản địa có trước, làm cho Phật giáo Việt Nam mang nhiều sắc thái, có mặt tích cực và cả mặt tiêu cực. Nên việc phân biệt rõ ràng rồi lựa chọn để bảo vệ những giá trị văn hóa Phật giáo đích thực và các yếu tố tích cực đã tồn tại là điều rất cần thiết. Như chúng ta đã biết, việc cúng dường, công đức của phật tử lên Tam bảo là việc làm thiện tâm hữu ích, là hỗ trợ cho tăng ni có điều kiện sinh hoạt để làm các công tác phật sự, hoằng dương Phật pháp, hướng dẫn phật tử tu tập theo đúng giáo lý của Phật, qua đó có lối sống lành mạnh, ngoài ra

những công đức ấy còn được dùng để tu tạo ngôi chùa, góp phần bảo vệ và phát triển văn hóa Phật giáo. Cũng theo TS. Hòa thượng Thích Gia Quang, phát triển văn hóa Phật giáo đòi hỏi nhiều yếu tố, trong đó tắng, ni phải là tấm gương đạo đức về sự tu tập nghiêm túc cho phật tử noi theo. Từ chỗ tin vào sự hướng dẫn đúng đắn của tắng ni, Phật tử sẽ gắn bó với ngôi chùa, một lòng hướng theo Phật pháp, thương yêu đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong tu tập cũng như trong đời sống.

Chặng đường 35 năm Giáo hội Phật giáo Việt Nam trưởng thành và phát triển đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trong sự nghiệp hoằng dương chính pháp, làm cho đạo Phật hiện hữu trong lòng dân tộc. Thành công đó là sự kết tinh của tinh thần đoàn kết, hòa hợp, sự đồng tình ủng hộ của các tổ chức Hệ phái Phật giáo trong ngôi nhà chung của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, của tắng, ni, phật tử ... Sự đoàn kết đồng lòng đó cũng là cơ sở để chúng ta tin tưởng vào hiện tại và tương lai sự thống nhất, giá trị di sản được bảo tồn và phát huy được những giá trị văn hóa Phật giáo Việt Nam mang đậm bản sắc dân tộc và thời đại, để lại dấu ấn trong tiềm thức mỗi người dân Việt Nam./.

1.2. Giá trị của Di sản Văn hóa Phật Giáo với phát triển du lịch

Hiện nay, cùng với xu thế phát triển, di sản văn hóa (DSVH) nói chung, DSVH Phật giáo nói riêng được nhìn nhận như một tài sản, nguồn lực cho phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội đương đại; có thể được khai thác phục vụ cho phát triển du lịch và gắn với sinh kế của người dân. Xung quanh những vấn đề nhằm khai thác một cách hiệu quả các giá trị DSVH Phật giáo, ở đây là tại chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà, hài hòa giữa mục tiêu bảo tồn và phát triển, gắn DSVH với hoạt động phát triển du lịch... các nhà quản lý cũng như các cơ quan chức năng cần xác định cụ thể những thành tố nằm trong hệ thống DSVH Phật giáo và các sản phẩm du lịch có thể khai thác từ hệ thống giá trị đó.

- DSVH Phật giáo chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà

Giá trị của ngôi chùa

Chùa Vĩnh Nghiêm được xây dựng TK XIII, là trung tâm Phật giáo lớn nhất vào thời Trần, nơi ba vị Trúc Lâm tam tổ là Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang từng trụ trì và mở trường thuyết pháp. Chùa Vĩnh Nghiêm được các nhà nghiên cứu xem như một bảo tàng văn hóa Phật giáo Đại thừa khá tiêu biểu ở miền Bắc Việt Nam. Với sự hiện diện của ba vị sư tổ, Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử đã trở thành quốc đạo, biểu tượng giá trị tinh thần người Việt và chùa Vĩnh Nghiêm trở thành chốn an cư, kiết hạ, giảng kinh, thuyết pháp; là trụ sở chính thức đầu tiên của

Phật giáo Việt Nam, một trong những ngôi tổ đình đầu tiên của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử (1). Chùa Vĩnh Nghiêm được xây dựng trên địa thế đẹp, bao quanh bởi sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam. Phía sau Vĩnh Nghiêm có dãy núi Bảo Đài, gồm các núi: Phụng Sơn, Lạng Sơn, Hình Sơn, Quả Sơn làm điểm tựa vững chãi, rộng dài. Chùa Vĩnh Nghiêm trông ra phía điểm hợp lưu Phụng Nhã của sông Lục Nam và sông Thương. Vùng đất mà chùa Vĩnh Nghiêm tọa lạc này cũng chính là cửa ngõ ra vào nơi địa linh Yên Tử.

Ngày nay, chùa Vĩnh Nghiêm là công trình kiến trúc tôn giáo gồm các hạng mục công trình như: tam quan, tiền đường, thiêu hương, thượng điện, nhà tổ đệ nhất, gác chuông, nhà tổ đệ nhị và tăng phòng, hai dãy hành lang ở hai bên và công trình khác trong khu vườn chùa cùng vườn tháp ở phía trước bên phải tòa tiền đường.

Lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm được tổ chức vào ngày 14 - 2 âm lịch hàng năm. Đây là một lễ hội lớn trong vùng, với nhiều làng, xã tham gia; phản ánh ảnh hưởng to lớn của Phật giáo trong đời sống xã hội, đặc biệt là sự sùng bái của nhân dân địa phương đối các vị tam tổ của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Song do đây là ngày giỗ chung của các vị tổ chùa Vĩnh Nghiêm nên lễ hội nghiêng về các nghi lễ giỗ nhiều hơn yếu tố hội

Chùa Bồ Đà thuộc địa phận xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, có tên chữ là Quán Âm tự, còn có tên gọi khác là Tứ Ân tự. Quần thể di tích chùa Bồ Đà hiện nay gồm: chùa cổ có tên là Bồ Đà Sơn (gọi tắt là chùa Bồ Đà, chùa Bồ; còn gọi là chùa Quán Âm), chùa chính Tứ Ân Tự, Am Tam Đức. Ngoài ra trên núi Bồ Đà còn có đền thờ Đức Thánh Hóa (tức Thạch Tướng Đại Vương, có công giúp vua Hùng thứ 16 chống giặc ngoại xâm). Chùa thờ Tam giáo, trong đó có Quán Thế Âm Bồ Tát, Trúc Lâm Tam Tổ, Không Tử... Chùa Bồ Đà được xây dựng từ thời nhà Lý (TK XI) khi Phật giáo đang trong giai đoạn thịnh trị. Nhưng sau quá trình lịch sử với chiến tranh liên miên, chùa bị phá hủy nặng nề, đến thời Lê Dụ Tông (1705 - 1729) niên hiệu Bảo Thái, chùa Bồ Đà mới được dựng lại và có hình hài như ngày nay. Kiến trúc của chùa gần một trăm gian liên hoàn được xây dựng bằng các vật liệu dân gian: gạch nung, ngói, tiểu sành, tường bao được làm bằng đất rất độc đáo. Các bức tường, cổng và một số công trình khác được xây dựng hoàn toàn bằng đất nện theo lối trình tường. Cổng vào chùa nền lát đá muối có kích thước to nhỏ khác nhau, xây theo kiến trúc thời Nguyễn mang dáng dấp gác chuông. Điểm đặc biệt ở đây là nhiều bức tường được xây bằng tiểu tạo vẽ trầm mặc, gắn gũi với vùng thôn quê ở vùng đồng bằng Bắc Bộ (3). Đặc biệt, vườn tháp chùa Bồ Đà được đánh giá là đẹp và lớn nhất Việt Nam. Vườn tháp được xây dựng

theo những quy định riêng và rất chặt chẽ của thiền môn. Với gần 100 ngôi tháp được xếp hàng hàng, lớp lớp nơi tàng lưu xá lị, tro cốt nhục thân của các vị tăng ni.

Lễ hội chùa Bô Đà tổ chức từ ngày 16 đến 18 - 2 âm lịch hàng năm, đó là ngày giỗ tổ khai sơn lập ra chùa Bô Đà. Vào dịp lễ hội ngoài việc đến lễ phật cầu mong an lạc, còn là dịp để những liền anh, liền chị của các làng quan họ trong vùng gặp gỡ, giao duyên trong các bộ trang phục truyền thống với nhiều làn điệu dân ca quan họ mượt mà, đắm thắm, thắm đượm hồn quê.

Giá trị của kho mộc bản và hệ tư tưởng

Theo kết quả kiểm đếm của Sở VH-TT-DL Bắc Giang, kho mộc bản Vĩnh Nghiêm hiện có 3050 ván khắc. Trong số ván hiện còn, có ván thành 1 trang in, có ván thành 2 trang in, có ván 4 trang in hoặc nhiều hơn (số này rất ít), lại có ván phôi chưa khắc, ván kẻ ô để phục vụ việc khắc chữ...

Kho mộc bản chùa Bô Đà xét về số lượng thì ít hơn (khoảng 2000 mộc bản) so với kho mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm nhưng lại nhiều loại văn bản hơn. Các ván khắc ở đây cũng có ván 1 mặt in, ván 1 mặt hai trang, ván 2 mặt 2 trang, ván 2 mặt 4 trang.

Theo các nhà nghiên cứu, các mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bô Đà được coi là bộ sưu tập mộc bản kinh sách Phật cổ nhất hiện còn được lưu giữ về thiền phái Trúc Lâm và Lâm Tế. Ngoài ra, các mộc bản này còn chứa đựng những giá trị về lịch sử, văn hóa, tôn giáo và giá trị phát triển trong xã hội đương đại.

Kho mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm hàm chứa những giá trị nhân văn sâu sắc về tư tưởng, giáo lý của Phật giáo Trúc Lâm. Các bộ kinh, sách, luật giới nhà Phật và trước tác của một số danh nhân, thiền sư đã sáng lập, chấn hưng, phát triển trung tâm Phật giáo Vĩnh Nghiêm trong nhiều thế kỷ và có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển về văn hóa, xã hội của một giai đoạn lịch sử Việt Nam như: Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Đồng Kim Cương, Huyền Quang, Lý Đạo Tái, Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi, Tuệ Đăng chân nguyên thiền sư...(4). Tư tưởng, giáo lý hành đạo của Phật giáo Trúc Lâm được in ra từ kho mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm được bảo lưu, quảng bá trong thời gian dài.

Bộ kinh Phật tại chùa Bô Đà mang tư tưởng lớn của hai dòng Phật giáo lớn nhất châu Á xưa là Ấn Độ và Trung Hoa. Trong đó, với gần 2000 ván khắc mộc bản của các bộ kinh như: Lăng nghiêm chính mạch, Yến ma hội bản, Nam hải ký quy... Kinh được khắc nổi bằng chữ Hán, nét chữ tinh xảo, đến nay còn rất sắc, rõ nét.

Đặc biệt, bộ kinh gõ này có nói đến những đặc trưng của Phật giáo Trung Hoa khi được truyền vào Việt Nam với 3 tông phái (Thiền tông, Tịnh độ tông và Mật tông). Trọng tâm của bộ kinh nói đến nỗi khổ của con người và sự giải thoát. Trong đó tiêu biểu nhất là Tứ Diệu Đế: khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế. Bộ kinh còn nói đến cõi niết bàn, những vòng luân hồi chuyển kiếp của một đời người, giải thích thế nào về sự nhân đức, cõi vô vi... Bộ kinh cũng thể hiện những tư tưởng của Phật giáo Việt Nam, đặc biệt là sự ảnh hưởng của dòng Phật giáo Trúc Lâm tam tổ

Chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà cũng như hệ thống di sản của hai chùa đã được nhà nước vinh danh trên các hạng mục: Di tích quốc gia đặc biệt đối với chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà; đề tên vào danh mục DSVH phi vật thể quốc gia đối với lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà. Đặc biệt, mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm đã được tổ chức UNESCO vinh danh là di sản tư liệu khu vực châu Á - Thái Bình Dương, năm 2012. Cùng với đó, trong thời gian qua, chính quyền tỉnh và địa phương đã có những quy hoạch, kế hoạch triển khai nhằm bảo tồn, phát huy giá trị di sản chùa cũng như giá trị di sản mộc bản. Đây là những cơ sở pháp lý quan trọng nhằm nhận dạng, biến tiềm năng di sản mộc bản thành nguồn lực góp phần vào phát triển kinh tế, xã hội địa phương.

- Xây dựng các sản phẩm du lịch

Từ di tích chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà

Xây dựng các tour tham quan chùa, liên kết với các địa điểm du lịch khác trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà là những di tích tâm linh nổi tiếng, có nét đẹp độc đáo về kiến trúc tôn giáo, cảnh quan. Đặc biệt, chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà đều được phong tặng danh hiệu di tích Quốc gia đặc biệt, Đây sẽ là điểm thu hút khách tham quan.

Chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà đều là những chốn tổ nổi tiếng với dòng thiền Trúc Lâm (Vĩnh Nghiêm) và Lâm Tế (Bồ Đà). Chính vì vậy, chúng ta có thể tổ chức các khóa tu tập về thiền Phật giáo, khai thác thành sản phẩm du lịch mang tính trải nghiệm tâm linh. Hoạt động này không những đưa các nét đẹp, giá trị của Phật giáo đến đời sống xã hội mà còn giúp cho người tham gia thêm sức khỏe, tinh thần minh mẫn. Bên cạnh các hoạt động tu tập, có thể tổ chức các bữa cơm chay thanh tịnh, tăng sự trải nghiệm của du khách khi đến với chùa. Các hoạt động này sẽ thu hút được sự tham gia của nhiều đối tượng khách (học sinh, sinh viên, doanh nhân, các Phật tử...). Tùy vào từng đối tượng mà tổ chức thời gian các khóa học cho phù hợp. Cùng với các hoạt động tu tập, có thể lồng ghép vào hoạt động nghiên cứu, tìm hiểu Phật học đối với các thành viên tham gia.

Khai thác, phát huy lễ hội truyền thống của chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà cũng như các nghi lễ của chùa. Đây là hai lễ hội lớn của vùng, còn lưu giữ lại nhiều nét văn hóa truyền thống. Tại hai chùa này, đặc biệt chùa Vĩnh Nghiêm trong thời gian diễn ra lễ hội có nhiều hoạt động (phần hội) ý nghĩa, nhiều trò chơi văn hóa văn nghệ dân gian được tổ chức, tạo sự thu hút, tham gia của cộng đồng và khách thập phương. Các hoạt động này nếu khai thác hợp lý có thể xây dựng trở thành sản phẩm văn hóa du lịch đặc trưng của địa phương.

Từ mộc bản

Xây dựng, tổ chức các hoạt động trưng bày giới thiệu về di sản mộc bản tại hai ngôi chùa, phục vụ khách tham quan. Để tổ chức được các hoạt động trưng bày có định và chuyên đề theo nội dung, cần tiến hành công tác kiểm kê, nghiên cứu, phân loại mộc bản nội dung của từng mộc bản theo lĩnh vực, hiện trạng của mộc bản. Trong hoạt động trưng bày, các nhà quản lý có thể áp dụng khoa học công nghệ (như công nghệ 3D) số hóa mộc bản, làm tăng thêm tính thu hút và sự tương tác của du khách đối với mộc bản và thông tin của mộc bản

Tổ chức các hoạt động giáo dục di sản, đưa mộc bản đến với công chúng đặc biệt là giáo dục đối với học sinh các cấp trên địa bàn. Đây có thể được coi là một hoạt động phát huy, mang tính trao truyền cho các thế hệ nhằm hiểu biết về di sản mộc bản tại hai chùa. Đối với các hoạt động giáo dục di sản, các nhà quản lý cần phối hợp với bộ phận chuyên môn, nhà trường xây dựng nội dung chương trình hoạt động phù hợp với các bậc học, lứa tuổi.

Tổ chức các hoạt động trình diễn quy trình in khắc mộc bản; lựa chọn một số mộc bản để tổ chức in dập thành các sản phẩm du lịch, tạo sự trải nghiệm cho du khách tham quan. In khắc một số sản phẩm độc đáo từ 2 bộ mộc bản với kích thước tỷ lệ nhỏ hơn ($1/2$ hoặc $1/4$) so với tỷ lệ thật của mộc bản, biến những phiên bản nhỏ này thành sản phẩm du lịch bán cho du khách có nhu cầu. Bên cạnh đó, cũng có thể sản xuất những sản phẩm khai thác từ mộc bản dưới dạng ảnh chụp, tranh in là sản phẩm lưu niệm.

In, dịch các mộc bản có nội dung về tín ngưỡng, tôn giáo, y dược... (những nội dung có tính thực tiễn với đời sống đương đại) sản xuất thành các ấn phẩm nhỏ (sách cầm tay) với đa dạng các nội dung khác nhau phục vụ cho du khách.

Hiện nay, DSVH có thể được khai thác trở thành một nguồn lực phục vụ cho mục tiêu phát triển trong xã hội đương đại, gắn với các hoạt động phát triển du lịch. Tuy nhiên, DSVH Phật giáo gắn liền với hệ tư tưởng và niềm tin của cộng đồng và các tín đồ... chính vì vậy, khi đưa vào khai thác trong thực tế, các nhà quản lý cần phân

tích, xác định tính chất của từng yếu tố cấu thành thuộc hệ thống di sản; lựa chọn sản phẩm phù hợp; hài hòa quyền lợi của các bên liên quan như vai trò của sự trợ trì, cộng đồng địa phương, chính quyền sở tại.

1.3. Một vài sản phẩm du lịch gắn với Di sản Văn Hóa Phật giáo Việt Nam

Chùa Dâu là ngôi chùa gần 2.000 tuổi, trung tâm Phật giáo cổ nhất Việt Nam ở Bắc Ninh. Đây cũng là nơi khởi nguồn tín ngưỡng thờ Tứ pháp - bốn vị nữ thần tương ứng với các hiện tượng mây, gió, sấm, chớp.

Theo Cục Di sản Văn hóa, chùa Dâu (xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh) được khởi dựng năm 187 và hoàn thành năm 226 ở vùng Dâu, thành Luy Lâu. Nơi đây được coi là trung tâm Phật giáo đầu tiên của Việt Nam và nơi khởi nguồn tín ngưỡng thờ Tứ pháp - 4 vị nữ thần hình thành từ sự kết hợp giữa Phật giáo Ấn Độ và tín ngưỡng dân gian của người Việt. Mặt trước chùa Dâu nhìn từ khoảng sân hướng ra đường quốc lộ 17.

Điểm nhấn về kiến trúc của chùa Dâu là tháp Hòa Phong cao khoảng 17 m nằm giữa sân. Toà tháp có kết cấu bằng gạch mộc nung thủ công. Năm 1313, dưới triều của vua Trần Anh Tông, trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi đã tu bổ chùa và cho xây dựng ngôi tháp 9 tầng, đến nay chỉ còn lại 3. Trên tầng hai của tháp có tấm bảng khắc ba chữ “Hòa Phong tháp”. Bên trái tòa tháp là tấm bia đá dựng năm 1738, bên phải là tượng cừu đá có từ 1.800 năm trước.

Bên trong tháp có bộ chuông khánh bằng đồng đúc lần lượt vào năm 1793 và 1817. Khi xưa, trong dân gian lưu truyền câu thơ về tháp: “Dù ai đi đâu về đâu/ Hễ trông thấy tháp chùa Dâu thì về”.

Tháp Hoà Phong có 4 cửa vòm ở mỗi tầng. Tại các góc ở chân tháp có bệ thờ “Tứ vị Thiên Vương” với quan niệm đây là các vị thần cai quản bốn phương trời. Tượng làm từ gỗ phủ sơn, cao 1,6 m và có niên đại từ thế kỷ 18.

Gian thiêu hương của chùa nằm ở chính giữa với bàn thờ đặt tượng Cửu Long, hành lang hai bên có tượng các vị Diêm Vương, Tam Châu Thái Tử và Mạc Đĩnh Chi. Chùa Dâu có kiến trúc theo lối “nội công ngoại quốc” với hai hành lang dài nối nhà tiền đường ở phía trước với hậu đường (còn gọi là nhà tổ hay nhà tăng) phía sau, tạo thành tổng thể hình chữ nhật bao lấy nhà thiêu hương, thượng điện và các kiến trúc khác ở giữa.

Tại nhà thượng điện, bực cao nhất của gian giữa đặt pho tượng bà Dâu hay nữ thần Pháp Vân, một trong Tứ Pháp, theo tín ngưỡng bản địa của người Việt kết hợp với

Phật giáo Ấn Độ. Tứ Pháp gồm các nữ thần Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện tương ứng với các hiện tượng tự nhiên là mây, gió, sấm, chớp. Chất liệu tạo nên bộ tượng đến nay vẫn chưa có câu trả lời khoa học, chỉ dựa vào truyền thuyết là gỗ cây dung thụ. Theo nghiên cứu của tác giả Nguyễn Hữu Toàn công bố trên tạp chí Di sản văn hóa năm 2006, dung thụ có thể là một loại cây không có thật với ý nghĩa biểu tượng nhiều hơn. Chất liệu làm nên bốn bức tượng theo phỏng đoán là một cây cổ thụ trong chốn rừng thiêng.

Phía dưới Pháp Vân là tượng Kim Đồng và Ngọc Nữ ở hai bên đang thực hiện một điệu múa cổ xưa. Trong ảnh là chân dung pho tượng Ngọc Nữ có niên đại từ thế kỷ 18. Đặt trước tượng Pháp Vân là hộp đựng Thạch Quang, viên đá nằm trong thân cây dung thụ tạc nên tượng Tứ Pháp mà theo sự tích là hoá thân của con gái vị tăng sĩ Ấn Độ, Khâu Đà La và bà Man Nương người Luy Lôu, học trò của ông.

Tiền đường của chùa là nơi đặt tượng Hộ pháp, Bát bộ Kim Cương (trong hình), Đức Ông, Đức Thánh Hiền đa phần đều có niên đại từ thế kỷ 18. Vị trí tiền đường nằm trước mặt gian thiêu hương theo lối kiến trúc “nội công ngoại quốc”.

Hai dãy hàng lang song song với nhau, nối tiền thất và hậu đường, là nơi thờ Thập bát La Hán - 18 đệ tử đắc đạo của Phật đã tu đến cảnh giới La Hán.

Chân dung một bức tượng La Hán tại chùa Dâu. Hình tượng Thập bát La Hán là chủ đề phổ biến trong nghệ thuật Phật giáo, xuất hiện nhiều nhất ở Trung Quốc và Việt Nam trong các tác phẩm điêu khắc, hội họa.

Khoảng sân chùa nhìn ra tháp Hòa Phong. Tại chùa còn lưu giữ khoảng 100 tượng thờ các loại, trong đó có nhiều tác phẩm được coi là mẫu mực của nghệ thuật điêu khắc cổ Việt Nam. Chùa Dâu là niềm tự hào của xứ Kinh Bắc xưa nay, đã được công nhận là di tích quốc gia đặc biệt vào năm 2013.

Vườn tháp hiện có 8 tháp gạch là nơi yên nghỉ của các vị sư từng tu tại chùa, có niên đại từ thời Lê đến thời Nguyễn, khoảng từ thế kỷ 14 đến 19.

Ngôi chùa ở Sài Gòn giữ 4 kỷ lục Việt Nam

Pháp viện Minh Đăng Quang xây dựng trên khu đất rộng hơn 37.000 m² với những tượng Phật, bảo tháp, lễ hội được công nhận kỷ lục. Pháp viện Minh Đăng Quang hình thành năm 1968 thuộc hệ phái Khất sĩ, ban đầu chỉ gồm ngôi chánh điện nhỏ và một số am cốc bằng tre. Đầu năm 2009, pháp viện được xây dựng quy mô với nhiều hạng mục. Hiện, công trình là một quần thể kiến trúc Phật giáo đặc sắc, rộng lớn ở ngay Xa lộ Hà Nội (quận 2), cửa ngõ vào trung tâm TP HCM. Hệ

phái Khất sĩ ra đời năm 1944 tại Nam bộ, do Tổ sư Minh Đăng Quang sáng lập. Nơi đây, ngoài chức năng như một ngôi chùa, còn đào tạo Phật pháp cho các tăng lữ, Phật tử nên được gọi là pháp viện. Pháp viện nằm ở khu đất rộng hơn 37.000 m², với nhiều công trình, nổi bật là 4 bảo tháp cao ở bốn góc, giữa là khu chánh điện.

Tháng 5/2019, Hội Kỷ lục gia Việt Nam đã xác lập 4 kỷ lục tại Pháp viện gồm: Ngôi tịnh xá có bốn bảo tháp lớn nhất Việt Nam, bảo tháp bằng gỗ thờ Phật trong chánh điện lớn nhất, nơi tổ chức Đại lễ kỷ niệm 60 năm Đức tổ sư Minh Đăng Quang vắng bóng lớn nhất và nơi diễn ra Lễ khất thực cổ Phật lớn nhất. Hai bảo tháp còn lại mang tên Hồng Ân, Tứ Ân. Hai tháp có hình tứ giác, gồm 13 tầng, cao 49 m, dùng để thờ linh cốt của chư Tăng và Phật tử. Từ cổng tam quan vào là hai bảo tháp 9 tầng, cao 37 m, bên phải là bảo tháp Ca Diếp, phía trái là bảo tháp Xá Lợi.

Hai bảo tháp Ca Diếp, Xá Lợi có thiết kế giống nhau, đối xứng hai bên. Tháp Ca Diếp là nơi tôn trí thờ các vị Phật và người sáng lập hệ phái Khất sĩ. Tháp còn lại có chức năng thư viện, lưu trữ các tài liệu Phật giáo, kinh pháp... Bốn ngôi bảo tháp này là biểu tượng Tứ thiên vương hầu Phật. Chánh điện là ngôi tháp ở giữa, cao ba tầng được xây theo kiểu hình bát giác, xung quanh là các tháp nhỏ hơn.

Bên trong chánh điện với kết cấu chính bằng gỗ, được điêu khắc hoa văn tinh xảo. Chính giữa là một bảo tháp bằng gỗ cao 13 m. Bên trong tôn trí tượng Phật Thích ca bằng đồng cao 7,2 m, nặng 7,2 tấn. Công trình này được công nhận là ngôi tịnh xá có bảo tháp bằng gỗ thờ Phật trong chánh điện lớn nhất Việt Nam.

Xung quanh chánh điện là các tháp nhỏ đặt ở bốn góc, là nơi đặt chuông, trống của pháp viện. Các tháp đều được thiết kế hoa văn với hình ảnh nổi bật là những đóa hoa sen cách điệu - loài hoa gắn liền với Phật giáo.

Ở các đầu đao của tháp đều gắn hoa văn bông sen, phía trên là bánh xe Pháp luân uốn cong vút lên trời. Những bức tranh trên đá, gỗ quanh pháp viện kể về các tích kinh Phật, quá trình hình thành của hệ phái Khất sĩ...

Khuôn viên pháp viện rộng rãi với nhiều cây xanh, bonsai cùng tượng Phật bài trí trong các điện, trên thảm cỏ... Nằm khuất một góc, cạnh hai bảo tháp Hồng Ân, Tứ Ân là ngôi chánh điện cũ của pháp viện. Công trình đơn sơ, nhỏ bé nhưng là dấu tích cho sự phát triển của pháp viện Minh đăng Quang và hệ phái Khất sĩ ở miền Nam.

1.4 Tiểu kết

Đã từ lâu trong tâm thức người Việt Nam, Chùa là nơi tĩnh lặng, linh thiêng, là nơi mọi người đến nương nhờ Đức Phật để tìm chút bình an trong cuộc sống, cầu xin hạnh phúc cho gia đình.. Không biết từ bao giờ, khi đời sống xã hội ngày càng được nâng cao, cuộc sống càng hiện đại, thì dường như con người lại hướng linh hồn mình vào gần hơn với Phật giáo, gần hơn với cửa chùa. Ngày xưa, người ta đi chùa thứ nhất là những người theo đạo Phật, họ quy y, tìm thấy trong Đức Phật những tín điều phù hợp với ý thức của mình đối với cuộc sống, cuộc đời, tìm thấy trong những điều Phật dạy, sự gợi mở để khiến tâm hồn tĩnh lặng, và hướng thiện, thứ hai đi chùa để văn cảnh, vì không gian và kiến trúc Phật giáo luôn luôn khơi thông dòng suy nghĩ, khiến cho cuộc sống chợt lặng lại, những nốt trầm trong dòng chảy thường ngày được tấu lên, đến chùa với những mái chùa cong vút, những đầu đao được chạm trổ sinh động, những bức tượng thờ được điêu khắc đẹp và tỉ mỉ đầy thần khí, không gian chùa rộng mở, gần gũi với thiên nhiên với mặt nước và cây xanh được chăm chút sạch sẽ và quy củ, không khí thanh khiết và trầm mặc, qua công Tam Quan của chùa, ta như được đắm mình trong một nơi chốn khác, tách biệt hẳn khỏi tham sân si. Thời hiện đại, người ta đang được chứng kiến một sự bùng nổ mạnh mẽ của Phật giáo trong đời sống của người dân, đặc biệt là người dân thành thị, rất nhiều chùa chiền mới được xây dựng, nhiều chùa cũ được mở rộng, xây mới hoặc được cải tạo mới, Phật tử không tiếc tiền, tiếc công sức để vun đắp cho Phật giáo ngày càng giàu mạnh, ngày càng gần gũi và có chăng đã trở thành tôn giáo chính của cả dân tộc Việt, có lẽ vì vậy ngày nay, những tầng lớp người dân đi lễ chùa trong các ngày lễ đã đa dạng hơn rất nhiều, không còn bó hẹp trong thành những người theo đạo Phật và những người đi văn cảnh chùa nữa. Chùa như một điểm nối cho những người con xa xứ được hưởng cái không khí tết ở quê nhà, có múa lân, có phát lộc, có cơm chay, và có những mặt người hoan hỉ trong ngày vía Đức Phật Di Lặc, vị Phật phúc hậu, hiền từ, luôn vui cười trước cõi dương gian. Và dường như kinh tế càng phát triển, xã hội càng phát triển, thì người ta càng cần một chỗ dựa về tinh thần để vững định trong cuộc sống vốn nhiều biến động của cơn áo gạo tiền. Chùa An Phú cũng vậy trong sự lên xuống đầy biến động của nền kinh tế, đã trở thành một không gian tâm linh đặc biệt để mọi người tìm đến như một cứu cánh cho cuộc sống của người dân. Chùa An Phú nói chung và những ngôi chùa khác trên cả nước đã góp phần nâng cao đời sống tâm hồn Việt, nâng cao những giá trị luân lý của cái đẹp và duy trì những nét truyền thống đang ngày càng mai một trong một xã hội hiện đại.

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KHAI THÁC PHÁT TRIỂN ĐỐI VỚI CHÙA AN PHÚ

2.1. Tổng quan về chùa An Phú

Chùa thường được gọi là chùa Miếng Sành, tọa lạc ở số 24 đường Chánh Hưng, phường 10, quận 8, TP. Hồ Chí Minh. Chùa thuộc hệ phái Bắc tông.

Đây là một trong những ngôi chùa cổ ở thành phố. Chùa do Hòa thượng Thích Thanh Đức sáng lập, đã trải qua 6 đời trụ trì. Hòa thượng Thích Từ Bạch đã tổ chức trùng tu chùa từ năm 1960 đến năm 1993. Hòa thượng Thích Từ Bạch sinh năm 1926, thuộc dòng Lâm Tế Chánh tông đời thứ 41. Ngài xuất gia từ lúc 6 tuổi. Qua 60 năm tu học và hành đạo, ngài là một vị cao tăng đã cống hiến nhiều trong công cuộc hoằng pháp và vận động thống nhất Giáo hội.

Thượng tọa trụ trì Thích Hiện Đức tiếp tục công việc trùng tu ngôi chùa vào ngày 25-4-1998 và đã tổ chức lễ khánh thành vào ngày 01-4-1999 dưới sự chứng minh của Hòa thượng Thích Hiện Pháp, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Chùa An Phú nổi tiếng là một công trình kiến trúc mang tính dân gian. Hầu như toàn bộ ngôi chùa đều được dán bằng mảnh sành, mảnh sứ với những đề tài chính là của nhà Phật như : tượng Bồ tát Di Lặc, Bồ tát Quán Thế Âm, chữ vạn, hoa sen ...

Điểm độc đáo ở đây là lòng kiên nhẫn của toàn thể chư Tăng Ni và Phật tử của chùa trong nhiều năm xây dựng vì phải chọn lựa, cắt dán những mảnh sành phế liệu thu mua từ nhiều nơi về theo những đề tài và những mảng màu sắc thích hợp. Số thống kê của chùa cho biết, từ năm 1961 đến năm 2004, chùa đã sử dụng hơn 30 tấn sành sứ phế liệu các loại với khoảng 20.000 ngày công lao động thực hiện gắn miếng sành trên diện tích 3.886m².

Nằm ở trung tâm quận 8 , thành phố Hồ Chí Minh chùa An Phú luôn thu hút du khách bởi kiến trúc độc đáo do được ốp bằng mảnh sành, mảnh sứ. Ngôi chùa này cũng đã được trung tâm sách kỷ lục Việt Nam xác nhận là ngôi chùa được tạo tác từ mảnh sành nhiều nhất Việt Nam. Đặc biệt hơn ngôi chùa này được tạo dựng nên nhờ sự kiên trì của Tăng ni Phật tử với ý nghĩa có những thứ bỏ đi, tưởng chừng vô dụng nhưng nếu biết tận dụng thì cũng trở lên hữu ích.

2.1.1. Lịch sử hình thành

Được xây dựng từ năm 1847 chùa An Phú đã tồn tại được hơn 170 năm , chùa thuộc hệ phái Bắc Tông do Hòa thượng Thích Thanh Đức sáng lập, đã trở qua 7 đời sư trụ trì, đời trụ trì thứ 6 là Ni sư Thích nữ Huệ Thông là cháu nhiều đời của Hòa Thượng Thích Thanh Đức nối tiếp sự nghiệp cuộc các bậc đi trrước. Trong thập niên 60 của thế kỷ 20 ngôi chùa xuống cấp trầm trọng, đổ nát, hầu như không có tín đồ đến chiêm bái, tiếp quản ngôi chùa là Hòa Thượng Thích Từ Bạch ở quận 6. Do là có tài thi phú làm thơ văn, hội họa Hòa Thượng đã tự mình viết sách bán cho các tỉnh miền tây để lấy tiền làm kinh phí gom góp mua đồ tái tạo chùa. Từ quá trình tu bổ chùa Hòa Thượng mới nảy sinh ý nghĩ về một ngôi chùa có kiến trúc độc đáo

Thượng tọa Thích Hiền Đức là đệ tử của Hòa Thượng Thích Từ Bạch và là trụ trì hiện nay của ngôi chùa chia sẻ:

“Trong quá trình xây dựng ngôi chùa Hòa thượng mới suy nghĩ là những mảnh chai, mảnh chén , bát là những thứ mà người ta vứt bỏ đi trong xã hội, khi di chuyển qua lại nếu không cẩn thận rất dễ bị thương. Cho nên Hòa thượng mới suy nghĩ làm sao để xây dựng xây dựng một ngôi chùa vừa mang tính lịch sử vừa mang giá trị nghệ thuật. Do đó Hòa thượng cho đạo chúng đi đến các bờ sông, rạch thu gom những mảnh chai, mảnh sành đã vỡ. Hòa thượng cũng gặp những người thu mua ve chai để trao đổi mua lại”.

Điều đặc biệt ở đây là toàn bộ việc gắn các mảnh sành chai, mảnh chai lên tường đều do các Tăng ni, Phật tử thực hiện chứ không phải do thợ chuyên nghiệp. Bước đầu ai chưa biết thì Hòa thượng sẽ hướng dẫn, các đề tài chính của nhà Phật như tượng Bồ tát Di lặc, Bồ tát Quan thế âm, chữ vạn, hoa sen... đều được các Tăng ni, Phật tử gắn từ những mảnh sành, mảnh chén đã vỡ một cách tỉ mỉ, tinh tế một cách rất khéo léo. Điều này cũng thể hiện sự kiên nhẫn miệt mài của Tăng ly, Phật tử khi họ miệt mài cắt ghép những mảnh sành phế liệu được thu mua từ nhiều nơi về từ năm này qua năm khác theo những mảng đề tài và màu sắc thích hợp. Chính cách làm dân dã này lại tạo ra sự khác biệt với các công trình sành sứ mang tính chuyên nghiệp.

Khác với việc cắt ghép những mảnh sành, mảnh chai trong các công trình kiến trúc ở miền Trung đặc biệt là lăng vua Khải Định ở Huế và nhiều những lăng tẩm khác mang một tầm cỡ quốc gia với phong cách của cung đình, vua chúa khác với đặc thù của ngôi chùa An phú này rất giản dị, đơn thuần đại diện cho tầng lớp bình dân trong xã hội cũng một phần phản ánh địa tính cách chung của con người Nam bộ. Điều đặc biệt hơn nữa là trong suốt quá trình sáng tạo và xây dựng chùa Hòa thượng không cho phép đập vỡ bất cứ chiếc bát, chén nào còn lành lặn, nguyên vẹn mà chỉ cho dùng các mảnh bát, bình hoa đã nứt mẻ, bỏ đi. Độc đáo hơn nữa là trong cách ghép mảnh sành mảnh bát vỡ hoàn toàn không dùng máy móc, hay các vật dụng mài dũa mà chỉ dùng với hai chiếc kim. Một chiếc dùng để cắt, một chiếc dùng để bấm gọt lại sao cho từng miếng không bị sắc cứa đứt tay, sau đó trộn một hợp chất kết dính theo tỷ lệ cứ một tô cát phải dùng đến năm tô xi măng, thay vì một tô xi măng với bốn tô cát như các công trình khác để chét lên bề mặt kiến trúc rồi ốp các miếng sành lên. Công việc tưởng chừng như đơn giản này thực ra lại rất công phu, vì nếu không kiên trì khéo léo thì không thể tạo ra các miếng hình khối có màu sắc và ý nghĩa trong nơi thờ tự tôn nghiêm này.

Thượng tọa Thích Hiền Đức chia sẻ: Tôi cũng có một ý niệm là mình phải đào tạo một thế hệ kế thừa, được khoảng có bốn, năm người nhưng họ thấy làm công việc này rất vất vả “ khi ngồi xuống thì không muốn đứng lên, đứng lên thì không muốn ngồi xuống”.

2.1.2. Kiến Trúc

Cổng Tam Quan

Cổng tam quan chùa An Phú được xây dựng lại vào năm 1989, gồm ba lối vào, tượng trưng cho “không quan, giả quan, trung quan” và còn có ý nghĩa của “tam giải thoát ân”, “tam pháp ân” (không, vô tướng, vô nguyện). Mỗi cổng đều có mai che, lợp ngói, các đầu đao gắn hoa văn trang trí, diềm mái lá đề màu xanh thẫm nổi bật bên cạnh hàng ngói đỏ. Trên cổng giữa khắc ba chữ Hán: “*An Phú tự*”, hai bên chạm hai câu đối có chữ đầu và chữ cuối hợp lại là “TỔ ĐÌNH AN PHÚ”:

“AN lạc quảng khai từ thiện đồng lai qui hướng TÔ,

PHÚ vĩnh phổ nhuận ngộ mê cộng hưởng tuệ vi ĐÌNH.”

Dịch là:

Chùa ở Việt Nam xưa kia không có cổng tam quan. Xưa kia ở miền Bắc, ngăn cách chùa và các khu vực chung quanh thường là những lũy tre. Sau đó trong quá trình trùng tu chùa, cổng tam quan được dựng lên.

Tam là bà, quan là cửa ải, cửa ô, điểm then chốt. Tam quan là tên gọi cổng vào chùa, có ba lối đi, gồm lối chính giữa, bên trái và bên phải. Từ ngữ Tam quan xuất phát từ “Lăng Nghiêm tam quan” và Hoàng Long tam quan”. Theo bộ Đại Chính tân tu, tam quan là ba câu hỏi của pháp sư Từ Vân Tuân Thức hỏi vị quan chú giải kinh Lăng Nghiêm. Vị quan không trả lời được, Ngài bèn ném bản thảo chú giải vào lửa. Từ đó có danh từ “Lăng Nghiêm tam quan”. Theo bộ Vạn Tục quyển 138, trang 326 thượng, Tông Môn Thống Yếu Tục tập II, (chương Hoàng Long Huệ Nam, Ngũ Đẳng Hội Nguyên -17, Nhân Thiên Nhân Mục 2) thì Hoàng Long tam quan là ba câu hỏi về Sanh Duyên, Phật thủ và lư cước, dùng để khai thị học tăng đến cầu pháp. Tam quan là cổng vào chùa được thiết kế ba lối vào, theo tinh thần giáo lý Phật giáo, tượng trưng cho không quan, giả quan, trung quan.

Không quan có ý nghĩa xét sự vật đều không có thật tính, thật tướng, mọi pháp vốn không. Thể hiện tư tưởng về tánh không trong Phật giáo.

Giả quan có ý nghĩa xét sự vật, chư pháp đều biến hóa, giả tạm, vô thường. Thể hiện quan điểm vô thường trong giáo lý Phật giáo.

Trung quan có ý nghĩa quán sự vật theo tư tưởng trung đạo trong giáo lý Phật giáo. Không thiên lệch về một cực nào, tả cũng như hữu. Sau này, cổng chùa còn được thiết kế có hai cổng vào gọi là nhị quan, hoặc năm cổng vào gọi là ngũ quan.

Như vậy, chúng ta thấy, theo nghĩa hẹp, trên đường đạo cũng như trên đường đời, thường con người phải đi qua nhiều cửa, nhiều ải. Nhưng chỉ có một con đường duy nhất đến với chân lý. Đối với Thiền tông, người tu không nên bám vào lời dạy của thầy, không nên bám vào văn tự kinh điển, vì nếu bám vào đây là bám vào ngón tay chỉ mặt trăng. Muốn thấy đạo, không thể chấp ngón tay chỉ mặt trăng là mặt trăng. Người theo Thiền tông phải biết nhận ra cái gì thầy muốn chỉ dạy ngoài câu nói, không nằm trong câu nói. Nếu cứ bám vào văn tự thì không thể đến với đạo được.

Sân trước chùa có nhiều công trình kiến trúc như : đài Di Lạc; đài Quan Âm; lầu Linh Sơn Thánh Mẫu; tháp Hòa thượng Thích Từ Bạch; cột phướn có hình chiếc thuyền rồng ghép sành, trên có tượng thầy trò Đường Tam Tạng đi thỉnh kinh; và hai hòn giả sơn lớn có đặt thờ nhiều vị Phật, Bồ tát, Hộ Pháp, Quan Thánh Đế Quân ...

Số thống kê của chùa cho biết, từ năm 1961 đến năm 2004, chùa đã sử dụng hơn 30 tấn sành sứ phế liệu các loại với khoảng 20.000 ngày công lao động thực hiện gắn miếng sành trên diện tích 3.886m².

Trung tâm Sách Kỷ lục Việt Nam đã xác lập kỷ lục vào ngày 30-11-2007: Chùa An Phú - Ngôi chùa được tạo tác bằng sành sành nhiều nhất Việt Nam.

Tuy cùng là công trình kiến trúc Phật giáo, có thể cùng cả hệ phái Bắc Tông nhưng chùa An Phú lại có không ít những điểm khác biệt từ cấu trúc, kiến trúc đến cách bài trí tượng thờ so với những ngôi chùa ở miền Bắc, miền Trung. Cấu trúc chùa là một trong những yếu tố làm nên vẻ đẹp của ngôi chùa cũng là một thành tố của kiến trúc tôn giáo

Trong khi chùa miền Bắc có cấu trúc được xây dựng theo mỗi hình Hán tự hoặc chữ Nho như: chùa chữ Đinh (Chùa Hà), chùa chữ Công (Chùa Keo), chùa chữ Tam (chùa Tây Phương) và chùa kiểu Nội Công Ngoại Quốc (chùa Dâu, chùa Trấn Quốc). Tuy nhiên cũng có chùa có kiến trúc đặc biệt, hiếm có như chùa Một Cột (một bông hoa sen) hoặc những ngôi chùa mới xây dựng được xem như một quần thể chùa (chùa Bái Đính). Thì chùa miền Nam cũng như chùa An Phú có cấu trúc đơn giản hơn. Chùa ở Sài Gòn, hệ phái Bắc Tông thường có cấu trúc đơn giản hơn mang nhiều yếu tố hiện đại hơn.

Chính điện

Ngôi chính điện là một bảo tháp hình chữ nhật, tượng trưng núi Tu Di, các tầng mái có các chim thần nâng đỡ. Điện Phật đặt trên lầu. Có bốn pho tượng đức Phật Thích Ca lớn đặt ở trung tâm quay về bốn mặt, cây bồ đề sau lưng đức Phật cũng tỏa bóng bốn bên. Chùa An Phú nổi tiếng là một công trình kiến trúc mang tính dân gian. Hầu như toàn bộ ngôi chùa đều được dán bằng mảnh sành, mảnh sứ với những đề tài chính là của nhà Phật như : tượng Bồ tát Di Lặc, Bồ tát Quán Thế Âm, chữ vạn, hoa sen ...

Chùa Miền Nam tôn thờ Đức Phật Thích Ca hoặc Đức Phật A Di Đà làm chủ đạo và thường thờ Tổ ngay trong không gian thờ Phật.

Có thể lý giải như sau: Phật giáo Tịnh Độ Tông tôn thờ Đức A Di Đà làm giáo chủ với cách tu Phật dễ nhất, chỉ cần niệm nhiều lần tên A Di Đà Phật diệt trừ tham, sân, si là có thể được tiếp dẫn về thế giới Cực lạc của Phật

Còn Đức Phật Thích Ca là Giáo chủ cõi Ta bà (đau khổ) – là thế giới mà chúng ta đang sống. Ngài giới thiệu Nhân địa và Công hạnh của đức Phật A Di Đà ở cõi Tây phương Cực lạc cho chúng sanh cõi Ta bà được biết, để niệm danh hiệu Ngài mà cầu sanh về cõi đó.

Với con người Nam Bộ lao động lo cho hiện thực cuộc sống thì Phương pháp niệm “A Di Đà Phật” này là cách hiệu quả nhất để theo Phật.

Một số ngôi chùa Nam Tông chỉ tôn đức Thích Ca trên Phật điện và các vị A la hán dưới hình dạng người Ấn Độ. Những ngôi chùa Nam Bộ là những không gian phong phú gây lên ấn tượng thiêng liêng về Phật cứu độ chúng sinh, về luân hồi chuyển kiếp, về ở hiền gặp lành.

Phật Thích Ca lớn ngồi thiền giới gốc cây bồ đề cách bài trí không chỉ riêng chùa An Phú mà còn là của các tỉnh miền nam. Hình tượng cây bồ đề mang những ý nghĩa thiêng liêng của nó. Cây Bồ đề có tên khoa học là *Ficus religiosa*. Theo các điển tịch về Phật giáo, cây Bồ đề đã đóng một vai trò quan trọng trong cuộc đời của Đức Phật. Đức Phật đã ngồi thiền định dưới gốc cây bồ-đề và từng bước giác ngộ được các giáo lý của Phật giáo. Sau khi giác ngộ, Đức Phật đã đi khắp châu Á để dạy mọi người cũng như theo đạo Phật. Chính vì vậy, cây bồ-đề được trồng khắp nơi trên thế giới và tượng trưng cho may mắn. Trước khi Phật giáo xuất hiện, cây Bồ đề được coi là một loài cây thiêng liêng và người dân lưu truyền rất nhiều truyền thuyết về nó. Loài cây này tượng trưng cho học vấn, khả năng sinh sản, giác ngộ, và bảo vệ. Cây Bồ đề đã đóng một vai trò quan trọng trong nhiều nghi lễ tôn giáo và

vẫn được trồng ở một số nơi trên thế giới để mang lại may mắn và hạnh phúc, an lạc

Chùa còn được nhiều hãng truyền hình, báo chí, các công ty du lịch trong nước và nước ngoài giới thiệu về cặp nến lớn nhất Việt Nam. Cặp nến (đèn cầy, đèn sáp) đặt ở điện Phật nặng hơn 1.800kg, cao 3,4m, trên thân được chạm trổ hình rồng uốn quanh từ chân đến đỉnh, dưới đế khắc hình 5 con rồng nhỏ rất đẹp, gọi là "Ngũ Long Châu Đẳng" là cặp nến lớn và nặng nhất Việt Nam. Sau đó, chùa tiếp tục thực hiện cặp nến chạm rồng có trọng lượng 2.100kg, cao 3,83m và chính thức phá kỷ lục so với cặp nến trước đó.

Theo ông Nguyễn Văn Hưng, để thực hiện cặp nến khổng lồ thì phải mua ít nhất hơn 2 tấn sáp, và thực hiện các công đoạn trong vòng 1 tháng. Chi phí để làm ra cặp nến khoảng 150 triệu đồng. "Trước tôi làm thợ mộc, sau này có duyên nên chuyên qua làm đèn cầy và gắn bó gần 20 năm nay. Mỗi nghề có 1 khó khăn riêng, làm đèn cầy đòi hỏi khéo léo, cẩn thận vì chất liệu mềm nên dễ sứt mẻ".

Đây là một trong những ngôi chùa cổ ở thành phố. Chùa do Hòa thượng Thích Thanh Đức sáng lập, đã trải qua 6 đời trụ trì. Hòa thượng Thích Từ Bạch đã tổ chức trùng tu chùa từ năm 1960 đến năm 1993. Hòa thượng Thích Từ Bạch sinh năm 1926, thuộc dòng Lâm Tế Chánh tông đời thứ 41. Ngài xuất gia từ lúc 6 tuổi. Qua 60 năm tu học và hành đạo, ngài là một vị cao tăng đã cống hiến nhiều trong công cuộc hoằng pháp và vận động thống nhất Giáo hội.

Trung tâm Sách Kỷ lục Việt Nam đã xác lập kỷ lục vào ngày 02-02-2005 cho Thượng tọa Thích Hiền Chơn, Phó Trụ trì chùa An Phú là Kỷ lục gia thực hiện cặp nến cao và nặng nhất Việt Nam.

18 vị La Hán chùa An Phú được đặt dọc hai bên hành lang chính điện. Bộ lớn đặt trên, bộ nhỏ đặt dưới, trên bàn thờ nhị cấp (hai tầng). Mỗi bên hành lang đặt chín vị lớn và chín vị nhỏ. "Bộ nhỏ cao 50cm, ngang giữa hai gối 32cm, đặt trên bệ cao bảy cm, được tạo tác vào giữa thế kỷ XVIII, từ khi lập chùa. Bộ lớn cao 80cm, ngang giữa hai gối 45cm, bệ cao 15cm, được tạo tác vào đầu thế kỷ XIX, trong lần trùng tu lần thứ nhất của chùa. Cả hai bộ tượng đều được tạc bằng gỗ mít nài." Bộ tượng La Hán nhỏ, nhiều đường nét tạo tác thể hiện sự ảnh hưởng của mỹ thuật Phật giáo Trung Quốc. Bộ tượng La Hán lớn, những đặc điểm ảnh hưởng của mỹ thuật Phật giáo Trung Quốc đã giảm hẳn. Tượng La Hán chùa An Phú, mỗi vị một tư thế: có vị tay cầm cây như ý, có vị nâng tháp bốn tầng, có vị cầm bình hồ lô, có vị ngồi ngoáy tai, có vị ngồi tư thế "tay xé ngực chỉ Phật tại tâm".

Bộ tượng La Hán chùa An Phú có một giá trị lịch sử lớn. Là hiện vật trong ngôi cổ tự lâu đời nhất thành phố nên tượng La Hán chùa An Phú cũng cao tuổi hơn so với các tượng La Hán khác. Bộ tượng còn chứng minh cho quá trình phát triển của Phật giáo ở Nam Bộ, từ những ảnh hưởng nặng nề của Phật giáo Trung Quốc, đã dần dần xác lập được một dòng mới, mang đặc điểm dân tộc và hoàn toàn của người Việt.

Nhà Trai

Nơi đây đặt hai dãy bàn theo chiều dọc thờ Phật tử quá vãng, có ảnh và bài vị. Ngoài ra, tại đây còn đặt ba dãy bàn dài dùng tiếp khách, đãi ăn vào các ngày lễ lớn, bàn cho chư Tăng dùng cơm mỗi ngày. Đầu bàn chư Tăng thọ thực là bàn thờ Chuẩn Đề.

Nhà Giảng

Tiếp nối nhà trai, cách một sân Thiên Tĩnh, là nơi học tập của các Tăng sĩ.

Nhà thờ Tổ

Sau điện Phật là Tổ Sư đường thờ Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma mang một chiếc dép đây là nét chung của không riêng gì các phía Nam mà là còn là nét chung của các chùa theo phái Bắc Tông.

Bồ Đề Đạt Ma, tiếng Phạn là Bodhidharma, là vị tổ thứ 28 của Phật giáo Ấn Độ, nhưng lại là vị tổ đầu tiên khai sáng Thiền tông ở Trung Quốc. Ông thuộc dòng Sát Đế Lợi, một dòng dõi quý tộc ở Nam Ấn Độ. Sau khi cha mất, ông xin xuất gia với tổ Bát Nhã Đa La (Prajnadhara), học phép Thiền định (Dhyana). Ông sang Trung Quốc vào năm 520, ghé Quảng Châu, sang Lạc Dương, trụ tại chùa Thiếu Lâm, núi Tung Sơn, tỉnh Hà Nam, phát triển Thiền tông. Ở đó ông tu phép tham thiền, ngồi yên lặng, quay mặt vào vách suốt chín năm liền. Con đường đạo học phát triển nên lập ra phái Thiền tông của Trung Hoa. Từ đó ông trở thành vị tổ thứ nhất (sơ tổ) của tông phái này. Ở Trung Quốc gần chín năm, ông thị tịch vào năm 529, nhập tháp tại chùa Định Lâm, trên núi Hùng Nhĩ.

Sau vua Hậu Ngụy sai Tống Vân đi sứ Ấn Độ về, gặp Bồ Đề Đạt Ma tại núi Thông Lĩnh, thấy tay xách một chiếc dép, một mình đi nhanh như bay. Tống Vân hỏi thì Bồ Đề Đạt Ma cho biết về Ấn Độ. Trở về, Tống Vân tâu lại vua Hiếu Trang đế. Vua ra lệnh mở nắp quan tài, quả nhiên quan tài không, chỉ còn một chiếc dép. Vua cho đưa dép về chùa Thiếu Lâm thờ tự. Đến năm 728 đời Đường, môn đồ dùi dép về thờ tại chùa Hoa Nghiêm.

Vào thế kỷ XVII, Phật giáo Đại thừa Trung Quốc có tác động mạnh mẽ đến xứ Đàng Trong qua sự truyền bá trực tiếp của các Thiền sư Trung Quốc, mang phái Thiền Lâm Tế vào Đàng Trong. Hình thức tín ngưỡng tôn thờ các vị tổ, đặc biệt là vị sơ tổ sáng lập ra dòng Thiền, càng được đặc biệt tôn kính. Chính vì vậy, hầu hết các chùa ở Nam Bộ, dù là ngôi chùa cổ hay mới vừa được xây dựng gần đây, trên bàn thờ tổ, thường đặt tượng Bồ Đề Đạt Ma để ngưỡng vọng.

Phía sau cùng là bàn thờ tượng đức Đa Bảo Như Lai bằng đồng. Tầng dưới cũng đặt thờ bốn pho tượng đức Phật Thích Ca như tầng trên, hai bên có tượng Bồ tát Quán Thế Âm và Bồ tát Địa Tạng, tiếp sau là sân lễ và tháp Dược Sư, sau cùng là bàn thờ Hòa thượng Thích Từ Bạch – là người có công lao lớn trong việc xây dựng và phát triển chùa An Phú như ngày nay

2.1.3. Các tác phẩm nghệ thuật trong chùa An Phú

- ***Hoành phi***

Chùa có tất cả 19 bức hoành phi. Hầu hết các bức hoành này đều được các nơi (chùa, Hòa thượng, Phật tử, các quan chức trong vùng,...) gửi đến biếu cúng nhân dịp chùa có trai đàn, cúng lễ lớn, đặc biệt là các lễ lạc thành sau hai đợt trùng tu. Một vài bức hoành phi tiêu biểu là “Đạo Mạch Trường Hưng”, “Bồ Đề Thọ Trường”, “Tả Phát Vi Chân”, “Tổ Ấn Trùng Quang”, “Hữu Vệ Vi Chính”, “Cảnh

Tự Trường Xuân”, “Phật Pháp Trường Hưng”, “Đạo Tràn Vĩnh Thịnh”, “Vĩnh Thụy Đức Trạch”,...

Phần lớn các bức hoành phi có niên đại sớm nên mang phong cách Trung Quốc rất đậm; điều này thể hiện qua tên gọi, chữ viết, hoa văn,...; đa số các chữ, cả chính và phụ, đều bằng chữ Hán, lối viết từ phải sang trái, từ trên xuống dưới; hoa văn thể hiện bửu bối trong bát bửu còn nói lên sự phối hợp, ảnh hưởng của Đạo giáo với Phật giáo. Một số ít hoành phi có niên đại muộn đã có sự phá vỡ phong cách cũ, trong nội dung đã đưa vào một ít chữ Việt, năm tháng tạo tác,... Như vậy, toàn bộ các bức hoành đều có giá trị lịch sử, góp phần vào việc chứng minh cho sự mờ dần của ảnh hưởng Trung Quốc trong các hiện vật, trong tư tưởng người biểu cúng. Mặt khác, các bức hoành còn có giá trị văn hóa, nói lên tính “Tam giáo đồng nguyên” (Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo) của giai đoạn từ thế kỷ XVIII đến nay và đặc biệt là tính chất dung hợp cao của Phật giáo ở Việt Nam cũng như Nam Bộ

- ***Bao lam***

Bao lam (cửa võng), các tác phẩm điêu khắc gỗ độc nhất vô nhị. Chùa có 58 bao lam lớn nhỏ, đáng kể nhất là bao lam Bách Điều, nghệ nhân đã khéo léo sắp xếp tới gần 100 con chim lớn nhỏ. Ngoài những chim thường gặp trong các đình chùa khác như loan, phụng, công, trĩ... người ta còn thấy đông đủ các loài chim quen thuộc trong sân vườn, đồng ruộng của miền Nam như: cò, chim sẻ, chào mào, họa mi, chích chòe, bói cá, le le,... với đủ mọi tư thế sinh động trong không khí náo nhiệt của loài chim: con bay, con đậu, con đang tranh mồi, đang nô đùa, có những con lại đang tỏ tình âu yếm... Bộ bao lam này có thể nói là hiếm gặp ở Nam Bộ, nghệ thuật trang trí ở đây làm cho người xem cảm giác đang sống trong đời thực với những chi tiết cụ thể, gần gũi với đời sống nông thôn, biểu lộ óc quan sát tinh tế và tình yêu thiên nhiên của các nghệ nhân.

Tám bao làm Thập bát La Hán cũng rất đặc biệt. Các đám mây được tạc làm nền gắn các tượng La Hán lại, mỗi bên bao lam có 9 vị; mỗi vị cưỡi một con vật như: bò, dê, nai, heo, chó, hươu, đến rồng, lân, báo, cọp, mèo; với tư thế ngồi, chân co, chân duỗi khác nhau; tay mỗi vị cầm một vật tượng trưng cho tính cách của mình: chày, thẻ bài, vòng kim cô, đĩa trái cây, có vị lại ngồi ngoáy ráy tai cười vui vẻ... Tám bao lam này đã thể hiện phong cách nghệ thuật mới, độc đáo, đặc sắc và đầy sáng tạo, đó là ngoài việc để thờ phụng, các vị La Hán đã được các nghệ nhân đưa lên bao lam để trang trí. Tám bao lam này mang lại nét vui tươi cho người xem qua gương mặt các vị La Hán hiền hòa, phúc hậu vui tính... không thể tìm thấy được nét ưu tư, khắc khổ, phiền não như các vị La Hán ở những chùa phía Bắc. Điều này nói lên được tính phóng khoáng cộng với sự sung túc, no đủ của cư dân vùng đất mới. Các con vật cưỡi và phong cách của các vị La Hán đã mang lại cho Phật giáo một tính cách dân dã, bình dị. Còn nhiều bao lam nổi tiếng với kỹ thuật chạm khắc công phu như: Tô Vũ chăn dê, Lã Vọng câu cá, Khi bắt chim, Ngư tiều canh mực..., đặc biệt là bao lam Hoa điều tại nhà Trai gồm có 3 bức tượng chạm lõng cả hai mặt với đề tài chim muông cây cảnh và các loại hoa trái được khắc họa khéo léo, tài tình. Người xem có thể thấy được những sợi lông đuôi chim và các lá cây bay nghiêng theo chiều gió, những cành tre nhỏ xíu thể hiện được cả đường gân, gai, đốt mà khi nhìn vào ta có thể thấy được là tre già hay non, các loại trái cây đang mùa chín rộ, cành cây nặng trĩu xuống... Nhìn chung các đề tài của bao lam chùa An Phú có phân theo công thức cổ nhưng họa tiết, cả về hình dáng và nội tâm, thì lại là của những người dân ở vùng đất mới phương Nam. Sự phá bỏ công thức này đã thể hiện rõ nhất ở chỗ nghệ nhân không chỉ để các vị thần cưỡi các linh vật như long, lân, quy, phụng... mà cả trâu, bò, dê, heo... thậm chí cả những chú chó nghịch ngợm. Quả là Phật ở đây không chỉ gọi là dân gian hóa mà có thể được gọi là “Nam Bộ hóa”, chất Nam Bộ ở đây thể hiện rất rõ nét trong hầu hết các bao lam của chùa An Phú.

- ***Liễn đôi***

Liễn đôi - Câu đối nhà Phật được sử dụng trong việc để xây dựng chùa, tịnh xá, thiền viện, tịnh thất, niệm Phật đường, rất nhiều nơi như: cổng tam quan, chánh điện, tháp tổ, vv...

Chùa có tất cả 86 câu đối. Cầu mong cho “lợi lạc quần sinh”, “phong điều vũ thuận”, “quốc thái dân an”,... là chủ đề chính trong các câu đối ở chùa An Phú. Điều này góp phần đem lại cho các câu đối một giá trị lịch sử to lớn. Đó là mối quan hệ gắn bó giữa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian bản địa (thờ cúng Thần Nông, cầu mong mưa thuận gió hòa,...). Về giá trị văn hóa, các câu đối cũng thể hiện mối quan hệ, sự kết hợp của tư tưởng Phật giáo và Nho giáo. Trong chùa An Phú có những cặp liễn đôi có thể kể tới như sau:

1. Sắc tướng vốn không, nương cảnh huyễn độ người mê muội;

Tử sanh nào có, mượn thuyên từ với kẻ trầm luân.

2 . Một chút giận, hai chút tham, lặn độn cả đời ri cũng khổ;

Trăm điều lành, ngàn điều nhịn, thông dong tác dạ rứa mà vui.

3. Tánh lặng đất trời chung một cõi;

Tâm không trăng gió trải muôn phương.

4. Biển ái lập bằng, Tịnh độ đi về đâu mấy chốc;

Sông mê tát cạn, Niết bàn an trú vốn không xa.

5. Ngộ thấu nguồn chơn, tâm danh lợi trôi theo dòng nước;

Rõ cùng lý đạo, niệm thị phi bay lẫn chòm mây.

6. Cảnh Phật trang nghiêm, mỡ sớm gõ tan hồn mộng ảo;

Cửa thiền thanh tịnh, chuông chùa ngân vọng tiếng từ bi.

- ***Pháp khí***

Pháp khí là những dụng cụ dùng để thực hành các loại pháp sự, để dâng cúng lên chư Phật hoặc các đạo tràng nghiêm trang, hoặc làm dụng cụ trợ ích trong tu tập. Pháp phục là những y cụ cần thiết cho tu sĩ. Nghi Lễ trong đạo Phật có rất nhiều pháp khí như: Chuông, trống, bảng, khánh, tràng hạt, bình bát, cà sa, tích trượng v.v... mỗi thứ đều có một công dụng và ý nghĩa khác nhau. Một trong những tác phẩm mỹ thuật Phật giáo có đóng góp giá trị vào di tích lịch sử - văn hóa chùa An Phú ngày nay chính là những pháp khí. Từ những phương tiện dùng để sử dụng trong nghi lễ, các pháp khí đã trở thành những dấu ấn về sinh hoạt Phật giáo tại vùng đất Gia Định xưa. Có nhiều loại và mỗi loại còn có nhiều hình dáng, chất liệu khác nhau, góp phần mang lại nét mới mẻ, sinh động cho văn hoá Phật giáo ở Gia Định, góp phần làm rõ thêm tính lịch sử, tính dân tộc, tính địa phương. Một số pháp khí ta có thể dễ thấy khi bước chân vào chùa An Phú như:

Đại hồng chung:

Xuất xứ: Theo như trong kinh Tăng nhất a hàm có chép: Mỗi khi nghe tiếng chuông ngân lên, thì các hình phạt trong các ác đạo tạm thời dừng nghỉ, chúng sanh nào đang chịu những hình phạt ấy cũng được tạm thời an vui. Nghe được tiếng chuông là phiền não nhẹ vui đi.

Theo kinh Tăng A Hàm, quyển 24 Đức Phật bảo ngài A Nan: “hãy đánh chuông lên để tập họp chúng, nhân ngày rằm tháng 7”. Vậy chuông là một pháp khí để tập họp Tăng Chúng và thức tỉnh Chúng Sinh đã có từ thời Phật tại thế.

Chuông chùa An Phú được đúc bằng đồng xanh pha ít sắt. Cao khoảng 1.50m, đường kính khoảng 6 tấc. Được trong lâu chuông, mục đích thỉnh chuông là để chiêu tập đại chúng hoặc báo thời sớm tối. Người Việt Nam thường dùng từ “Đại

hồng chung” chỉ cho loại chuông thật lớn, gần như không còn có quy định, có nơi được tính theo tiếng ngân dài của chuông.

Chuông báo chuông:

Cũng còn gọi là Hoán chung, Tiểu chung, Bán chung, kích thước bằng $\frac{1}{2}$, hình dáng giống như Hồng Chung, thường để một góc trong chánh điện của chùa, được treo trên giá và di chuyển dễ dàng, Chuông này cũng gọi là chuông Tăng đường, tức là chuông nhỏ, chỉ một người xách lên được. Hình thái cũng như chuông U minh, được treo ở trai đường, dùng để báo tin trong lúc họp chư Tăng biết vào những lúc: Nhóm chuông, thọ trai, giờ chấp tác, giờ bái sám trong các tự viện, báo hiệu cho quý vị Tăng Chúng biết sắp đến giờ hành lễ và xử dụng trong các buổi pháp hội...

Chuông gia trì:

Chuông xử dụng chung với mõ để tụng kinh, hành lễ hằng ngày trước bàn Phật của Chùa. Hình dáng như $\frac{1}{2}$ quả cầu hay một cái tô để ngửa. Loại chuông này dùng để đánh lên trong lúc tụng kinh bái sám. Tiếng chuông gia trì được xử dụng trước khi tụng kinh hay báo hiệu sắp hết đoạn kinh đang tụng hay câu niệm Phật. Cũng thường đánh lên khi lạy Phật một mình. Còn khi đông người thì để báo hiệu cùng lạy cho nhịp nhàng. Chuông gia trì có đủ ba loại lớn, vừa và nhỏ. Chuông vừa và nhỏ thì thường thường Phật tử tại gia dùng nhiều hơn và cũng dùng như chư Tăng.

Trống:

Khi bước chân vào chánh điện chùa An Phú chúng ta sẽ thấy trống Bát Nhã rất lớn bên trái chánh điện.

Xuất xứ: Trong kinh Kim Quang Minh có chép: Một hôm người Tín trưởng Bồ tát nằm mộng thấy một cái trống bằng vàng. Trống ấy có chiếu ra hào quang sáng rực như mặt trời. Trong hào quang có rất nhiều đức Phật đang ngồi trên tòa sen lưu ly đặt dưới những gốc cây quý. Chung quanh các đức Phật đều có trăm nghìn ức vị đại đệ tử đang ngồi nghe pháp. Lúc ấy có một đạo sĩ Bà la môn đang cầm dùi trống đánh mạnh vào chiếc trống vàng, tiếng trống vang rền nghe như lời kinh sám hối. Khi đã tỉnh mộng, ngài Tín trưởng Bồ tát liền đem những điều ấy mà mình đã thấy nghe trình lên đức Thế tôn."

Trong kinh Lăng nghiêm cũng có chép:

Đức Phật dạy:

- Nay A Nan, người hãy nghe tiếng trống mỗi khi dọn cơm xong, nghe tiếng chuông mỗi khi nhóm họp đại chúng trong tinh xá Kỳ đà hoàn này. Tiếng trống hoặc tiếng chuông ấy trước sau nối tiếp nhau. Vậy, theo ý ông, mỗi khi ông nghe được các thứ tiếng ấy là vì nó tự bay đến bên tai ông, hay tai ông đến nơi chỗ phát tiếng ấy?". (Đây là lúc đức Phật chỉ cái Tâm cho ngài A Nan)

Trống nhỏ (trống kinh): Nằm bên trái phía dưới trống Bát Nhã trong chùa. Dùng để đánh mỗi khi tụng kinh nên cũng được gọi là trống kinh (tiếng bình dân thường gọi là trống cơm). Ngoài việc dùng để tụng kinh hằng ngày vào hai thời công phu khuya và chiều trong các tự viện, trống tiêu còn dùng để hòa âm trong cỗ nhạc Phật giáo và cỗ nhạc Việt nam. Trống tiêu thì khó đánh hơn trống lớn. Bài học để xử dụng cho trống tiêu rất nhiều, phức tạp và khó học. Có rất nhiều thể điệu khác nhau như là thể điệu thiên khi tụng kinh, thể điệu ai khi dùng vào đám táng, chầu tế cô hồn, ... Nếu không học thì không thể xử dụng...; mới trông qua giống cái trống Cơm, nhưng hơi khác : tiếng dòn và trong hơn, cái dùi đánh trống gọi là roi trống

Mỡ:

Trong chùa An Phú mỡ được đặt bên phải ngay dưới pho tượng Thích ca tại Chánh điện. Xuất xứ: Trong bộ sách Sắc tu Thanh quy Pháp khí về chương mộc ngư có chép rằng:

Lời Tương truyền: Loài cá luôn thức không bao giờ ngủ và rất hoạt động. Vì vậy khi tạo loại pháp khí này thì mỡ được chạm trở theo hình con cá với thâm ý là muốn thức tỉnh con người cũng như chúng hữu tình đang còn trong mê muội, u trầm.

Trong sách Chính ngôn đời nhà Đường thì chép: Có một người bạch y đến hỏi một vị Trưởng lão ở Thiên trúc rằng: Tại sao các Tăng xá đều có treo mỡ?

Vị trưởng lão trả lời:

- Vì để cảnh tỉnh chúng Tăng tại Tăng xá hay tự viện ấy.

Người bạch y hỏi tiếp:

Nhưng tại sao lại tạc hình con cá?

Vị Trưởng lão không trả lời được. Người bạch y lại hỏi ngài Hộ Biện và được ngài giải thích rằng:

Loài cá là loài không bao giờ nhắm mắt và thích hoạt động. Cũng vì muốn cho người tu hành ngày đêm quên ngủ, gắng công tu tập, mau chứng đạo quả nên treo và đánh mỡ và cái mỡ được tạc hình con cá vậy.

Bảng và Khánh:

Được treo phía trước nhà Tổ chùa An Phú. Xuất xứ: Bảng và Khánh là một trong những thứ pháp khí của nhà Phật. Hai loại này được thường dùng trong ngày

ở các chùa, viện. Từ xưa đến nay đều dùng làm hiệu lệnh như báo tin giờ học, tụng kinh, thọ trai, chấp tác của chư Tăng.

Tích trượng:

Được mang nhiều tên khác nhau như: Thanh Trượng, Minh Trượng, Trí Trượng, Đức Trượng...là một cây gậy, ở đầu gậy có những vòng thiếc, khi rung phát ra tiếng.

Xuất xứ: Theo kinh Tích trượng có chép: Nay các Tỳ Kheo, các người nên thọ trì tích trượng, vì rằng tích trượng là một pháp khí mà ở đời các Như Lai đã có thọ trì.

Ý nghĩa: Tiếng Phạn gọi là Khiết khí la. Tàu dịch là Tích trượng, tức là cái gậy của các vị Tỳ kheo dùng để đi đường hay đi khất thực.

Tích trượng còn có tên là Đức trượng, nghĩa là chiếc gậy trí tuệ và đức độ này mà người xuất gia học đạo giải thoát được vững tiến và hướng đến quả vị giải thoát. Trong kinh Tích trượng có chép:

Ngài Ca Diếp bạch Phật:

Bạch đức Thế Tôn, thế nào gọi là tích trượng? Đức Phật dạy các ý nghĩa sau đây:

- Tích có nghĩa là Khinh, có nghĩa là nhờ chiếc gậy đức hạnh và trí tuệ này mà phiền não được nhẹ đi và sớm ra khỏi cảnh sanh tử luân hồi.

- Tích cũng có nghĩa là Minh, nghĩa là được trí huệ sáng suốt, là hết khổ não.

Đường kính của chiếc tích trượng thì vừa đủ cho vòng tay của người sử dụng. Cũng còn được gọi với những tên: Thịnh trượng hay Minh trượng. Vì, trong khi đến nhà ai, vị sa môn cần gõ tích trượng xuống đất để người trong nhà biết. Trên

đầu tích trượng có bốn cái gọng và 12 cái vòng. Đó là biểu tượng cho tứ diệu đế và thập nhị nhơn duyên., buộc các tỳ kheo luôn luôn phải nhớ nghĩ, luôn luôn phải thực hành. Ngoài ra còn có loại tích trượng trên đầu chỉ có hai cái vòng và sáu cái khâu, thì nó tượng trưng cho chơn đế, tục đế và lục độ. Tích trượng này do đức Phật Ca Diếp chế ra. Tất cả hai loại tích trượng ấy đều không cao quá đầu người . Trong chùa An Phú có hai cây tích trượng của Thượng tọa trụ trì được trưng trong nhà tổ và chỉ được sử dụng trong các ngày lễ lớn

Pháp loa:

Được trưng bày trong tủ kính đặt tại nhà thờ tổ tại chùa An Phú. Thường gọi là Tù Và làm bằng loại vỏ ốc lớn, phiên âm từ tiếng Phạn là Thương Khu dịch nghĩa là Kha Bối (vỏ con Kha nói tắt của chữ Sankha) tức là vỏ ốc, vỏ sò. Tiếng thổi vào vỏ ốc vang đi rất xa, lấy đó để ví với tiếng thuyết pháp của Đức Phật vang xa bao trùm khắp đại chúng, tiếng thổi vỏ ốc nghe mạnh mẽ, biểu hiệu sự hùng mạnh của đại pháp. Thế tục dùng vỏ ốc thổi làm hiệu lệnh ba quân, cũng ví như lời thuyết pháp của Đức Phật có sức mạnh hàng phục ma quỷ. Còn như nghi thức thổi vỏ ốc trong Phật sự; Theo Mật Tông giải thích: vỏ ốc có hình Tam Muội Da của Đức Vô Lượng Âm Phật Đỉnh Tôn là chẵn mực pháp âm của Đức Phật, nghe tiếng thổi vào vỏ ốc thì Thiên Thần, Chư Thiên đều hoan hỉ mà hưởng ứng, người thổi tục nghe tiếng ốc thì diệt trừ được các tội chướng. Do đó trong hình Đức Phật Quan Âm nghìn cánh tay, có một tay cầm Pháp Loa.

- ***Lư hương.***

Lư Hương là khí cụ dùng để thắp hương xông hương cúng Phật, ngày nay lư hương được sử dụng phổ biến trong tục thờ cúng gia tiên để tạo ra mùi hương trầm thơm, bởi theo quan niệm từ xưa thì hương thơm thể hiện lòng thành, sự thanh khiết cao quý. Chính vì thế, lư hương với những khói trầm tỏa ra có tác dụng thanh

lọc khí vô cùng hiệu quả, không những hoá giải được hung khí mà còn tăng thêm cát khí, đem lại cảm giác nhẹ nhàng, bình an...

“Các lư hương trong chùa (33 cái) thuộc loại lớn, trung và nhỏ, đều bằng đồng và mặt trước lư có khắc nổi ba chữ Hán: “An Phú tự”, mặt sau có ba chữ: “An Phú tự”.

- **Bàn thờ.**

“Trong chùa có tất cả 45 bàn thờ, đa số đều được tạo tác tại chùa, vào đầu thế kỷ XX, được làm bằng cây gỗ (bàn Phật) và cây thau lau (bàn vong). Trừ một số ít bàn vong không chạm khắc hoa văn, tất cả các bàn thờ khác đều có bao lam.

Các bàn thờ này là những hiện vật quý, có giá trị về mặt lịch sử, cung cấp cho nhà nghiên cứu nhiều loại hiện vật phong phú về kiểu dáng chạm khắc

2.1.4. Lễ hội Phật giáo được tổ chức tại chùa An Phú

Theo tinh thần của giáo lý Phật giáo, đạo Phật là đạo của sự giải thoát. Thực hành những điều trong giáo lý đề cập chính là đem lại niềm vui cho mọi người và giúp mọi người hết khổ. Chính vì vậy, trong Phật giáo bao gồm nhiều nghi lễ, nhưng hai nghi lễ quan trọng nhất chính là nghi lễ cầu an và cầu siêu.

Tương ứng với hai nghi lễ này, trong năm Phật giáo tổ chức một số lễ hội quan trọng. Nhưng trước kia, nghi lễ cầu an và cầu siêu được tiến hành đơn giản tại chùa. Tình trạng cúng lễ đơn giản ấy kéo dài cho đến đầu thế kỷ XIX. Bắt đầu cho các lễ hội Phật giáo lớn ở Gia Định đầu thế kỷ XIX có lẽ là các trường hương. Lễ hội kéo dài suốt ba tháng mùa hạ, tập hợp tăng sĩ đến tu học tại chùa. Gia Định thành thông chí đã ghi nhận vào năm 1918, giới đàn đã được mở rộng tại chùa Giác Lâm, thiện nam tín nữ đến quy y rất đông. Ngoài các lễ hội quy tụ nhiều tăng sĩ Phật tử như Trường Hương, Trường Kỳ, tại các chùa, đặc biệt là tại các tổ đình

của dòng phái, còn có lễ kỵ giỗ tổ, lễ xá tội vong nhân vào dịp Trung nguyên, Lễ cúng rằm tháng giêng, lễ cúng rằm tháng mười... là những lễ hội chính bên cạnh ngày Đản sinh của Đức Phật vào rằm tháng 4 âm lịch.

Nếu như mức độ và tính chất văn hóa trong các lễ này có phạm vi rộng, thu hút nhiều người, nhiều chùa thì còn có những buổi lễ có số người tham dự tuy không ít, nhưng không diễn ra thường xuyên, như lễ Trà tỷ, lễ Tảo tháp, lễ cung nghinh xá lợi Phật

- *Lễ thượng nguyên:*

Tết Nguyên Tiêu (Rằm Tháng Giêng) là ngày lễ hội cổ truyền tại Trung Quốc và là tết Thượng Nguyên tại Việt Nam. Lễ hội trăng rằm từ giữa đêm 14 (đêm trước trăng rằm) trọn ngày 15 (ngày rằm) cho đến nửa đêm 15 (đêm trăng rằm) của tháng giêng Âm lịch. Những ngày này Phật tử xa gần hành hương đến chùa An Phú rất đông.

Ý nghĩa giá trị thiêng liêng của Buổi lễ Thượng Nguyên và tâm nguyện cầu an đầu năm:

Ngày đầu năm, Phật tử cùng nhân dân khi lên chùa lễ Phật hay có suy nghĩ cần cúng sao, giải hạn, mong giải được oan kết từ nhiều đời của mình, mong mỗi được sự bình an trọn vẹn cả năm nhưng cần phải kiểm tra lại xem việc nào đúng với chánh pháp, thực sự đem lại cho chúng ta bình an, chúng ta cần suy nghĩ cho kỹ. Nhiều người nghĩ năm nay mình sao Thái Bạch, sao La Hầu, sao Kế Đô và cho là sao xấu, tâm bất an nên trí tuệ không phát huy được. Vấn đề sao hạn trong giáo hội Phật giáo được nhắc nhở rất nhiều vì đây không phải là chuẩn mực. Trong ngày Rằm tháng Giêng cũng là ngày mà người Phật tử về chùa lễ Phật, sám hối, phát nguyện, nỗ lực tinh tấn tu tập mong trọn vẹn năm ấy được phúc lành nhưng khi quý Phật tử phát nguyện, hồi hướng thì cần phải có ấn tượng sâu sắc với những lời

đó, nhờ vậy sẽ giúp cho trong một năm hoàn thiện mình, xây dựng phúc đức để cả năm gặt hái quả lành, đây là điều các Phật tử nên lưu tâm. Người đệ tử Phật muốn cầu an lạc giải thoát không gì bằng gieo phúc lành cho mình và mọi người. Chùa An Phú cũng như các ngôi chùa khác thường tụng kinh Dược Sư, kinh Vạn Phật nhằm mục tiêu tiêu giảm nghiệp chướng, tiêu tai tật bệnh... và khuyên các Phật tử cùng tụng niệm và hồi hướng công đức để thế giới được an lành. Khi Phật tử vào chùa sẽ được các quý sư tặng những bao lì xì nhỏ và những lời chúc may mắn.

- *Lễ Phật Đản*

Theo Thượng tọa trụ trì chùa An Phú lễ Phật Đản của chùa An Phú thường được tổ chức vào các ngày cuối tuần (thứ 7, Chủ Nhật) từ khoảng từ (8-15/4) nhằm mục đích chúc mừng, tán thán và thể hiện lòng biết ơn với Đức Phật đã hạ thế. Chùa luôn cố gắng tổ chức Đại lễ Phật đản hằng năm vào các dịp cuối tuần nhằm tạo điều kiện cho các quý Phật tử, các bạn học sinh, sinh viên có điều kiện tham gia lễ Mộc dục và đồng thời có nhiều thời gian lắng nghe chia sẻ những lời Pháp thoại từ các quý thầy nhau ôn lại lịch sử của Đức Phật Thích ca. Qua đó truyền tải những thông tin, những bài học lớn lao về sự tu tập, rèn luyện đạo đức, giữ giới, sống theo lời Phật dạy, tin theo nhân quả...

Phật Đản (chữ Nho 佛誕 - nghĩa là ngày sinh của đức Phật) hay là Vesak (tiếng Phạn: Vaiśākha, Devanagari: वासुदेव, Sinhala: වෙසක්වෙලය) là ngày kỷ niệm Phật Tất-đạt-đa Cồ-đàm sinh ra tại vườn Lâm-tì-ni năm 624 TCN, diễn ra vào ngày 15 tháng 4 âm lịch hàng năm.

Theo truyền thống Phật giáo Bắc tông và ảnh hưởng của Phật giáo Trung Hoa, ngày này chỉ là ngày kỷ niệm ngày sinh của đức Phật Thích Ca; tuy nhiên, theo Phật giáo Nam truyền và Phật giáo Tây Tạng thì ngày này là ngày Tam hiệp (kỷ

niệm Phật đản, Phật thành đạo và Phật nhập Niết-bàn). Ngày Phật Đản hay là lễ Vesak, Tam Hiệp được kỷ niệm vào các ngày khác nhau tùy theo quốc gia.

Một số quốc gia với đa số Phật tử chịu ảnh hưởng Bắc tông (như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Việt Nam) thường tổ chức ngày lễ Phật đản vào ngày mùng 8 tháng 4 âm lịch. Các quốc gia theo Nam tông thường tổ chức vào ngày trăng tròn trong tháng 4 âm lịch hay là ngày trăng tròn trong tháng 5 dương lịch. Có những năm có 2 ngày trăng tròn trong tháng 5 dương lịch như năm 2007, có nơi tổ chức ngày Vesak vào ngày trăng tròn đầu tiên (ngày 1 tháng 5) trong khi tại nơi khác lại kỷ niệm. Lễ Phật đản được công nhận là một ngày nghỉ lễ chính thức tại miền Nam Việt Nam bắt đầu từ năm 1958 do chính phủ Đệ Nhất Cộng hòa của chính thể Việt Nam Cộng hòa thông qua, vào ngày này thường có diễu hành xe hoa trên đường phố. Khi Việt Nam thống nhất sau khi chấm dứt chiến tranh Việt Nam năm 1975, thì ngày này không còn là ngày lễ quốc gia.

Ngày lễ này ngày càng được Phật giáo Việt Nam tổ chức long trọng trên cả nước với nhiều hoạt động phong phú như diễu hành, rước xe hoa, văn nghệ mừng sự ra đời của Đức Phật và các hoạt động từ thiện khác. Đại lễ Phật Đản Liên Hiệp Quốc - Vesak đã được tổ chức tại Việt Nam vào các năm 2008, 2014, 2019.

Những năm gần đây, ngày Phật Đản được coi là một ngày lễ hội quan trọng, thu hút sự tham gia không chỉ của Phật tử mà còn là của người dân trên mọi miền của Việt Nam. Ngày này cũng nhận nhiều sự quan tâm của chính quyền, thực tế mọi buổi lễ Phật đản chung của các huyện đều có sự tham gia của chủ tịch huyện và các chuyến thăm của chủ tịch mặt trận Tổ quốc, sự hỗ trợ kinh phí trong công tác tổ chức Phật đản. Vào ngày trăng tròn thứ 2 (ngày 31 tháng 5)

Vào ngày này, các Phật tử không được sát sinh, mọi người đều cung kính ăn chay, dọn dẹp nhà cửa sạch sẽ và trang trí bàn thờ Phật thật đẹp. Ngoài ra, các Phật tử có thể lên chùa đọc kinh, nghe thuyết giảng để tâm thanh tịnh.

- *Lễ Vu lan*

Theo Thầy Thích Hiện Chơn phó trụ trì chùa An Phú lễ Vu Lan hằng năm tại chùa An Phú thường được tổ chức vào các ngày cuối tuần (thứ 7, Chủ Nhật) từ khoảng từ (8-15/7) Âm lịch nhằm mục đích biết ơn tưởng nhớ công lao dưỡng dục cao lớn tựa trời biển của cha mẹ, thể hiện sự tri ân đến những người đã mất và sâu xa hơn là để thể hiện sự biết ơn đến ngài Mục Kiền Liên và Đức Phật.

Nói đến Lễ Vu Lan, thì mỗi người trong chúng ta, ai cũng biết và cũng đã từng đến chùa tham dự đại lễ này. Lễ Vu Lan diễn ra vào ngày Rằm tháng Bảy Âm lịch hằng năm. Năm nay lễ rơi vào ngày thứ Ba 05/9/2017 đúng vào ngày Rằm tháng Bảy Âm lịch. Các chùa khắp nơi trên thế giới đều long trọng tổ chức đại lễ Vu Lan, tạo cơ hội cho các Phật tử về chùa dâng hương cầu nguyện cho cha mẹ hiện tiền được khoẻ mạnh bình yên và cha mẹ bảy đời quá khứ được thoát khổ địa ngục, sanh về cõi Trời an vui. Cho nên hễ nói đến Lễ Vu Lan là người ta nghĩ ngay đó là ngày Lễ Báo Hiếu Cha Mẹ.

Không phải tự dưng cứ đến ngày Rằm tháng Bảy Âm lịch hằng năm, Phật giáo long trọng tổ chức "đại lễ Vu Lan-Báo Hiếu" thật trang nghiêm, từ hình thức cho đến nội dung nhằm mang ý nghĩa nhân văn trên bình diện tâm linh và văn hoá của con người. Lễ hội này phát xuất từ sự tích Phật giáo được ghi lại trong kinh Vu Lan Bồn.

- Vu Lan: Danh từ gọi tắt của "Vu Lan Bồn", tiếng Phạn là "Ullambana".
Ullam: dịch là "treo ngược" (đảo huyền), ví cho sự thống khổ của người chết như

bị treo ngược. Chữ "bồn" tiếng Phạn là "bana" tạm dịch là "cứu giúp". Như vậy chúng ta có thể hiểu từ "Vu Lan Bồn" có nghĩa là giải cứu người bị tội treo ngược.

- Báo hiếu: Nghĩa là sự báo đáp, đền đáp công đức sinh thành dưỡng dục của người con đối với cha mẹ hiện tiền và cha mẹ nhiều đời nhiều kiếp.

Theo trong kinh thì Lễ Vu Lan của Phật giáo phát xuất từ thời Đức Phật. Ngài đã dạy phương thức báo hiếu cho cha mẹ ở đời này và nhiều đời khác. Người đầu tiên tiếp nhận chính là Tôn giả Mục Kiền Liên, Ngài là một trong 10 vị đệ tử xuất chúng của Đức Thế Tôn.

Theo kinh "Vu Lan Bồn" thì ngày xưa, khi Bồ Tát Mục Kiền Liên tu thành chánh quả, lúc tưởng nhớ mẫu thân, đã dùng tuệ nhãn kiểm tìm khắp nơi trong trời đất, liền thấy mẹ mình đang ở trong loài ngạ quỷ, bị đói khát hành hạ rất khổ sở. Thương mẹ, Ngài đã vận thần thông xuống cõi ngạ quỷ dâng bát cơm đầy cho mẹ. Rất tiếc, bà Thanh Đề hãy còn quá sân tham và bởi ác nghiệp thọ báo còn quá nặng nên khi bốc cơm đưa vào miệng thì cơm biến thành lửa. Tôn giả Mục Liên không có cách nào cứu được mẹ nên Ngài liền quay về hỏi Đức Thế Tôn.

Đức Phật dạy rằng: "Dù ông có thần thông quảng đại như thế nào cũng không đủ sức cứu mẹ ông, chỉ có một cách là nhờ sự hợp lực của chư Tăng khắp nơi, sau 3 tháng an cư kiết hạ cùng tập trung chú nguyện mới có thể chuyển hoá được nghiệp lực giúp mẹ ông thoát khỏi cảnh khổ".

- Nhưng Bạch Thế Tôn, làm sao con thỉnh được chư Tăng khắp mười phương về để cúng dường cùng một lúc như vậy được?

Đức Phật dạy: "Ngày Rằm tháng Bảy là ngày Tự Tứ của chư Tăng. Ngày đó dù các vị ở trong thiên đình hay thọ hạ kinh hành, hay hoá độ nhân gian, cũng tập trung lại để cùng Tự Tứ. Đây là ngày thích hợp để cung thỉnh chư Tăng, hãy sắm sửa lễ cúng vào ngày đó."

Tôn giả Mục Kiền Liên y theo lời Phật mà làm. Sau đó mẹ của Ngài được giải thoát. Trong dịp này Đức Phật cũng dạy: Chúng sanh ai muốn báo hiếu cho cha mẹ cũng theo cách này (Vu-Lan-Bồn Pháp) mà làm". Từ đó, ngày Lễ Vu Lan ra đời.

Kể từ những năm tháng đầu tiên, khi Phật giáo truyền vào Việt Nam, các chùa đã tổ chức Lễ Vu Lan. Ngày nay, Lễ Vu Lan không còn đơn thuần chỉ có ý nghĩa tôn giáo thiêng liêng ca ngợi lòng hiếu thảo đối với mẹ không thôi mà đã trở thành "lễ hội" mang tính cách nhân văn nói lên lòng hiếu kính của tất cả mọi người đối với cả mẹ lẫn cha hiện tiền, hay ông bà cha mẹ đã quá vãng nhiều đời nhiều kiếp. Lòng trân trọng hiếu kính mẹ cha, phụng thờ tổ tiên ông bà, chính là sợi dây liên kết giữa người còn kẻ mất, là truyền thống cao đẹp nêu cao tình người của dân tộc Việt.

Khi tham gia lễ Vu Lan báo hiếu tại chùa An Phú cũng như các ngôi chùa khác trên cả nước vào dịp Vu lan, người đến tham dự sẽ được ban tổ chức lễ hội cài bông hồng hiếu hạnh trên ngực áo. Nghi thức bông hồng cài áo không chỉ gọi lên lòng tôn kính cha mẹ mà còn là dịp thắp lên ngọn lửa ấm áp của lòng nhân từ để lan tỏa tình thương trong cuộc sống.

Nghi thức Bông hồng cài áo theo Giáo sư, Tiến sĩ Ngô Đức Thịnh - Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu, bảo tồn văn hóa tín ngưỡng Việt Nam xuất phát từ áng văn viết về Mẹ của Thiền sư Thích Nhất Hạnh được viết vào những năm 1960.

Trong một chuyến công tác tại đất nước Nhật Bản, Thiền sư lấy làm lạ khi thấy người Nhật thành kính cài tặng ông một bông hoa trắng lên ngực áo. Sau khi tìm hiểu và biết được ý nghĩa cao đẹp của việc này, ông đã chọn bông hoa hồng làm biểu tượng cho lễ Vu Lan báo hiếu của nhà Phật và viết ấn phẩm "Bông Hồng Cài Áo" vào tháng 8 năm 1962.

Ý nghĩa nghi thức bông hồng cài áo lễ Vu Lan

Bông hoa hồng được chọn là biểu tượng của tình yêu, sự cao quý và ngát hương. Việc nhớ về bậc sinh thành và cài lên ngực bông hoa cao quý là tình cảm đẹp nhất, là chữ Hiếu mà con cái gửi đến bậc sinh thành. Với ý nghĩa đó, nhiều người Việt Nam cứ đến ngày Vu Lan đều cài một bông hoa màu hồng lên áo, ấy là biểu tượng của việc còn Mẹ - Cha. Ai đã mất mẹ thì cài hoa trắng.

Người có hoa hồng hẳn sẽ tự hào vô cùng vì trên đời này còn có Mẹ - Cha. Ai mang hoa trắng sẽ thấy như một sự nhắc nhở, rằng mình đã lỡ mất những gì quý giá nhất, từ đó mà hành động sao cho phải với lương tâm. Vu Lan là dịp đặc biệt để giới trẻ sống chậm lại và yêu thương nhiều hơn.

Những người đến chùa đều không quên dừng lại để cài lên ngực một bông hồng, để nhắc nhở về công ơn của cha mẹ. Bông hồng màu đỏ cho những ai may mắn còn cha mẹ trên đời, bông hồng màu hồng cho những người còn mẹ mất cha và bông hồng trắng cho những người kém may mắn khi không còn cha và mẹ trên đời.

Bông hồng là biểu tượng của tình yêu, sự cao quý. Việc nhớ về bậc sinh thành và cài lên ngực hoa hồng cao quý là tình cảm đẹp nhất, kính trọng nhất đối với bậc sinh thành. Mang ý nghĩa sâu sắc đó, nhiều người Việt Nam khi đến ngày Vu Lan đều cài một bông hồng trên áo.

Vai trò của lễ hội với người dân địa phương

Với người trong khu vực thành phố Hồ Chí Minh các lễ hội của Phật giáo được tổ chức hằng năm không chỉ riêng ở chùa An Phú mà còn ở các chùa khác trong thành phố mang những ý nghĩa lớn lao. Bởi đây là dịp để cho mỗi người tìm về một phần của mình đó là phần tâm linh trong mỗi con người. Cửa chùa luôn rộng mở đón chào tất cả chúng sinh “ Ngã Phật từ bi”. Mái chùa, chăm chút nuôi

dưỡng những hạt giống thiện lành để góp phần làm cho xã hội trở lên tốt đạo hơn, lối sống trở lên, lành mạnh có đạo đức hơn. Thông qua những lễ hội chùa An Phú, cũng như các chùa khác trên cả nước đứng sau là các Tăng ni luôn hy vọng xây dựng được một thế giới cực lạc ngay tại thế gian, cứu giúp giúp những chúng sinh ra khỏi biển khổ mê lầm, đang chìm đắm trong tham, sân, si hướng dẫn chúng sinh tu tập, mở mang kiến thức, hành trì giới luật, giữ gìn căn lành để lại cái phúc sau này. Cuộc sống ngày càng trở lên hiện đại hơn, vội vã hơn con người càng dễ đắm chìm trong những đam mê, danh vọng, tiền tài, sắc dục vì vai trò của Phật pháp trong đời sống ngày càng trở nên quan trọng.

2.2. Thực trạng trong mùa lễ hội những năm gần đây tại chùa An Phú

2.2.1. Khai thác trong dịp lễ hội

- Thời gian tổ chức: Như đã kể trên những lễ hội lớn của Chùa An Phú cũng như các chùa khác bao gồm: lễ Thượng Nguyên (rằm tháng riêng), lễ Phật đản (8-15/4), lễ Vu lan (8-15/7) âm lịch.
- Địa điểm tổ chức: Lễ hội được tổ chức trong khuôn viên chùa
- Ban tổ chức: Chư tăng ni, phật tử của chùa An Phú
- Đối tượng: toàn bộ những tín đồ Phật giáo, không phân biệt vùng miền, quốc gia, tông phái
- Nội dung: Trong 10 nay trở lại đây cùng với sự phát triển của đất nước và sự phát triển thần tốc của các thiết bị truyền thông, đồng thời với sự phát triển của cơ sở hạ tầng cầu cống, đường xá đi lại cũng dần trở lên nhanh hơn, thuận tiện hơn thì càng nhiều biết tới chùa An phú hơn, lượng du khách tới thăm quan chiêm bái chùa cũng đông hơn

Nhận xét chung:

Giống nhau: qua từng năm thì các khâu chuẩn bị cho lễ hội đều giống nhau về phần thực hiện nghi lễ. Đây là phần không thể thiếu hoặc cắt bớt được trong hình thức nghi lễ của chùa An Phú vì như vậy sẽ mất đi tính thiêng liêng, trang nghiêm, thanh tịnh của buổi lễ

Khác nhau: Nhìn chung qua từng năm không biệt nhiều. Duy có năm 2008, 2014, 2019 Việt Nam vinh dự đăng cai tổ chức Đại lễ Vesak chư Tăng cùng Phật tử chùa An Phú, lùi ngày tổ chức Phật đản tại thường là ngày mùng 8 tháng 4 sang ngày 15 tháng 4, để cho đoàn Chư tăng cùng Phật tử chùa An Phú có dịp đến địa điểm tổ chức đại lễ như chùa Bái Đính, chùa Tam Chúc... để chung tay góp sức giúp đại lễ diễn ra tốt đẹp. Cũng đặc biệt vào những năm mà đại lễ Vesak diễn ra ở Việt nam thì số lượng du khách đến hành hương và chiêm bái tại chùa An Phú cũng đông hơn, có lẽ là do chiến dịch quảng bá mở rộng trên toàn quốc mà người dân biết và nhớ tới ngày Phật đản nhiều hơn

2.2.2. Khai thác ngoài dịp lễ hội

Những năm qua, ngành du lịch TP.HCM đã khẳng định vị thế dẫn đầu cả nước, tuy nhiên trong thời kỳ mới lại đang đứng trước những thách thức không nhỏ

Theo Sở Du lịch TP.HCM, trong năm 2017, thành phố đã đón gần 6,4 triệu lượt khách du lịch quốc tế; 24,9 triệu lượt khách nội địa tăng tương ứng 22,8% và 14,6% so với năm 2016; Tổng thu du lịch cũng có mức tăng ấn tượng với hơn 40 tỷ lần trong vòng 10 năm, giai đoạn từ năm 1997-2017.

Nếu năm 1997 là 2.887 tỷ đồng thì đến năm 2017 đã đạt hơn 115.000 tỷ đồng. Tỷ trọng đóng góp từ doanh thu toàn ngành du lịch trong cơ cấu GRDP của thành phố hiện chiếm khoảng 11%.

Thiếu chiến lược và quy hoạch tổng thể

Thách thức lớn nhất hiện nay là du lịch thành phố đang phát triển trên cơ sở thiếu chiến lược và quy hoạch tổng thể. Được xác định là trung tâm du lịch lớn nhất của cả nước nhưng TP.HCM đi sau rất nhiều địa phương khác trong xây dựng chiến lược và quy hoạch tổng thể du lịch. Hiện thành phố vẫn đang trong quá trình xây dựng chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển du lịch thành phố giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Trong buổi tọa đàm “Công tác quản lý nhà nước về du lịch của TP.HCM - 25 năm thành công và thách thức” mới đây, ông Nguyễn Quốc Kỳ, Tổng Giám đốc Công ty Du lịch Vietravel bày tỏ lo lắng: “Du lịch thành phố không định vị được, vô hình chung sẽ đánh mất nguồn lực, đánh mất tiềm năng. TP.HCM cần quan tâm nhiều hơn nữa đến việc xây dựng quy hoạch chiến lược phát triển du lịch TP.HCM đến năm 2030 và tầm nhìn 2045”. Đồng tình với quan điểm này, bà Võ Thị Ngọc Thúy, Phó Viện trưởng Viện Đào tạo quốc tế, Đại học Quốc gia TP.HCM nhấn mạnh: “Du lịch thành phố phải có quy hoạch, có chiến lược thì mới có sự phát triển đồng bộ và rõ nét hơn. Nếu không du lịch thành phố sẽ thiếu bản sắc, thiếu giá trị cốt lõi, điều này khiến cho các sản phẩm du lịch rời rạc”.

Sản phẩm du lịch nghèo nàn

Hiện các sản phẩm du lịch và các dịch vụ hỗ trợ cho du lịch thành phố còn nghèo nàn. Thành phố Hồ Chí Minh đang sở hữu một nguồn tài nguyên du lịch văn hóa đa dạng gồm: 234 tài nguyên văn hóa vật thể, 120 tài nguyên nhân tạo trong số 386 tài nguyên du lịch; hệ thống bảo tàng, di tích cách mạng phong phú, đa dạng; hệ thống đường sông trong lòng đô thị; nhiều khu sinh thái, nông thôn mới liền kề đô thị; văn hóa nghệ thuật, công nghiệp giải trí, văn hóa ẩm thực phát triển mạnh.

Nhưng để khai thác tốt cần có chiến lược và cả sự đầu tư. Nhiều ý kiến cho rằng, thành phố nên có thêm các sản phẩm mới với nhiều chợ đêm và những phố đi

bộ du lịch đúng nghĩa. TP. HCM phải là trung tâm ẩm thực và hình thành tam giác trọng điểm du lịch, lấy các quận 1, 3, 5 làm trung tâm kết nối đến các huyện Củ Chi, Hóc Môn với loại hình du lịch nông nghiệp truyền thống, làng nghề, văn hóa, lịch sử... Cùng với đó, phát triển Cần Giờ thành trung tâm du lịch sinh thái rừng ngập mặn và các liên hợp trò chơi mạo hiểm

Từ việc thiếu chiến lược và quy hoạch tổng thể của ngành dẫn đến hàng loạt thách thức khác được đặt ra. Đó là, nguồn nhân lực du lịch của thành phố không được đào tạo bài bản.

Thành phố cũng chưa có chính sách và chiến lược về mức lương, chế độ để thu hút nhân lực chất lượng cao, vì thế nguồn nhân lực được đánh giá là chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển.

Hơn nữa khi thực hiện các thỏa thuận về di chuyển dòng lao động tự do giữa các nước trong khu vực, du lịch thành phố còn phải đối mặt với cạnh tranh nguồn nhân lực của các quốc gia khác.

Ông Trần Hùng Việt, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn cho rằng, yếu tố nhân lực luôn đóng vai trò then chốt. Có đội ngũ nhân lực am hiểu về công nghệ thông tin và có đầu tư cho đúng, đủ để ứng dụng công nghệ thông tin vào du lịch thì mới cung cấp cho du khách những thông tin chuẩn xác nhất.

Hiện, TP.HCM thực hiện áp dụng cơ chế đặc thù là cơ hội không thể tốt hơn để phát triển ngành du lịch thành phố. Trong bối cảnh đó, TP.HCM cần gắn du lịch vào tầm nhìn và định vị của thành phố trong phát triển kinh tế mới có thể thúc đẩy du lịch thành phố phát triển xứng với tiềm năng.

Bà Nguyễn Thị Ánh Hoa, Phó Giám đốc Sở Du lịch TPHCM giải đáp: “Hiện nay, TPHCM xác định một số loại hình du lịch có thế mạnh của TP như: MICE (du lịch hội nghị, hội thảo, khen thưởng, triển lãm), du lịch văn hóa - lịch sử, du lịch

ẩm thực, du lịch kết hợp mua sắm. Sở Du lịch sẽ tiếp tục phối hợp để khai thác thế mạnh các loại hình du lịch này và một số loại hình du lịch có tiềm năng như du lịch đường thủy, du lịch y tế, du lịch kết hợp thể thao, du lịch nông nghiệp sinh thái. Bên cạnh đó, Sở Du lịch cũng sẽ phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao trong việc khuyến khích, hỗ trợ xây dựng thêm các chương trình nghệ thuật phục vụ du khách”.

Trong đó loại hình du lịch văn hóa tâm linh đang được xem là một trong những sản phẩm mới của du lịch Sài Gòn. Đối với du lịch văn hóa tâm linh, việc giới thiệu cho du khách trong và ngoài nước những di tích lịch sử, di tích danh lam thắng cảnh của địa phương như chùa An Phú, chùa Giác Lâm, chùa Vĩnh Nghiêm, Việt Nam quốc tự, chùa Hoằng Pháp, Dinh Độc Lập, nhà thờ Đức Bà... được xem là mang lại nhiều ý nghĩa.

Chương trình Phật Âm

Đây là một chương trình được diễn ra hằng năm tại chùa An Phú. Các ca sĩ, nghệ sỹ được yêu thích, cùng các Phật tử cùng nhau đóng góp những bài hát, tiểu phẩm của mình về đề tài Phật giáo nhằm ca ngợi Đức thế tôn, khuyến mọi người sống và làm theo lời Phật dạy, tin sâu nhân quả... Ngoài ra số tiền thu được sau chương trình được sử dụng để làm từ thiện...

Chương trình ẩm thực Phật giáo

Là một ngôi chùa nằm trong thành phố sôi động nhất Việt Nam, không những vậy từ chùa An Phú quận 8 đến quận 5 không xa. Đây thực sự là một lợi thế vì quận 5 được coi là khu ẩm thực của thành phố, cộng thêm sự đa dạng của người khắp bốn phương đang sinh sống ở Sài Gòn. Chương trình ẩm thực Phật giáo của chùa An Phú diễn ra hằng năm, mỗi năm một lần. Đây là cơ hội cho các đầu bếp

chuyên về các món ăn chay tham gia trở tài. ... những dịp này du khách đến thăm chùa An Phú rất đông.

2.5 Đánh giá nhận xét

2.5.1 Tích cực

Chùa An Phú là một trong những di tích có tiềm năng du lịch lớn, đã và đang tạo ra công ăn, việc làm cho người dân địa phương

Đi lễ chùa lễ Phật không chỉ đơn giản để ước nguyện, để mọi người tìm về với chốn tâm linh sau những tháng ngày vất vả mưu sinh, mong tìm được sự bình an, gạt bỏ đi những muộn phiền, lo âu. Mà nó còn là phương thức tu tập, lễ lạy một Đấng từ bi vô hạn, lễ lạy nhằm xóa đi bản ngã và noi theo gương hạnh của Ngài.. Ngoài ra, trong cuộc sống ta phải đặt trọn niềm tin vào quy trình nhân quả, tức là gieo nhân lành thì gặt quả lành, có làm thì mới có ăn.v.v... không có một đấng nào có quyền hành ban thưởng hoặc trừng phạt ta được, ta là tác nhân của mọi hành vi, mình làm mình chịu. Hiểu được như vậy ta mới thật sự có được một cuộc sống an vui hạnh phúc, mới xứng đáng là người con Phật, người hiểu đúng về giá trị của việc đi chùa . Hằng ngày trong quá trình mưu sinh, giao tế với xã hội để phục vụ nhu cầu cuộc sống, không ít nhiều chúng ta đã va chạm nơi công sở, tại gia đình, sự thăng trầm vinh nhục, nước mắt xen lẫn nụ cười... khiến bất an, phiền muộn trong cuộc sống. Nên nhà nhà, người người đều dắt díu nhau lên chùa lễ Phật đầu năm cầu nguyện mọi việc thành tựu như ý. Việc mà người người, nhà nhà đi chùa ngày càng nhiều góp phần đóng góp chùa An Phú có điều kiện phát triển hơn để tạo ra các chương trình, các khóa tu cho người trẻ, người cao tuổi,.. trở nên quy mô hơn, hoàn thiện hơn trong việc hoằng pháp lợi sinh. Xét về mặt du lịch thì điều này cũng giúp cho du lịch tâm linh của Sài Gòn phát triển hơn.

2.5.2 Hạn chế

Điều hạn chế dễ thấy nhất những năm qua với du khách khi tới chùa An Phú những năm qua là do số lượng du khách tới thăm chùa ngày một đông, nhưng khuôn viên chùa thì chỉ có hạn. Bên cạnh đó bãi đậu xe của chùa nhiều lần quá tải, nhưng rất may chưa xảy ra trường hợp mất cắp nào do mỗi lần vào các dịp lễ luôn có các chiến sĩ công an nhiệt tình túc trực.

Hạn chế tiếp theo là do chùa cạnh mặt đường lớn, cộng thêm khoảng đất chùa nằm giữa hai cây cầu Chánh Hưng và cầu Nguyễn Tri Phương vào giờ cao điểm thường xuyên xảy ra tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm khói bụi, ô nhiễm môi trường... điều này tạo ra khó khăn e ngại cho du khách khi tới thăm chùa .

Đặc biệt theo trang báo điện tử dân trí đưa tin vào ngày 15/01/2017 một thanh niên ngáo đá đã trà trộn và leo lên nóc chùa An Phú quậy phá sau nhiều giờ thuyết phục và tìm kiếm các phương án, lực lượng cảnh sát PCCC và CHCN thuộc Cảnh sát PCCC TPHCM đã khống chế, đưa một thanh niên từ nóc chùa An Phú xuống đất an toàn và bàn giao cho Công an quận 8 xử lý theo thẩm quyền.

Trong quá trình tiếp cận, khống chế thanh niên này, một số cán bộ chiến sĩ cảnh sát PCCC đã bị thương tích, chảy máu. Do nghi ngờ đối tượng này nghiện ma túy, có khả năng bị nhiễm HIV nên cơ quan công an cho tiến hành xét nghiệm.

Qua đó, đối tượng này âm tính với HIV. Như vậy, các cán bộ chiến sĩ tiếp cận đối tượng này vào ngày hôm qua sẽ không phải áp dụng các biện pháp chống phơi nhiễm.

Sau khi được đưa về cơ quan công an, thanh niên này có biểu hiện giống như người sử dụng chất ma túy. Sau một hồi, người này khai tên Võ Thanh Hoài (SN 1991, ngụ tỉnh Kiên Giang). Hoài khai, vào ngày 14.11, Hoài đi xe đò từ nhà lên TPHCM gặp bạn rồi sử dụng ma túy nhưng không nhớ địa điểm cụ thể.

Dùng ma túy xong, Hoài đi bộ đến nhiều nhà gần cầu Chánh Hưng xin tá túc nhưng do đêm khuya nên không ai đồng ý. Bực tức, Hoài leo rào vào chùa An Phú, tiếp tục leo lên nóc chùa la hét bất chấp sự khuyên can của các sư thầy và chính quyền địa phương.

Sau nhiều giờ bắc loa kêu gọi, thuyết phục nhưng không thành, lực lượng cảnh sát PCCC TPHCM tiếp cận nóc chùa nhưng Hoài liên tục dùng các thanh gỗ, sắt gom được ném vào lực lượng cảnh sát khiến khoảng 10 người bị thương. Do Hoài không hợp tác nên buộc cảnh sát phải không chế rồi đưa Hoài xuống đất bằng máng chuyên dụng và dây thừng. Như vậy cho thấy được khâu an ninh của chùa còn lỏng lẻo chưa được chú trọng.

Tình trạng ăn mặc hở hang khi đến chùa vẫn còn đang diễn ra, đặc biệt là các du khách phương Tây do họ chưa hiểu biết được luật lệ, tính tôn nghiêm của nơi thờ tự.

2.6 Tiểu kết

Chương 2 của khóa luận đã nêu lên được thực trạng khai thác tại Chùa An Phú để thấy được tiềm năng phát triển qua từng năm từ 2014 đến 2019, những sự giống và khác nhau. Bên cạnh đó người viết cũng nêu được điểm tích cực và hạn chế đó chính là tiền đề để đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác và phát triển du lịch được đề cập ở chương 3

Chương 3: ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP KHAI THÁC HIỆU QUẢ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VỚI CHÙA AN PHÚ

3.1. Giải pháp với chùa An Phú

Giá trị di sản văn hóa Phật giáo Việt Nam có sức hấp dẫn du lịch

Có thể khẳng định những ngôi chùa cổ ở Việt Nam trong những năm vừa qua đã có những đóng góp xứng đáng vào kho tàng di sản văn hóa phong phú và độc đáo của dân tộc và ngày càng chiếm giữ vị trí quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần của đại bộ phận nhân dân các dân tộc trên các vùng, miền cả nước. Không những thế, di sản văn hóa Phật giáo Việt Nam đã và đang trở thành những giá trị hấp dẫn, thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế đến Việt Nam.

Những giá trị hấp dẫn du lịch của di sản văn hóa Phật giáo Việt Nam có thể nhận diện ở 5 khía cạnh dưới đây:

Một là, giáo lý Phật giáo từ khi du nhập vào Việt Nam đã được kết tinh, thăng hoa luôn gắn kết nhuần nhuyễn với tín ngưỡng, phong tục, tập quán văn hóa bản địa các dân tộc, vùng miền Việt Nam. Sự hòa đồng, tính khoan dung và tinh thần dân chủ, bình đẳng của Phật giáo đã trở thành chỗ dựa tinh thần cho mọi người dân Việt Nam. Hình ảnh những ngôi chùa thờ Phật gắn với làng xã Việt Nam. Sự quần chúng hóa ấy tạo lên sức mạnh của Phật giáo có ảnh hưởng rộng rãi tới xã hội và càng hấp dẫn du khách thập phương.

Hai là, giá trị phi vật thể của di sản văn hóa Phật giáo thể hiện ở khía cạnh giá trị văn hóa, đạo đức. Với tư tưởng khoan dung, hòa bình, khuyến thiện, ngừa ác, Phật giáo góp phần, làm cho con người được sống trong hòa bình, nhân ái, giúp cho con người gần gũi nhau hơn.

Đồng thời, Phật giáo giúp con người hiểu hơn về ý nghĩa và giá trị cuộc sống. Giáo lý nhà Phật giúp con người biết tạo lập được nếp sống, lối sống chân, thiện, mỹ, hướng con người đến hạnh phúc, an vui về mặt tinh thần bên cạnh các giá trị vật chất thông thường. Hơn thế nữa, giáo lý Phật giáo còn hướng con người trong quan hệ xã hội với con người và quan hệ với thiên nhiên một cách hài hòa. Ở khía

cảnh này Phật giáo mang đến những giá trị tích cực cho cuộc sống về nhận thức, tư duy, sức khỏe và sự an lành, cực lạc trong tâm hồn của con người gắn với thiên nhiên và vì thế nó có sức hấp dẫn mạnh mẽ thu hút khách du lịch.

Ba là, hiện nay, Việt Nam có gần 500 ngôi chùa được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa quốc gia trong tổng số 3.058 di tích cấp quốc gia của cả nước. Hầu hết các ngôi chùa được lựa chọn xây dựng vị trí vô cùng “đắc địa”, trong một khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ đầy biểu cảm, tạo nên những danh lam thắng cảnh độc đáo như: khu thắng cảnh Yên Tử (Quảng Ninh), Hương Sơn (Hà Nội), Ngũ Hành Sơn (Đà Nẵng), núi Bà Đen (Tây Ninh), núi Sam (An Giang)... Đây chính là những nơi có giá trị hấp dẫn du lịch cả về văn hóa và cảnh quan, được quy hoạch trở thành những khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia trong Quy hoạch tổng thể phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Bốn là, lễ hội Phật giáo là những sinh hoạt văn hóa với các nghi thức tôn giáo như: lễ Vu Lan, đại lễ Phật đản... Có thể nói, lễ hội Phật giáo là nơi tích hợp các mặt giá trị văn hóa phi vật thể rất phong phú và đa dạng, nơi giao lưu, cộng cảm và liên kết tình thân trong cộng đồng dân cư. Lễ hội Phật giáo trở thành sự kiện thu hút những dòng khách đến tìm hiểu, chia sẻ, cùng sinh hoạt và trải nghiệm với cộng đồng Phật tử và người dân bản địa. Một số lễ hội trở thành động cơ đi du lịch (mục đích chính) của các dòng khách hành hương như lễ hội chùa Hương, Yên Tử...

Năm là, nghệ thuật âm nhạc và mỹ thuật Phật giáo cũng trở thành yếu tố vô cùng hấp dẫn du lịch. Âm nhạc với những phức điệu và âm thanh là những hợp tấu âm thanh rung động trầm lắng, mang sức mạnh màu nhiệm. Tiếng chuông, tiếng mõ, tiếng tụng kinh, ánh sáng huyền ảo của nến, mùi và khói hương không chỉ là phương tiện chuyển tải lời cầu nguyện của chúng sinh tới đức Phật, mà còn có tác

dụng thức tình những năng lực vốn tiềm ẩn trong các Phật tử, đánh thức tâm thiện, nhắc nhở và kêu gọi Phật tính trong con người.

Mỹ thuật Phật giáo có thể thấy rõ nhất trong phong cách nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc trong các ngôi chùa, xứng đáng được tôn vinh là những bảo tàng nghệ thuật mà du khách có thể chiêm ngưỡng. Trong mỗi ngôi chùa, ngoài vẻ đẹp linh thiêng của các họa tiết kiến trúc, điêu khắc còn thấy được nghệ thuật cấu trúc bày trí theo thuyết lý của Phật giáo trong mối tương quan con người trong vũ trụ “thiên – địa – nhân” mang tính hệ thống và tổng hợp, gắn bó hữu cơ giữa kiến trúc, điêu khắc, hội họa và cảnh trí thiên nhiên. Sự sắp xếp theo một trật tự nhằm chuyển tải lịch sử tư tưởng Phật giáo sao cho mọi tín đồ có thể vừa chiêm bái, vừa được tiếp nhận nhiều nhiều tri thức về đạo Phật...

Quay lại với chùa An Phú xét theo 5 giá trị đã nêu trên thì chùa An Phú đều có đủ. Đây là một lợi thế rất lớn do đó cần:

- Tích cực tổ chức các hoạt động hoằng pháp, lợi sinh
- Sử dụng các trang mạng xã hội để truyền tải quảng bá
- Tăng cường các chương trình thiện nguyện như phát quà từ thiện, trao học bổng, mái ấm tình thương... với xã hội
- Mở rộng hợp tác với các công ty du lịch

3.1.1. Định hướng phát triển du lịch của thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh luôn thu hút hơn 50% khách quốc tế, 35% khách nội địa của cả nước, nhưng doanh thu chưa bao giờ chiếm 50 % tổng doanh thu từ

khách du lịch của cả nước. Không chỉ vậy, doanh thu du lịch của thành phố so với cả nước đang có xu hướng giảm, năm 2012 chiếm 44,5%, đến năm 2015 chỉ còn 28% và năm 2016 khoảng 25,7%.

Sở dĩ như vậy vì thực chất, Thành phố Hồ Chí Minh chỉ là điểm dừng chân, phân phối khách du lịch đi đến các địa phương khác. Mặt khác, sản phẩm du lịch của thành phố còn nghèo nàn, dễ gây nhàm chán, không đủ sức thu hút khách và giữ chân khách so với các địa phương khác.

Bà Nguyễn Thị Khánh, Phó Chủ tịch Hiệp hội Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh nhận định, so với các địa phương khác, thành phố chưa phải là một địa điểm du lịch hấp dẫn, bởi một địa điểm du lịch có hấp dẫn du khách hay không thể hiện ở độ dài lưu trú.

Đến nay, ngành Du lịch thành phố đưa ra mục tiêu số ngày lưu trú trung bình của khách du lịch là 3 ngày nhưng cũng không đạt. Thậm chí có khách chỉ ở thành phố một ngày rồi đi đến các địa phương khác để tham quan, du lịch.

Thành phố cũng có các sản phẩm du lịch nổi bật như sản phẩm du lịch đường thủy nội đô (rất được thành phố kỳ vọng); các chương trình nghệ thuật phục vụ du khách như múa rối nước, biểu diễn xiếc...; các địa điểm tham quan đặc trưng của thành phố như chợ Bến Thành, nhà thờ Đức Bà... Mặc dù vậy, cho đến nay, các sản phẩm du lịch của thành phố vẫn còn khá nghèo nàn, đơn điệu, trùng lặp.

Theo Giáo sư, Tiến sĩ Đoàn Thị Hồng Vân, giảng viên Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, dù ngành Du lịch thành phố rất kỳ vọng vào du lịch đường thủy nội đô, nhưng sau một năm thử nghiệm đã cho thấy không mấy thành công. Doanh thu có được từ loại hình này chỉ chủ yếu thu từ các nhà hàng nổi trên sông Sài Gòn.

Ông Tào Văn Nghệ, Chủ tịch Hiệp hội Khách sạn Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng: Thị trường du lịch thiên về lữ hành với giá du lịch rẻ, mức chi tiêu của khách không cao, nhưng với MICE, khách du lịch có mức chi tiêu cao hơn.

Bởi đặc trưng của MICE là loại hình du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm, tổ chức sự kiện, du lịch khen thưởng của các công ty cho nhân viên, đối tác, sau khi dự hội nghị khách còn tham gia các buổi chiêu đãi, tham quan... Thông thường các đoàn khách MICE rất đông. Vì vậy, du lịch MICE sẽ là loại hình mang lại nguồn thu rất lớn cho ngành du lịch thành phố nói riêng.

Ngoài ra, Thành phố Hồ Chí Minh có môi trường đầu tư, kinh doanh tốt thuận lợi, thường được các doanh nhân quốc tế lựa chọn để tổ chức các hội thảo, hội nghị quốc tế. Hiện nay, ngày càng có nhiều đoàn khách quốc tế từ các nước như Malaysia, Ấn Độ... để vừa đi du lịch kết hợp tìm kiếm đối tác đến thành phố. Điều này cho thấy, thành phố có lợi thế, tiềm năng để phát triển sản phẩm du lịch MICE.

Chuẩn bị cơ sở vật chất và thực hiện các giải pháp đồng bộ

Tuy nhiên, để MICE có thể trở thành sản phẩm du lịch chiến lược, thành phố cần đầu tư nhiều hơn nữa cơ sở vật chất, hạ tầng đặc biệt là nhà hàng khách sạn, các trung tâm tổ chức triển lãm. Bởi hệ thống nhà hàng, khách sạn, các trung tâm triển lãm hiện có của thành phố chưa thể phát triển sản phẩm du lịch MICE.

Nhiều ý kiến cho rằng, để có thể phát triển du lịch MICE, thành phố cần có thêm nhiều đường bay trực tiếp từ Việt Nam đến các nước có đối tượng khách du lịch MICE. Chẳng hạn, gần đây khách doanh nhân Ấn Độ có xu hướng muốn đến Thành phố Hồ Chí Minh để tổ chức các sự kiện quốc tế, nhưng họ ngại phải quá cảnh tại Bangkok (Thái Lan). Do vậy, nhiều khi dù muốn đến Thành phố Hồ Chí Minh, họ lại lựa chọn Thái Lan hoặc Malaysia vì hai nước này đã có đường bay trực tiếp đến Ấn Độ. Nhận thấy được tầm quan trọng của sản phẩm du lịch MICE,

gần đây, thành phố đã quan tâm, đầu tư cho loại hình du lịch này. Theo ông Bùi Tá Hoàng Vũ, Giám đốc Sở Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh, sản phẩm du lịch MICE là một trong những sản phẩm chính mà thành phố tập trung đầu tư.

Vì vậy, thành phố đã có kế hoạch xây dựng Trung tâm hội nghị triển lãm quốc tế rộng khoảng 14 ha tại Khu đô thị Thủ Thiêm, dự kiến hoàn thành vào năm 2020. Cùng với đó, thành phố sẽ có thêm nhiều khách sạn cao cấp... sẽ góp phần đáp ứng được nhu cầu của dòng khách này.

Dẫu biết thành phố Hồ Chí Minh là một thành phố trẻ, năng động, phát triển không mạnh về loại hình du lịch nghỉ dưỡng, du lịch xanh, hay teambuiding... nhưng Thành Phố Hồ Chí Minh cũng có những di tích cổ hàng trăm năm vẫn có sức thu hút du khách tới thăm mà ta không thể bỏ qua như chùa Giác lâm, Chùa Vĩnh Nghiêm, chùa An Phú, Dinh Độc Lập...

3.1.2. Giải pháp bảo tồn quy hoạch không gian kiến trúc với chùa An Phú

Với các công trình kiến trúc tôn giáo đặc biệt là đền chùa thì việc giữ lại những nét truyền thống trong kiến trúc là vô cùng quan trọng, nó giúp mang lại cảm giác gần gũi thân thuộc mỗi khi tới lui.

Bảo tồn các di tích văn hóa thông qua các hoạt động du lịch không chỉ là trách nhiệm của các cơ quan như Sở Văn Hóa, Bảo tàng, ban quản lý di tích mà còn là trách nhiệm của toàn bộ nhân dân trong vùng và du khách thập phương nhằm giữ gìn giá trị đặc sắc của di tích cho thế hệ hôm nay và mai sau.

Công tác bảo tồn cần tuân thủ các nội quy sau:

- Nghiên cứu tư liệu, khảo sát hiện trạng
- Xây dựng dự án và thiết kế kỹ thuật, dự đoán thẩm định, phê duyệt.. dưới sự giám sát của các chuyên gia có chuyên môn

- Khi tu bổ di tích cần phải tôn trọng và giữ gìn bằng mọi biện pháp các thành tố nguyên gốc, hạn chế tối đa sự thay đổi
- Khi trùng tu nên có sự tham khảo ý kiến của các chuyên gia nghiệp vụ văn hóa.

Ngoài công tác bảo tồn và trùng tu tôn tạo trực tiếp ở di tích, cũng cần hướng tới việc bảo vệ môi trường, cảnh quan cho di tích.

Khai thác các giá trị văn hóa lịch sử và lễ hội là một trong những xu hướng chính trong phát triển du lịch. Sự phát triển du lịch tạo ra điều kiện cho sự hồi sinh và phát triển của nhiều thực hành văn hóa cổ truyền. Tuy nhiên, sự phát triển du lịch cũng làm nảy sinh nhiều thách thức trong việc bảo tồn giá trị văn hóa, du lịch rất dễ biến một số loại hình văn hóa thành hàng hóa vì mục đích kinh tế và việc này đồng thời làm mất đi không gian tâm linh vốn là tinh thần của di sản tồn tại. Khi nguồn lực kinh tế chưa đủ mạnh thì hệ thống di tích, di sản quá nhiều về số lượng, phong phú về loại hình, lại nhiều hư hỏng cần khắc phục sẽ không thể bảo tồn theo cách dàn trải, bình quân, chia đều mà phải chọn lựa, cứu nguy những gì đang có nguy cơ bị biến mất. Cùng với việc tuyên truyền ý thức trách nhiệm bảo vệ giá trị văn hóa cho người dân trong các di tích “sống”, cần phải giúp họ có thể sống, được hưởng lợi từ di tích. Có như thế, người dân mới thật sự coi di tích là của mình, cố gắng giữ gìn, phát huy. Cân bằng, chia sẻ một cách hợp lý lợi ích kinh tế thu được từ du lịch sẽ góp phần huy động sự tham gia chủ động của “cộng đồng chủ nhân” trong bảo tồn di sản cùng với sự phát triển kinh tế. Các công việc quản lý, phát huy giá trị di tích, di sản thường liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, nhiều địa phương, nên cần có sự liên kết, phối hợp chặt chẽ. Các cơ quan quản lý di tích, di sản các cấp tích cực trao đổi kinh nghiệm quản lý, đào tạo đội ngũ cán bộ, tăng cường hợp tác quốc tế, tham gia ngày càng rộng và sâu vào các hoạt động quốc tế, qua đó có thể tăng cường quảng bá, phát triển du lịch di sản của Việt Nam

dối với thế giới. Thiết nghĩ đây là một hướng đi đúng đắn, cần tích triển khai trong công tác bảo tồn, trùng tu tôn tạo đối với một Công trình có ý nghĩa tâm linh đặc biệt không chỉ với người dân thành Thành phố Hồ Chí Minh mà còn với cả người dân Việt Nam.

3.1.3. Bổ sung các gian hàng, trưng bày triển lãm và hoạt động hỗ trợ

Bên cạnh việc thu hút khách du lịch hướng đến lễ hội được tổ chức hằng năm thì, cần kết hợp thêm với những thế mạnh mà địa phương có như mở thêm các gian hàng bán đồ lưu niệm, những sản phẩm độc đáo, đặc sản của địa phương, làm đa dạng hóa sản phẩm,... ngoài ra các chương trình ẩm thực chay, các chương trình âm nhạc Phật giáo cần được mở rộng và phát huy

Tham gia triển lãm tranh, ảnh văn hóa phẩm Phật giáo

Ngoài dịp lễ hội, thì khi đến với chùa An Phú du khách còn được tham dự triển lãm tranh Phật giáo về cuộc đời đức Phật, Bồ Tát các bức tượng bằng đất, sứ, các đồ vật cổ được các Phật tử của chùa trưng bày ... đồng thời du khách cũng có thể mua các đồ lưu niệm như tràng hạt, tượng, hương trầm, tranh, ảnh làm quà cho gia đình và người thân

3.2. Giải pháp khai thác lễ hội chùa An Phú

3.2.1. Mở rộng không gian lễ hội

Công tác mở rộng không gian lễ hội có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo tổ chức tốt các hoạt động của lễ hội. Vì vậy, cần xây dựng một quy hoạch tổng thể về không gian tổ chức lễ hội bao gồm khu vực thờ tự (khu vực trung tâm lễ hội) và một số vùng phụ cận như: khu vực biểu diễn nghệ thuật, khu vực triển lãm và các gian hàng, khu vực hội trợ... Lễ hội cần xây dựng quy hoạch tổng thể cho không gian lễ hội, bảo tồn và hoàn trả mặt bằng di tích. Để thực hiện được điều này trước

hết địa phương cần phải huy động vốn từ nguồn thu từ lễ hội, do dân tự đóng góp, sự hỗ trợ của thành phố. Khi diễn ra lễ hội cần đảm bảo cho việc lưu giữ đầy đủ các giá trị truyền thống, phong tục tập quán địa phương, cũng tạo điều kiện thuận lợi cho người dân địa khách thập phương được quan sát và tham gia vào lễ hội một cách đầy đủ có ý nghĩa nhất. Ban quản lý cần phải mở rộng, bổ sung thêm nơi dừng chân cho du khách và khách hành hương có nơi chuẩn bị lễ vật cũng cần tăng cường nhắc nhở du khách.

Để việc quy hoạch đạt hiệu quả cao, đảm bảo không gian cho lễ hội thì không tiến hành một cách đơn lẻ và độc lập mà phải được tiến hành đồng thời và kết hợp với các chương trình khác như chương trình phát triển hạ tầng, kiến trúc xung quanh

3.3. Các giải pháp khác

3.3.1. Tuyên truyền và quảng bá hình ảnh

Cần phải có một chiến lược, một kế hoạch cụ thể, lâu dài, phải có sự đầu tư cho việc quảng bá... Những công cụ truyền thông như: sách, sơ đồ hướng dẫn, phim ảnh, bài viết, hay việc đưa tin thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng cần tiến hành bằng cả ngoại ngữ và phát hành rộng rãi trong cả nước và nước ngoài. Việc quảng bá, xúc tiến phải được thực hiện, tuyên truyền đúng nội dung, thời điểm và phù hợp với thị trường khách du lịch cũng như mục tiêu nên tập trung vào các hình thức: hợp báo, cổ động trực quan, website, báo chí và các ấn phẩm du lịch. Cần phải biết tiếp thị Lễ hội sao cho việc khai thác các giá trị của Lễ hội theo hướng tích cực. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, ý nghĩa của Lễ hội gắn với việc giới thiệu, tôn vinh vị thế và ý nghĩa của Lễ hội.

Các kênh truyền thông có một vai trò rất quan trọng và tỏ ra là một kênh thông tin hữu hiệu nhất để quảng bá cho Lễ hội du lịch nói chung và nói riêng. Sự đóng góp

của báo chí trong việc phản ánh và xây dựng hình ảnh Lễ hội trong tâm trí người dân là rất lớn. Do đó, cần tận dụng một cách triệt để ưu điểm của thông tin truyền thông vào quảng bá cho Lễ hội, phục vụ du lịch. Tăng cường hệ thống thông tin liên lạc và mạng internet cần được phổ biến sâu rộng, tìm kiếm sự giúp đỡ của các cấp, thành phố, các đài phát thanh, các cơ quan báo chí và phương tiện truyền thông đại chúng phổ biến và có uy tín.

Ban tổ chức nên xem xét lắp dựng các biển quảng cáo, tuyên truyền, quảng bá cho chùa An Phú tại các cửa ô và trung tâm thành phố; tổ chức họp báo tại một số thành phố lớn trong nước; tích cực tham gia các hội chợ, triển lãm du lịch trong nước và quốc tế; xây dựng kế hoạch phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng; làm việc với các doanh nghiệp hình thành các dòng sản phẩm du lịch đặc trưng làm quà tặng. Tổ chức hội thi tìm hiểu di sản văn hóa dành cho học sinh cấp cơ sở, cấp trung học và cán bộ, công chức (tùy theo địa phương). Đồng thời, yêu cầu cán bộ viết các bài viết đăng báo, tạp chí, góp phần nâng cao hiểu biết của cộng đồng về di sản. Thời gian tới, trung tâm cần tiếp tục lập hồ sơ công nhận các di tích có giá trị, trùng tu các di tích có nguy cơ xuống cấp, xây dựng các bia di tích vừa được công nhận; đẩy mạnh hơn nữa việc tuyên truyền nâng cao ý thức cộng đồng về việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

3.3.2. Đào tạo cán bộ văn hóa và nhân lực du lịch nội tỉnh

Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch là những hoạt động nhằm tăng cường số lượng và nâng cao chất lượng, hiệu quả làm việc của lực lượng lao động đang và sẽ làm việc trực tiếp trong ngành du lịch, bao gồm: lao động thuộc các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch và lao động trong các doanh nghiệp du lịch gồm đội ngũ cán bộ quản trị kinh doanh, đội ngũ lao động nghiệp vụ trong các khách sạn nhà hàng, công ty lữ hành, vận chuyển du lịch..., lao động làm công tác đào tạo du lịch trong các trường dạy nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học.

3.3.3. Giải pháp về môi trường du lịch

Hiện nay, ô nhiễm môi trường đang là vấn đề gây nhức nhối đối với không chỉ riêng khu vực nội thành mà với toàn bộ các điểm du lịch tại Thành Phố Hồ Chí Minh. Chính vì thế, để bảo vệ tốt tài nguyên và môi trường du lịch, cần thiết phải có một số giải pháp nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực từ du lịch tới môi trường, hạn chế những áp lực từ môi trường đến hoạt động du lịch. Do đó,

chúng ta chỉ có thể yêu cầu và đề xuất với ban quản lý nên có trách nhiệm với môi trường Họ cân trích một phần trong lợi nhuận để sử dụng cho việc thuê dọn dẹp và bảo Vệ môi trường cũng như khu vực mép bờ sông nơi có rất nhiều rác thải, quan trọng nhất là phải đầu tư các trang thiết bị hiện đại để có giảm thiểu lượng khói bụi thải ra môi trường. Cần phải thực hiện nghiêm chỉnh

Quy chế bảo vệ môi trường trong ngành du lịch được Bộ Tài nguyên Môi trường ban hành tháng 7/2003 và điều 15.16 chương II “Tài nguyên Du lịch” của Luật du lịch Việt Nam. Lồng ghép các hoạt động tuyên truyền bằng nhiều hình thức với các nội dung cụ thể thiết thực, dễ hiểu, thể hiện các nội dung về bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch nhằm nâng cao trách nhiệm của mọi đối tượng tham gia hoạt động du lịch, coi việc gìn giữ tài nguyên để phát triển du lịch là tài sản sinh lời của mọi người dân trong khu vực không chỉ trước mắt mà còn cho giai đoạn lâu dài. Để đảm bảo lợi ích lâu dài cho cộng đồng dân cư thì việc áp dụng đan xen, lồng ghép các giải pháp cũng như các biện pháp của ngành du lịch với các cấp các ngành là vô cùng quan trọng, việc gìn giữ môi trường tài nguyên chỉ có ý nghĩa thiết thực khi các đối tượng kinh doanh du lịch và cộng đồng dân cư coi đó là nhiệm vụ của mình

3.4. Tiểu kết

Tiểu kết Trong chương 3 đã trình bày các giải pháp, đề xuất để bảo tồn chùa An Phú và phát triển du lịch tâm tại Thành phố Hồ Chí Minh Người viết đã đề gia một số giải pháp giúp phát triển một cách bền vững trong hoạt động du lịch. Với giá trị văn hóa, lịch sử, tâm linh có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với dân tộc Thành Phố Hồ Chí Minh đang là điểm đến hấp dẫn thu hút đông đảo du khách thập phương. Để khai thác tốt các tiềm năng du lịch này cần phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền và nhân dân địa phương. Đặc biệt cần quan tâm đến các biện pháp trùng tu, bảo tồn các di tích lịch sử, giữ gìn và phát huy các lễ hội truyền thống, thường xuyên kiểm tra cơ sở vật chất, kĩ thuật hạ tầng phục du khách.

KẾT LUẬN

Kinh tế, xã hội, du lịch đang ngày càng phát triển mạnh mẽ. Việt Nam là nước có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch trong đó có Thành Phố Hồ Chí Minh là thành phố phát triển nhất và sôi động nhất cả nước. Nơi đây còn lưu giữ những di tích có ý nghĩa to lớn đối với người dân đang sinh sống và làm việc tại Sài Gòn. Thông qua những lễ hội Phật giáo muốn gửi gắm những triết lý về đời sống hằng ngày như luật nhân quả, vô thường, hiếu thuận sự biết ơn, sống đẹp và tu dưỡng đạo đức

Qua việc tìm hiểu vấn đề chúng ta phần nào hiểu thêm nguồn gốc Phật giáo, quá trình Phật giáo vào Việt Nam và du nhập vào Gia Định, tác động của Phật giáo đến du lịch và đời sống. Ta thấy rằng Phật giáo là để độ sinh chứ không phải độ tử, giúp cho chúng ta thức tỉnh, bỏ ác làm lành, vượt qua mọi khổ đau phiền muộn ngay ở trong hiện tại để có một cuộc sống hạnh phúc, an lạc cho dù còn nhiều thiếu thốn về vật chất hay bất cứ một yếu tố khách quan nào đưa lại qua đó cho chúng ta thấy rõ vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng hình thành nhân cách và tư duy con người Việt Nam.

Dù còn những hạn chế song chúng ta không thể phủ nhận những giá trị đạo đức to lớn mà Phật giáo đã mang lại. Đặc trưng hướng nội của Phật giáo giúp con người tự suy ngẫm về bản thân, cân nhắc các hành động của mình để không gây ra đau khổ bất hạnh cho người khác. Nó giúp con người sống thân ái, yêu thương nhau, xã hội yên bình. Tuy nhiên, để giáo dục nhân cách đạo đức của thế hệ trẻ thì như thế vẫn chưa đủ. Bước sang thế kỷ XXI, chuẩn mực nhân cách mà một thanh niên cần có đòi hỏi phải hoàn thiện cả về mặt thể xác lẫn tinh thần, phải có đủ khả năng chinh phục cả thế giới khách quan lẫn thế giới nội tâm. Đạo đức thế kỷ XXI do vậy có thể khai thác sự đóng góp tích cực của Phật giáo để xây dựng đạo đức nhân văn toàn thiện hơn, tự giác cao hơn vì sang thế kỷ XXI, bên cạnh sự phát

triển kỳ diệu của khoa học, những mâu thuẫn, chiến tranh giành quyền lực rất có thể sẽ nổ ra dưới sự hậu thuẫn của khoa học, các loại vũ khí sẽ được chế tạo hiện đại, tàn nhẫn hơn, dễ dàng thoả mãn cái ác của vài cá nhân và nguy cơ gây ra sự huỷ diệt sẽ khủng khiếp hơn. Khi đó đòi hỏi con người phải có đạo đức, nhân cách cao hơn để nhận ra được cái ác dưới một lớp vỏ tinh vi hơn, “sạch sẽ” hơn.

Như vậy trong cả quá khứ, hiện tại và tương lai, Phật giáo luôn luôn tồn tại và gắn liền với cuộc sống của con người Việt Nam. Việc khai thác hạt nhân tích cực hợp lý của Đạo Phật nhằm xây dựng nhân cách con người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ, là một mục tiêu chiến lược đòi hỏi sự kết hợp giáo dục tổng hợp của xã hội - gia đình - nhà trường - bản thân cá nhân, một sự kết hợp tự giác tích cực cả truyền thống và hiện đại. Chúng ta tin tưởng vào một thế hệ trẻ hôm nay và mai sau cường tráng về thể chất, phát triển về trí tuệ, phong phú về tinh thần, đạo đức tác phong trong sáng, kế thừa truyền thống cha ông cũng như những giá trị nhân bản Phật giáo sẽ góp phần bảo vệ và xây dựng xã hội ngày càng ổn định, phát triển.

Em xin chân thành cảm ơn ThS. Lê Thành Công cùng các thầy cô trong khoa văn hóa du lịch đã giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Địa Lý Du Lịch Việt Nam (Nhà Xuất bản Giáo dục, 2003) PTS. Nguyễn Minh Tuệ, PGS,PTS Vũ Tuấn Cảnh- PGS PTS Lê Thông, PTS. Phạm Xuân Hậu- PTS. Nguyễn Kim Hồng, Trần Ngọc Thêm, Cơ sở văn hóa Việt nam (Nhà xuất bản Giáo dục, 2001)
2. Minh Anh – Hải Yên, Cẩm nang du lịch Việt nam (Nhà Xuất Bản Văn Hóa, 2004)
3. Việt Nam Phật Giáo Sử Luận toàn tập (Công ty sách thời đại, Nhà Xuất Bản văn học), Nguyễn Lang
4. Tổng Cục Du Lịch Việt Nam, Non Nước Việt Nam (Nhà Xuất Bản Văn Hóa, 2006)
5. <http://vanhoanghean.com.vn/chuyen-muc-goc-nhin-van-hoa/nhung-goc-nhin-van-hoa/tu-tuong-phat-giao-va-anh-huong-cua-no-doi-voi-xa-hoi-viet-nam>
6. <https://baomoi.com/thanh-nien-ngao-da-co-thu-tren-chua-an-phu-am-tinh-voi-hiv/c/25038928.epi>
7. <http://www.vtr.org.vn/di-san-van-hoa-phat-giao-tao-suc-hap-dan-cho-san-pham-du-lich.html>
8. https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%8Bch_s%E1%BB%AD_Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam
9. <https://quangduc.com/a11386/phat-giao-sai-gon-trong-lich-su-300-nam-cua-tp-ho-chi-minh>
10. <https://phapthihoi.org/blog/nhung-le-hoi-phat-giao-nao-pho-bien-nhat-o-viet-nam/>
11. <https://thuvienhoasen.org/a11678/bai-1-tong-quan-ve-lich-su-phat-giao-viet-nam>

12. <http://ftf.saodo.edu.vn/nghien-cuu-trao-doi/su-anh-huong-cua-ton-giao-tin-nguong-den-du-lich-viet-nam-114.html>
13. <https://thuvienhoasen.org/a14412/vai-tro-cua-phat-giao-trong-tien-trinh-van-hoa-cua-dan-toc-viet-nam>
14. <https://vnexpress.net/du-lich/ngoi-chua-gan-2-000-tuoi-trung-tam-phat-giao-co-nhat-viet-nam-3867127.html>
15. <https://vnexpress.net/topic/du-lich-tam-linh-den-nhung-ngoi-chua-co-viet-nam-18505>

PHỤ LỤC

CÁC HÌNH ẢNH VỀ NGÔI CHÙA





